

TRƯỜNG QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH
LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

PHẬT GIÁO
&
CÔNG GIÁO
TRONG CHÍNH-TRỊ
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THƯ VIỆN QUỐC-GIA
VIỆT-NAM
Số 0331

Giáo-sư hướng-dẫn :
HOÀNG-XUÂN-HÀO

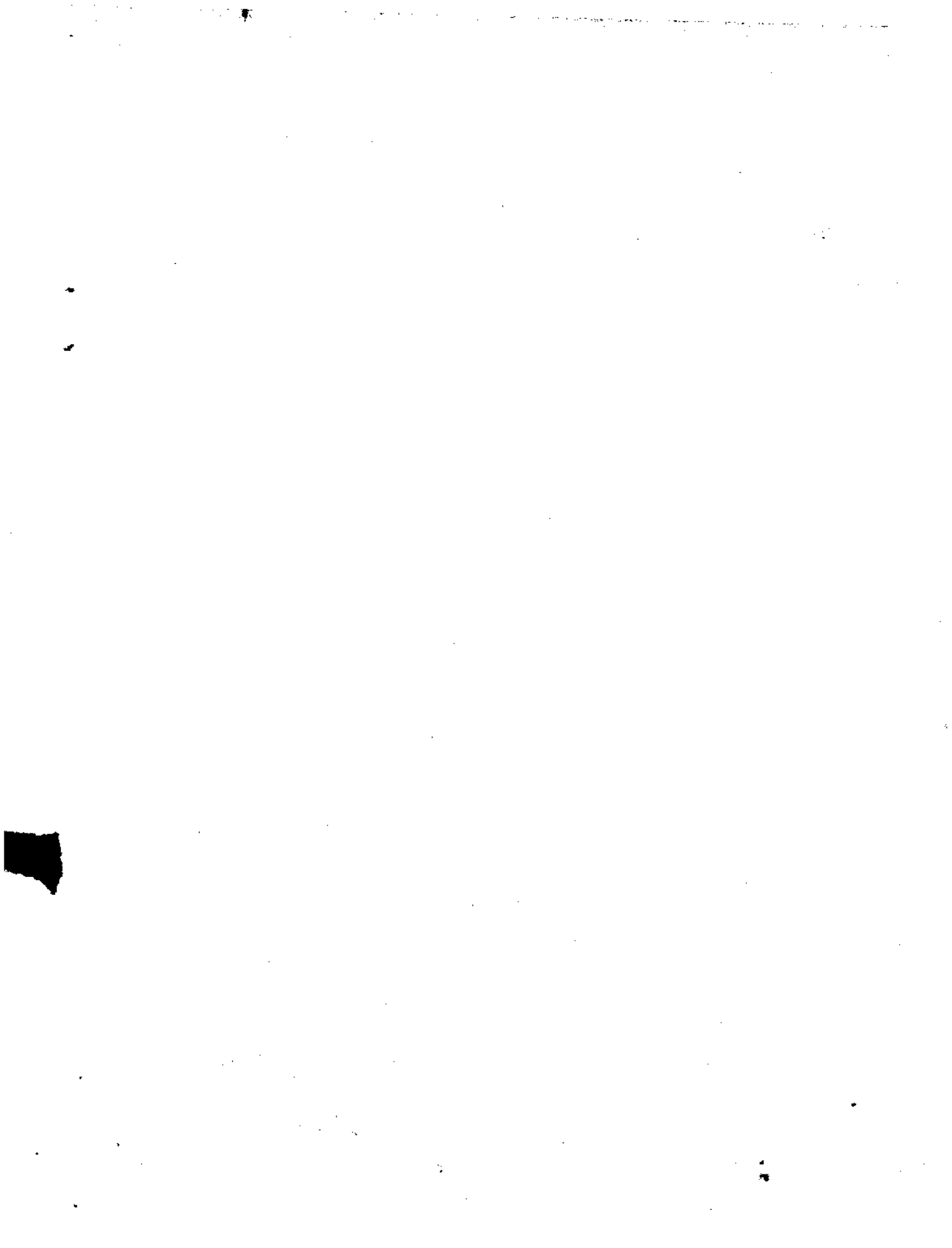
Tiến-sĩ Công-pháp

Nghị-sĩ Chủ-tịch

Ủy-ban Tư-pháp Định-chế Thượng-viện

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP

LVHC 331



TRƯỜNG QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

Không tán thành cũng không phản đối
những ý kiến phát biểu trong luận văn.
Những ý kiến đó do tác giả hoàn toàn
chịu trách nhiệm.

CHÂN THÀNH CẢM Ạ

GIÁO SƯ HOÀNG XUÂN HÀO
Tiến sĩ công pháp

Đã tận tâm hướng dẫn chúng tôi
hoàn thành luận văn này

THÀNH KÍNH GHI ƠN

- Giáo sư Viện Trưởng
Trưởng Quốc Gia Hành Chánh
- Giáo sư Phó Viện Trưởng
Trưởng Quốc Gia Hành Chánh
- Quý Vị Giáo Sư trong Ban Giảng Huấn
lớp Đốc Sự Hành Chánh Khóa XIX
Trưởng Quốc Gia Hành Chánh

ĐÃ TẬN TÌNH HƯỚNG DẪN CHÚNG TÔI
TRONG SUỐT HỌC TRÌNH 1971 - 1974

KINH DẠNG MÃ

MỤC LỤC

	trang
DẪN NHẬP	
1/ Đặt vấn đề Tôn giáo và Chính trị tại VNCH	2
2/ Luận sử mối tương quan giữa Tôn giáo và Chính trị	2
3/ Giới hạn đề tài	5
4/ Phương pháp nghiên cứu	6
5/ Giới thiệu bố cục luận văn	7

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG THÀNH TỐ THỂ LỰC CỦA CÔNG GIÁO VÀ PHẬT GIÁO

THIÊN 1: UY TÍN XÃ HỘI	
CHƯƠNG 1 Thời cơ Tôn giáo	9
CHƯƠNG 2 Giá trị tinh thần của Tôn giáo	15
THIÊN 11: TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VÀ PHẬT GIÁO	
CHƯƠNG 1 Sự mạng Tôn giáo	18
Tiết 1 Sự mạng Giáo hội Phật giáo Việt nam thống nhất	18
Tiết 11 Sự mạng Giáo hội Công giáo Việt nam	22
CHƯƠNG 11 TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH GIÁO HỘI	
Tiết 1 Tổ chức, nhân sự và tài nguyên của Phật giáo	25
Tiết 11 Tổ chức, nhân sự và tài nguyên của Công giáo	35

PHẦN THỨ HAI

SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA CÔNG GIÁO VÀ PHẬT GIÁO

THIÊN 1 : NHỮNG KỸ THUẬT THAM GIA CHÍNH TRỊ

CHƯƠNG 1	NHỮNG KỸ THUẬT HÀNH ĐỘNG ÔN HÒA	47
Đoạn 1	Tiếp xúc	48
Đoạn 11	Những phương tiện truyền thông	49
Đoạn 3	Những cuộc tuyển cử	51
CHƯƠNG 11	NHỮNG KỸ THUẬT HÀNH ĐỘNG MẠNH	53
Đoạn 1	Bãi khóa , đình công, bãi thị	53
Đoạn 2	Tuyệt thực, đem bản thờ xuống đường, tự thiêu	53
Đoạn 3	Biểu tình, biểu dương lực lượng	56

THIÊN HAI DIỄN TRÌNH SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA TÔN GIÁO

CHƯƠNG 1	CÁC GIAI ĐOẠN THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA CÔNG GIÁO-PHẬT GIÁO	58
Tiết 1	Giai đoạn chuyển tiếp (1963-1967)	59
Tiết 2	Tôn giáo và nền đệ 11 Cộng hòa Việt nam	66
CHƯƠNG 11	TƯƠNG QUAN GIỮA TÔN GIÁO VÀ CÁC LỰC LƯỢNG CHÍNH TRỊ	68
Đoạn 1	Tương quan giữa tôn giáo và các lực lượng Chính trị tại Việt nam Cộng hòa	68
Đoạn 2	Tôn giáo và các lực lượng Chính trị bên ngoài	69

TỔNG KẾT LUẬN

A/VẤN ĐỀ PHÂN LẬP GIÁO CHÁNH	74
B/SỰ HỢP TÁC CÁC TÔN GIÁO	76

D A N N H A P

THƯ-VIỆT QUỐC-GIA

1/ Trong giai đoạn của lịch sử Việt Nam ngày nay, Tôn giáo trở thành những lực lượng Chính trị mạnh mẽ và tìm cách tham dự tích cực vào sinh hoạt chính trị quốc gia. Hoạt động chính trị của tôn giáo càng trở nên quan trọng vì tôn giáo tỏ ra là những lực lượng duy nhất có căn bản quan chúng và được tổ chức trong khi các chính đảng chính trị lại lan rời rớt vào họ bè tấc. Biên cố năm 1963 là bước khởi đầu cho một sự can thiệp triển mien của tôn giáo vào diện trình chính trị của đất nước. Tương quan giữa Công giáo và Phật giáo đã có hội, trở nên gay gắt với những xích mịch hiệu lam xảy ra, nhưng lại may mắn đôi thoai và hợp tác vì đó là niềm hy-vọng cuối cùng cho giải pháp hòa bình của dân tộc. Mọi sự nghiên cứu khoa học các vấn đề tôn giáo sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn vấn đề Việt-Nam và có ích cho nền chính trị nước nhà.

Đặt vấn đề trong khung cảnh tương quan Phật giáo và Công-giáo với Chính trị.

Trở về lịch sử Việt-Nam 500 năm trở về trước, Phật giáo đã có một thời gian dài oanh liệt, tư tưởng Phật giáo thấm nhuần chính sách Quốc-Gia và nếp sống quan chúng. Từ nhập Việt-Nam từ thế kỷ thứ hai, Phật-giáo đã may mắn thu phục tâm tính của quan chúng và trở thành tôn giáo của quan chúng. Với lý tưởng từ bi xả kỷ, cộng thêm sự linh động và tài năng của các tăng sĩ lãnh đạo, Phật giáo đã có vai trò quan trọng trong đời sống Chính-trị Việt-Nam xưa cũng như nay, và cũng thường là nạn nhân của những biện pháp kỳ thị hoặc đàn áp của nhà cầm quyền.

Phật giáo được coi là cố công lao trong việc xây dựng quốc-gia Việt-Nam từ chủ với các danh Tăng làm cơ vận Vua Đinh (968-980) Lê ((980-1010) Lý (1010-1225) Trần (1225-1400) mạnh nhất suốt 400 năm đầu triệu Lý Trần, Phật giáo qua tín đồ đông đảo và cam bộ giới lãnh đạo là tôn giáo được ưu đãi hơn hết. Nhưng bản chất của Phật giáo thiên họ không tìm cách không che. nó lại khoan dung với các tôn giáo khác. Chính các thiên ni là công tác với chính quyền để đặt cơ sở đầu tiên cho Khổng giáo cũng như Nho-giáo khiet lập các khoa thi bổn trường cũng như khoa thi tam giáo. Thật vậy, cả ba tôn giáo đều được tôn trọng chứ không riêng gì Phật giáo, người ta gọi đó là thời đại tam giáo đồng tôn (1).

Bất hạnh thay, cũng trong thời gian cực thịnh từ thế kỷ 10 đến 14, Phật giáo đã không thiếu những đối thủ trong hánh Nho gia và quan

(1) Hào, Hoàng-Xuân: Phật-giáo và chính trị Việt-Nam ngày nay, Luận-án Tiến-sĩ Đại học Sài Gòn 1972, (p. 3b).

lại chống đối gay gắt và tìm cách gạt bỏ Phật giáo khỏi vai trò lãnh đạo về ý thức hệ Quốc gia (2) Đầu có sự khác biệt quan trọng giữa Khổng thuyết và giáo lý Đức Phật, nhưng các quan lại và Nho gia chống lại Phật giáo chỉ vì lý do Kinh tế và chính trị. Phật giáo đã tạo dựng được một sức mạnh kinh tế lớn lao dưới triều Lý và Trần, đáng sợ hơn nữa là sự hiện diện những cộng đồng độc lập và biệt lập như tu viện, chùa chiền có thể trở thành sào huyệt của âm mưu phản loạn. Sử gia Lô-văn-Huu ngay thế kỷ 13 đã viết: Vua đầu tiên triều Lý, hai năm sau khi lên ngôi đã xây xong 8 ngôi chùa quanh Thiên đức, dùng hơn 1000 sự sai trong kinh thành. Bao của cải, công lao phí phạm. Mả của cải đầu phải trôi cho, công lao đầu phải trôi làm. Phật chẳng là hút máu, mò hôi dân (3) Nguy hiểm hơn nữa là "các tăng sĩ đi mọi nơi, với một đăm tíu đồ công đảo theo họ". (4)

Đến đầu thế kỷ 15, quốc gia bị quân Minh xâm chiếm, chính một nông dân Lê-Lợi, đã cựa đầu phong trào yêu nước giải phóng dân tộc và quân sự của Ngài không phải là một tăng sĩ mà là một nho gia: Nguyễn-Trãi. Khổng giáo bắt đầu thay thế Phật giáo. Suốt 500 năm dài dằng dặc, Phật giáo đi vào con đường u tối, bị đối xử khắt khe, chèn ép. Về hoàn toàn lu mờ trên chính trường, kèm theo một tình trạng phi tổ chức cộng vào đó là những biến thể dị đoan.

Cho đến năm 1930, lương sống phục hưng Phật giáo mới bắt đầu thổi vào Việt Nam, cùng lúc với những phong trào giải phóng dân tộc thuộc tiêu chống đế quốc. Các hội Phật học, Phật giáo, Phật học Viện ra đời. Phong trào đã có lúc bị ngưng trệ vì chiến tranh nhưng lại được tiếp tục cho đến năm 1951 thì thành lập được một Tổng hội Phật giáo Việt Nam, kết hợp các hội Phật học và hội Tăng Già ba miền thành bị thống nhất Phật giáo, và là lực lượng nòng cốt chỉ đạo cho phong trào tranh đấu 1963. Tổng hội đã cùng với năm tập đoàn Phật giáo khác lãnh đạo cuộc vận động 1963, dưới danh nghĩa ủy-ban Liên phái bảo vệ Phật giáo, và sẽ là tiền nhân của Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất.

Cuộc tranh đấu 1963 đã mở đầu cho một giai đoạn lịch sử mới của Phật giáo. Thật vậy trong khi tiến nổi của Phật giáo xuất hiện mạnh mẽ trên chính trường Á-Đông, thì tại Việt Nam, giới tăng sĩ lại than xoi xa niềm vui phục. Vào dịp Phật lịch 2507, biến cố hạ cờ và đổ máu tại Đại Phật Thành Huế đã mở màn cho một lương song phản mọ lan tràn từ cố đô Huế đến toàn quốc với những cuộc xuống đường, tự thiêu đầy bị thông làm rung động lương tâm nhân loại. Bông chóc, Phật giáo trở thành tiếng nói chính thức của mọi phe phái chính trị không có lối thoát trong một chế độ độc tài. Phản ứng bạo tàn của nhà cầm quyền càng làm cho tình thế

-
- (2) : Viên, Nguyễn Khắc: Tradition et Révolution du VN p.31, PLON, 1968
(3) : Viên, Nguyễn Khắc, p.33, sách đã dẫn.
(4) : Nguyễn hữu Chính, Les Croyances religieuses et la vie politique au VN, thèse de doctorat, Université de Paris, 1970

chính mũi nhọn để rồi cuộc vận động vừa có tính cách tôn giáo vừa chính trị này đưa Phật Giáo lên hàng có công đầu thực đẩy các Tướng lãnh thực hiện âm mưu đảo chánh 1963. Tuy nhiên, đây chỉ là bước đầu cho con đường C.T. của PG, vì Phật Giáo Việt Nam thông nhất nơi bất nhất trên chính trường sau 1963 và đóng đúng vai trò đoàn thể áp lực đúng ý nghĩa hiện đại. Từ 1964 đến 1970, Phật Giáo đã hào hứng ủng hộ lên chống Hiến chương Vũng Tàu (1964) và âm mưu kỳ thị, đã phản đối chính phủ Trần Văn Hương và đòi bảo vệ chủ quyền QG, đã đòi hỏi một Quốc hội lập hiến, đã phụ nhận Hiến pháp 1967 cũng như chống Tướng Thiệu Kỳ và chống Mỹ. Cho đến 1970, Phật Giáo tỏ thái độ hòa hoãn và tranh đấu trong vòng hợp pháp, đã tham gia tích cực vào những cuộc bầu cử Thượng Hạ Nghị Viện. Dầu là một đoàn thể áp lực chính trị mạnh, nhưng lại là khiếm thiếu số trong gương máy CT và đóng vai trò đối lập.

Trái với Phật Giáo, lịch sử Công Giáo là một lịch sử mới mẻ và là của sự bách hại. Đây là lịch sử của sự thâm nhập tuy chậm chạp lúc đầu nhưng lại thành công của Thiên Chúa Giáo. Và biết bao hy sinh xương máu của các sứ giả và môn đệ đầu tiên của Chúa đã trả cho cuộc chinh phục này (5).

Bước chân nhà truyền giáo xuất hiện ngày vào thế kỷ thứ 16, cuốn Khâm Định Việt Sử chép rằng "năm 1533, một nhà truyền giáo ngoại quốc tên Inerhu giảng đạo Kytô trong 2 làng Quỳnh Anh và Ninh Cường, tỉnh Nam Định". Công cuộc truyền giáo này được nối tiếp vào thế kỷ 17 bởi các Cha Dòng Tên và nhất là nhờ công lao của Linh Mục Alexandre de Rhodes, được xem như vị sáng lập Hội Truyền giáo Đông Dương. Mãi cho đến lúc bấy giờ Việt Nam tỏ ra là vùng đất hứa cho hạt giống Phúc Âm. Thống kê năm 1639 ghi nhận đến 100.000 người công giáo với hơn 100 giáo đường. Chỉ riêng năm này, 12.300 người tân tòng được rửa tội. Vào năm 1663 đã có 300.000 công giáo tại Bắc Kỳ (6) Nhưng giáo lý công giáo đã sớm cho thấy là một cách mạng đối với quan niệm tôn giáo có truyền của nước ta. Hơn nữa sự hiện diện của những tổ chức CG còn là một yếu tố phân ly, làm trở ngại cho việc tổ chức quốc gia bằng những nguyên tắc nho giáo cũng như việc củng cố uyển hành của Vua chúa, vì vậy công giáo cũng mau lệ trở thành một tôn giáo đối nghịch của hàng nho gia. Mau từ đạo đầu tiên của thầy André Trung mở màn cho hơn 200 năm bách hại ghê gớm. Cuộc bách hại này đã không hề tha thứ cả đến những nhà truyền giáo Tây Phương, vì vậy đã trở thành một cơ hội cho nước Pháp xâm lăng và đánh mất nền độc lập nước ta. Tất cả bị kịch hiện tại của công giáo Việt Nam ở chỗ người CG không những bị khinh ghét vì họ là công giáo, mà còn vì bị coi là đồng minh của Pháp, tức kẻ thù dân tộc. Sự tự do hành đạo nhờ sự can thiệp của đế quốc Pháp đã đè nặng tâm tư người công giáo Việt Nam một mặt cam

(5): Triết, Trần minh, Histoire des persécution au Viet Nam imprimerie de Notre Dame de Paris, Blois 1955 (p.27).

(6): Triết, Trần minh, p.41 sách đã dẫn.

tội lỗi khó quên. Cho đến tuyên ngôn độc lập 1945, Người CG mới có cơ hội chung tộ họ là những người Việt yêu nước. Các Giám Mục Việt Nam đứng bên hàng ngũ của người Quốc gia yêu nước, hàng chục ngàn giáo dân biểu tình ủng hộ chế độ tại Hà Nội, Vin. Bernard Fall đã công nhận qua thật Giáo hội CG là tiền quân của phong trào QG Việt Nam (7) nhưng mọi sự lại đổi t thay vào mùa xuân 1946 khi các lãnh tụ Việt minh tổ ý muốn áp đặt một chính thể độc tài Cộng sản và tìm cách thanh toán những người Quốc gia yêu nước. Vì vậy thái độ Giáo hội CG đi vào một khúc quanh khác vào tháng 12 năm 1951 qua lá thư mục vụ của các Giám Mục Việt Nam họp tại Hà Nội đã kịch liệt liệt Cộng sản, và sự thù hận giữa Công giáo và Cộng sản vẫn còn rục rua cho đến ngày nay đây cũng là bi kịch của dân tộc Việt Nam, trên con đường định mệnh của lịch sử, chỉ còn 1 đảng Cộng sản có tổ chức, dưới sự lãnh đạo của một nhạn vật sang chơi đã biết phát cờ độc lập, nhưng bất hạnh thay lại để phục vụ đảng. (8)

Hiệp định Genève phân ly đất nước thành 2 miền Nam Bắc. Hơn nửa triệu người Công giáo miền Bắc di cư vào Nam đã nhận đời sống tin hũu tại miền Nam. Tại đây, sự chấp chánh của cố Tổng thống Ngô Đình Diệm đã được họ xem là giai đoạn toàn thắng sau những năm tháng bị bách hại và sỉ nhục, bị nghi ngờ phục vụ quyền lợi ngoại bang vì từ đây vì đại diện cho tinh thần Quốc gia là 1 lãnh tụ người Công giáo. Giáo hội Công giáo bắt đầu được củng cố và phát triển, được chính quyền kiêng vì đã dễ dàng dành những ưu đãi, người Công giáo được nâng đỡ cũng như được trọng dụng vào những chức vụ quan trọng trong guồng máy chính trị QG. Nhưng chính quyền thân Công giáo nên đệ I Cộng Hòa đã sớm mang những lời làm và đi vào con đường độc tài rồi kết thúc bằng tiếng súng cách mạng 1963, vài ngày sau biến cố này các nhà lao chất nịch căn bộ chế độ cũ mà đa số là Công giáo. Công giáo cũng tự cho là chịu những biện pháp bạc đãi và kỳ thị của những Chính quyền chuyên tiếp hoặc thân PG hoặc vì yêu kem nên muốn tìm hậu thuẫn ở Tôn giáo này. Vì vậy người Công giáo đã sớm đứng lên biểu tình, biểu dương lực lượng. Việc tượng một cuộc chiến tranh Tôn giáo tương tàn giữa PG và CG suy t trở thành sự thật năm 1964 đã sớm ngưng tất, và giai đoạn sáo trộn cũng dần chấm dứt với Hiến pháp 1/4/1967 mở đầu cho nền đệ II Cộng Hòa Việt Nam. Song song với sự thiết lập gác định chế dân chủ được Hiến pháp qui định, trình trạng ổn định đã sớm trở về trên đất nước, CG tỏ ra chiếm lại được ưu thế chính trị của mình ngày trước.

3/ Giới thiệu đề tài luận văn đặt ra và các vấn đề luận văn muốn giải quyết.

a- Giới thiệu và lợi ích đề tài.

Hoạt động CT của tôn giáo đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống QG, tương quan giáo chánh cũng đã trải qua những giai đoạn đầy biến cố.

(7) Fall, Bernard le Việt Minh p. 165, Colin Paris 1960

(8) Gheddo, Piero: Catholiques et bouddhistes au Việt Nam p. 80, Groupes des Editions, Paris 1970.

Vì vậy đề tài này được chọn vì:

- Tính cách mới mẻ: Bên cạnh những thứ mục về Việt Nam, rất ít thấy nói về hoạt động chính trị của tôn giáo. Trong khi đó hoạt động này qua là những hiện tượng ngoạn mục. Nhưng tu sĩ đã xuất hiện hoặc như những chiến sĩ chống cộng qua khích hoặc để phục vụ lý tưởng nhân quyền.

- Tính cách quan trọng: Quan trọng hơn nữa, là tôn giáo Việt Nam là những lực lượng chính yếu cơ sở của quan chúng, trong khi chính đảng chính trị đang lùi dần vào bóng tối. Sẽ không có một giải pháp chính trị ổn thỏa cho đất nước mà quên van đề tôn giáo.

b- Đặt vấn đề :

Nếu việc tranh đấu để bảo vệ Đạo pháp và dân tộc bị gán là lăm lăm giữa Đạo và Bồi, hay nếu sự im lặng không làm CT bị coi là đồng lõa với chính quyền thì CG và PG phải tìm phương cách gì hữu hiệu nhất để hoạt động, đề tượng quan Đạo đời được giải quyết ổn thỏa. Luận văn này chỉ dám đặt một số vấn đề hầu mong những người có trách nhiệm giải quyết.

c- Giới hạn đề tài:

Vậy luận văn chỉ giới hạn trong :

- Giới hạn đối tượng nghiên cứu: Chỉ nghiên cứu 2 Tôn giáo chính ở Việt Nam là Công giáo và Phật giáo. (Phật giáo Việt Nam Thống Nhất) danh từ Tôn giáo dùng trong luận văn phải được hiểu là ám chỉ hai Tôn giáo này

- Giới hạn không gian: Luận văn còn giới hạn vấn đề chỉ ở Việt Nam Cộng Hòa và giới hạn cả về thời gian.

- Giới hạn thời gian: Từ biến cố 1963 cho đến ngày nay. Lẽ dĩ nhiên một sự qui chiếu trong quá khứ sẽ cần thiết để soi sáng một vài thái độ chính của Tôn giáo ngày nay.

4/

Phương pháp nghiên cứu:

Để thực hiện luận văn này, chúng tôi đã áp dụng các phương pháp phỏng vấn, Xã hội Tôn giáo học, nhưng quan trọng hơn van là phương pháp Chính trị học, trong đó, một sự quan sát, sưu tầm và hệ thống hóa các dữ kiện về tôn giáo VN mới có thể giúp chúng tôi hiểu rõ van đề PG và Công giáo trong Chính trị VNCH.

5/

Giới thiệu bộ cục luận văn:

Phật giáo và Công giáo đã can thiệp tích cực vào hoạt động chính trị và đã hành động như 1 đoàn thể áp lực thực sự. Vấn đề tìm hiểu của chúng ta là thể lực 2 Tôn giáo ấy thế nào, gồm yếu tố gì và quan trọng ra sao. Câu trả lời sẽ là đối tượng nghiên cứu của phần I.

Biết thể lực rồi, ta còn xem đoàn thể sử dụng nó ra sao, với mục tiêu nào? Tóm lại ta nghiên cứu Công giáo và Phật giáo tham gia chính trị tại Việt Nam. Đó còn là đối tượng của phần 2. Như vậy luận văn Công giáo và Phật giáo trong chính trị Việt Nam gồm 2 phần:

Phần I : Những thành tố thể lực Tôn giáo

Phần II : Sự tham gia chính trị .

PHẦN I

NHỮNG THÀNH TỐ CỦA THỂ LỰC :

Ngày nay không còn ai nghi ngờ việc hội nhập Tôn giáo vào loại các đoàn thể áp lực. Nói tổng quát, đoàn thể áp lực là đoàn thể tư lợi, dùng phương tiện can thiệp với chính quyền một cách thường xuyên hay không thường xuyên để đòi thỏa mãn những nguyện vọng, được chấp nhận những yêu sách hay khẳng định những ý kiến, nêu can, hoặc chống lại sự tan công nhà nước (10) đối lại, Chính quyền cũng không thể bỏ qua được những cuộc vận động này. Nhất là tại Việt Nam, Thế lực Tôn giáo mạnh mẽ đến độ Chính quyền đã luôn luôn muốn tìm hậu thuẫn nơi những Tôn giáo này. Tương quan thế lực giữa Công giáo và Phật giáo đã biến chuyển để đi đến một thế quân bình trong tương quan giữa những lực lượng Chính trị hiện nay. Phân tích thế lực Tôn giáo, ta phải kể đến :

Thiên I : Uy tín xã hội

Thiên II : Cơ cấu nội bộ

(10)Hào, Hoàng Xuân : sách đã dẫn p 14

THIÊN I: UY TÍN XÃ-HỘI

Sự hiện diện lâu đời của Phật giáo cũng như hơn 300 năm của Công giáo tại Việt Nam qua những thăng trầm của lịch sử tự nó là một giá trị và chứng minh uy tín của mình. Uy tín ở đây, do thời cơ của Tôn giáo (Chương I) và giá trị tinh thần của Tôn giáo (Chương II) mang lại.

CHƯƠNG I : Thời cơ Tôn giáo.

Dưới chế độ đệ I Cộng Hòa, Công giáo đã chiếm được một thế lực chính trị mạnh mẽ, và là một thách đố đối với Phật giáo đang trên đà phục hưng. Chỉ có thể trở về hoàn cảnh chính trị và Tôn giáo năm 1963 mới hiểu được tại sao cuộc vận động Phật giáo đã thành công.

Tiết 1 : Hoàn cảnh chính trị

Tiết 2 : Hoàn cảnh Tôn giáo.

TIẾT I : Hoàn cảnh chính trị .

Chính sách độc tài của nền đệ I Cộng Hòa đã đưa mọi phe phái chính trị trong nước vào ngõ cụt, chỉ đợi đến khi cuộc vận động Phật giáo 1963 mới hé nở cho mọi cá nhân và lực lượng chính trị bất mãn với chế độ con đường tranh đấu nhằm thanh toán nhà độc tài Công giáo. Cộng hội thành công càng gần gũi sự thật hơn khi người Mỹ tỏ ra ủng hộ cuộc tranh đấu này .

Đoạn 1 : Hoàn cảnh chính trị quốc nội và quốc tế.

Ngô Đình Diệm trở về Việt Nam làm thủ tướng năm 1954 với sự ủy quyền vô hạn về quân sự và dân sự của quốc trưởng Bao Đại . Tình thế bấy giờ bi đát đến nỗi khó ai nghĩ rằng miền Nam có thể sống còn được (9) qua vậy, 2 ngày sau khi Hội nghị Genève chấm dứt, chế độ Cộng sản của Hồ chí Minh đã không giầu diễm gác mộng thống nhất đất nước . Giấc mộng này phản ánh thực trạng đất nước lúc bấy giờ : 1 miền Bắc cai trị do âm vang chiến thắng trận Điện Biên , và một miền Nam bên bờ vực thẳm . Vì vậy , ngay từ đầu , những người thân tín của Thủ tướng đều đồng ý là chỉ có thể lập 1 chính thể mạnh mới được coi là điều kiện ưu tiên để chống cộng (10)

(9) Buttinger, Joseph p4 The small dragon, a political history of Việt Nam Praeger, NY 1958 .

(10) Thêm, Đoàn , p 5: Những ngày chưa quên , xuất bản Phạm quang Khai.SG 1969

Mở đầu cho việc xây dựng một chế độ quyền uy, Thủ tướng tìm cách thực hiện toàn quyền trên căn bản thống nhất quân đội, hành chính và tài chính mà trước đó Sắc lệnh 38/QT ngày 16/6/1954 mới chỉ ban trên giấy tờ cuộc xung đột giữa Quốc Trưởng và Thủ Tướng cũng đã chấm dứt vào ngày 23-10-1955 với 5.721.735 phiếu thuận truất phế Bảo Đại và công nhận Thủ tướng lên chức vị Quốc Trưởng và mở đầu cho việc suy tôn Ngô Đình Diệm làm Tổng Thống của nước Việt Nam Cộng Hòa. Hiến pháp 1956 đầu tiên đánh dấu một bước tiến trên đường định chế tư khi có một chính quyền QG, đã dành cho Hành pháp quyền hạn mạnh mẽ. Hành pháp không chịu quyền kiểm soát của lập pháp và thuộc l Tổng thống đứng trên cả Quốc hội, không những thi hành luật pháp do đại diện nhân dân biểu quyết nhưng còn điều khiển CP và lãnh đạo quốc dân và như vậy có nhiều uy thế hơn cả Tổng thống Hoa Kỳ (11) để đề dề hoạt động hơn nữa, Tổng thống còn ra sắc lệnh tuyên bố tình trạng khẩn cấp trên toàn quốc và được quyền ban hành đặc luật về các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia vv... do sự uy quyền của Quốc hội ngày 19-10-1961. Của Ngô dân đến chế độ độc tài càng rộng rãi hơn khi trong thực tế Tổng thống điều khiển một chính phủ gồm những người được chọn trước hết vì lòng trung thành và thái độ hiền hòa và Quốc hội thì hầu hết là người thuộc các đoàn thể do ông Diệm và anh em sang lập được bầu lên theo những lệ lối hợp pháp bề ngoài, nhưng không được mấy ai tin là ngay thẳng (12) Quyền uy rất mạnh dành cho Tổng thống nếu được dùng đúng cho thì việc nước có thể cải tiến mau lẹ (13) nhưng khôn thay nếu vị lãnh đạo làm lan thì chỉ còn những hậu quả tai hại. Vì đặt mục tiêu chống cộng ưu tiên hơn việc xây dựng dân chủ (14) Tổng thống Diệm đã không ngại ngừng dùng những phương pháp độc tài dân áp, tin tưởng vào đám thuộc hạ, bả con trung tín, ông đã đưa chế độ xa lìa dân chúng và làm cho chế độ trở thành l hình ảnh lụ mờ của đời thu ông (15) cuộc vận động Phật giáo 1963 đã qui tụ và kết hợp được những thành phần và lực lượng đối lập trong nước để đi tìm con đường giải thoát cho l tình thế chính trị bế tắc do chế độ độc tài tạo ra. Cuộc vận động này được thế giới và người Mỹ ủng hộ. Thật vậy, chính sách dân áp, thiếu dân chủ của Tổng thống Diệm đã đánh mất tình cảm của thế giới đối với chế độ. Nguy hại hơn nữa, là một đồng minh quan trọng nhất của chế độ: Hoa kỳ, mà sự rạn nứt bang giao do bất đồng về quan niệm xây dựng dân chủ và chỉ đạo chiến tranh đã khuyến khích những cuộc vận động lật đổ chính thể, Qua thực Hoa kỳ đã dính líu đến cuộc đảo chính 1963. Tài liệu mật về chiến tranh Việt Nam của Nga Giác đãi có

(11) Thêm, Đoàn, p16/, sách đã dẫn.

(12) Thêm, Đoàn p. 172 sách đã dẫn.

(13) Thêm, Đoàn, p 171

(14) Hòa, Hoàng Xuân p 22, sách dẫn, trích lại Honey p; đăng trong Politics in SA edited by Saul Rose 1963

(15) Scigliano, R: South VN, Nation under tress, p90 Houghton, Boston 1964.

viết: Tổng thống Kennedy đã biết và chấp nhận các kế hoạch đảo chánh bằng quân sự lật đổ Tổng thống Diệm (16) Trong cuộc phỏng vấn của Piero Gheddo với Thượng Tọa Trí Quang, Thượng Tọa có nói: "Tổng thống Diệm bị hạ sát do cuộc đảo chánh được Mỹ hỗ trợ, Thượng Tọa còn tiếp: là không có ý loại trừ ông Diệm mà chỉ muốn được tự do dân chủ nhiều hơn cũng như sự bảo đảm của tổng thống Diệm không bình vực một cách lộ liễu người Công giáo". Vậy chính phủ Ngô Đình Diệm có phải là chính Phủ Công giáo không?

Đoạn 2 : Chính phủ Công giáo Ngô Đình Diệm ?

Công luận thường trách cứ chế độ Ngô Đình Diệm là chế độ Công giáo. Nhưng phải nhìn nhận điều này không đúng.

Người ta hay trách móc căn bản triết lý của chế độ: lý thuyết nhân vị, nhuộm màu sắc công giáo và người Công giáo giữ những chức vụ quan trọng trong QG. Tuy nhiên, ta phải hiểu rằng ý tưởng nhân vị chỉ có thể hiện ra ở hai thiên đầu của Hiến pháp 1956. Còn phần cơ cấu CQ, nghĩa là khi chuyển sang phần ứng dụng và nếu xét về mặt Công pháp thì rất khó thấy tương quan gì giữa lý thuyết và các guồng máy quốc gia (17) Đối với việc bổ nhiệm những người Công giáo vào những chức vụ quan trọng, chắc chắn Tổng thống Diệm không dựa trên một kỹ thuật Tôn giáo nào mà lại là ở sự tin tưởng vào tinh thần chống cộng của người mà ông chọn. Chỉ có 5 trong 18 Bộ trưởng là người Công giáo trong khoảng thời gian có khủng hoảng Phật giáo 1963. (18) Quan trọng hơn là thái độ muốn phân lập giáo chánh của hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam và sự phản kháng của những trí thức Công giáo miền Nam.

a- Thái độ của hàng Giáo phẩm.

Trừ vị niên trưởng của hàng Giáo phẩm: Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục mà sự hoạt động chính trị có thể đem lại sự lam lũ đông hoa Công giáo và chính quyền, đa số các Giám mục Việt Nam đều muốn đứng ngoài chính quyền. Ví dụ điển hình là bức thư mục vụ đầy can đảm của Đức Tổng Giám Mục Nguyễn văn Bình vào cuối mùa hè 1963 đã phân lập giáo chánh mà Thượng Tọa Nhật Hạnh có viết lại: Trong cuộc tranh đấu của quan chúng chống chế độ Ngô Đình Diệm, có sự lên tiếng và tham dự của một số người Công giáo tiên bộ, Trong lúc Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục tỏ ra ủng hộ và đồng nhất hóa với chính quyền Ngô Đình Diệm thì Đức Tổng Giám mục Nguyễn văn Bình đã nói được trong một bức thư luận luận rằng Hội Giáo hội cơ phạm vi riêng. (19) Một linh mục Việt Nam tại Giáo phận Huế

(16) Neil Sheeham and Hedrich Smith : Pentagon's papers, Bantam Book Inc NY 1971

(17) Thêm, Đoàn p 25 sách đã dẫn

(18) Bouscaren, A. rawick. Diem of Việt Nam p 89 duquesne University press, Pittsburgh 1965

(19) Hạnh, Nhật, Hoa sen trong biên lưa p 106- 107, Hội Phật Tử Việt kiều hải ngoại, 1966, Paris.

đã nói: Tổng Giám Mục Thực Luân đồng ^{hóa} hành với CQ của em Ngài. Trong việc đó ông đã gặp sự bất đồng của những Giám Mục khác. Đối với các tín hữu Công giáo, không phải tất cả đều ủng hộ Tổng thống Diệm.

b- Phản kháng nơi giáo dân miền Nam .

Sau 1956, GHVN tăng đời nhờ làn sóng di cư người công giáo miền Bắc. Chính làn sóng người này mà sự ủng hộ rầm rộ chế độ đã cho thấy cam tuông là người công giáo đều hưởng ứng chế độ. Tuy nhiên nhất là giáo dân miền nam, đã không thiếu trong hàng ngũ những người đối lập hay động khùng trong một sự trung lập đầy ý nghĩa (20). Đây là trường hợp của Luật sư Nguyễn Văn Huyền chủ tịch phong trào công giáo tiến hành của " Nhóm Trí thức Công giáo" (Pax Romana,) hay nhóm " Sống Đạo". Thái độ này của một số trí thức công giáo và của giáo phạm đã đưa công giáo đi vào con đường tự lập, không nương dựa trên thế lực chính quyền Ngô đình Diệm (21).

Nếu chế độ Ngô đình Diệm không phải là chế độ công giáo thì sự kỳ thị tôn giáo và đàn áp Phật tử hàng đực Phật giáo nêu lên phải hiểu như thế nào . Đây là đối tượng nghiên cứu của Tiết 2 : Hoàn cảnh tôn giáo .

TIẾT II : HOÀN CẢNH TÔN GIÁO

Hoàn cảnh chính trị đầu là yếu tố rất quan trọng nhưng không phải là nguyên động lực của cuộc tranh đấu Phật giáo. Động lực tranh đấu của Phật giáo là sự kỳ thị tôn giáo, đó là sự thách thức giữa một giáo Hội công giáo đầy uy thế và một Phật giáo phục hưng Việt nam

Đoạn 1: Hoàn cảnh Tôn giáo dưới thời Đệ I cộng Hòa

Vấn đề kỳ thị tôn giáo trở nên gay gắt vào năm thứ 9 của chế độ đệ I cộng hòa. Biên cố hệ coi và thăm sát tại Huế đã làm nổi tung cuộc nổi dậy của Phật giáo . Vậy ta sẽ xét vấn đề kỳ thị được thực hiện trên bình diện pháp lý và thực tế như thế nào.

a- Vấn đề kỳ thị trên bình diện pháp lý: người ta không tìm thấy một điều khoản nào trong Hiến pháp tiêu biểu cho chính sách kỳ thị Tôn giáo (22). Tuy nhiên trong nền pháp chế đương thời, nhà cầm quyền Đệ I Cộng Hòa đã vẫn giữ nguyên dự 10 -ngày 6-8-1950 áp dụng cho các hiệp hội thường và Tôn giáo cơ truyền trong khi Công giáo và Tin Lành được hưởng một chế độ pháp lý ưu đãi do sắc lệnh 16 -I- 1939 và 16- 12- 1939 qui định. Nhà cầm quyền cũng im lặng trước điều 44 của dự này nói rằng Một Chế độ đặc biệt sẽ được an định sau cho các hội truyền giáo ngoại quốc và Hoa Kiều lý sự hội . Như vậy tự do Tôn giáo do Hiến Pháp 26-10-1956

(20) Chinh, Nguyễn Hữu, Croyances religieuses et la vie Politique au VN
 (21) Hạnh, Nhật, p 105 sách đã dẫn
 (22) Hào, Hoàng Xuân, p44, sách đã dẫn

công nhận đã bị dụ này vi phạm vì trước hết không phải đợi đến khi công dân đứng lên đòi hỏi, chính phủ mới sửa đổi những luật lệ bất hợp hiến hay bất công vì nhiệm vụ luật pháp là tôn trọng bảo vệ Hiến pháp và theo Giáo sư Hauriou gồm có việc giải quyết những vấn đề đặt biệt liên quan tới thống nhất chính trị và chăm nom những quyền lợi chính yếu quốc gia (23).

b- Vấn đề kỳ thị trên bình diện thực tế: Nhưng sự kỳ thị trên bình diện lập pháp sẽ rất dễ hiểu nếu chúng ta hiểu rằng việc an định lại qui chế pháp lý cho GH này khó khăn dựa trên những kinh nghiệm đau thương và những tranh chấp gay go của Công giáo Việt Nam và nhà cầm quyền cầm đạo thời trước. Người Công giáo, lực lượng nồng cốt ủng hộ chế độ, sẽ rất dễ dấy cảm trước mọi sự sửa đổi mà qui chế đã ưu đãi mình. Vì vậy trình trạng pháp lý đặt biệt trên đây không phải là một bằng cứ chắc chắn buộc tội chế độ đã thi hành một chính sách kỳ thị Tôn giáo. Ngược lại, Tổng thống Ngô Đình Diệm trong nhiều diễn văn đã tuyên bố: Ông là vị Tổng thống của nước VNCH, của tất cả người Việt Nam chứ không phải của người Công giáo. Vào năm 1957, trước những cuộc biểu tình ào ào của người Công giáo di cư đòi đặt ân, ưu đãi cho Tôn giáo mình, ông đã tâm sự cùng Linh mục Naidenhoff: Tại sao họ không biết họ là thiếu số, tại sao họ lại muốn ở trên pháp luật? (24). Nhiều dữ kiện chung minh đó không phải là lời nói hão. Chính phủ Ngô Đình Diệm có 5 Bộ Trưởng Công giáo trong số 18 Bộ, trong khi Phật tử nắm 8 Bộ gồm cả phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ và Bộ Trưởng ngoại giao Vũ Văn Mẫu. Chỉ 12 trong số 38 Tỉnh trưởng là người Công giáo. Trong 18 Tổng lãnh, chỉ có 3 vị là Công giáo. Đại Trưởng tham mưu trưởng Lê Văn Tý là một Phật tử. Bằng chứng hùng hồn hơn hết là kết luận của ủy ban điều tra Liên Hiệp Quốc: Thực tế đã không có đàn áp Pháp giáo tại Việt Nam.

Nếu trên nguyên tắc chính quyền muốn tổ chức không thiên vị một Tôn giáo nào, nếu chế độ đã không thi hành một chính sách kỳ thị có hệ thống, điều đó không có nghĩa là chế độ đã không phải không chấp nhận một sự kỳ thị thực tế: Đó là những vụ lợi dụng và vi phạm quyền hành để bắt ép và trừng phạt người vô tội (25). Nhất là tại miền Trung, nơi địa bàn tranh giành ảnh hưởng của những lực lượng chính trị và Tôn giáo, nhiều bằng cứ cụ thể đã xác nhận những trường hợp kỳ thị cá biệt địa phương. Tại đây, cũng là vùng ảnh hưởng chính trị của ông Ngô Đình Can và Đức Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục mà đám bộ hạ đã không từ bỏ một hành vi nào để làm vụng lòng anh em của Tổng thống. Cũng chính tại đây, đã mở đầu cuộc khủng hoảng Phật giáo.

(23) Hào, Hoàng Xuân p51, trích lại Hauriou: Droit adminis tratif, trích A de Laubadere: Trate elementaire de Droit adminis tratif p 195 3è edition 1967

(24) MISSI, No. 4 1968 p 136 (Naidenhoff)

(25) Hạnh, Nhất p 100, sách đã dẫn

Đoạn 2 : Diễn tiến biến cố hạ cờ.

Trước lễ Phật đản 2 ngày, một công điện mang số 9195 của Tổng thống Ngô Đình Diệm được chuyển tới các tỉnh trên toàn quốc buộc mọi cơ sở phụng tự thuộc mọi Tôn giáo và cả tư gia chỉ được treo cờ QG, nhưng ở phía trong nhưng nơi ấy việc treo cờ hay ảnh tùy nghi. Thế tục này đã được ban hành vào năm 1957, sửa đổi vào các năm 1958 và 1962 mà căn cứ vào bối cảnh chính trị hiện thời, cốt để củng cố ý thức quốc gia. Nhưng cũng trước công điện đó 2 ngày, trong lễ ngân khánh của Giám mục Ngô Đình Thục, người Công giáo đã trưng cờ Tôn giáo, kéo biểu ngữ đi rầm rộ ngoài đường phố. Sự khian cấp của công điện và sự thi hành sốt sắng của nhân viên công lực trong việc hạ cờ quả thật không hợp thời, phi chính trị, đã kéo theo một hậu quả ^{trực} thời mà lệnh ngưng áp dụng của chính quyền địa phương đã không thể cứu vãn tình thế. Ngày Phật Đản 2507, 10.000 Phật tử xuống đường và đụng độ với Cảnh sát. Nửa đêm 8-5-1963, tại Đại phát thanh Huế, 8 Phật tử đầu tiên bị thiệt mạng cuộc tranh đấu Phật giáo lan rộng dần đến toàn quốc và kết thúc bằng cuộc đảo chính 1-11-1963 hạ bộ chế độ đệ I CH. Nhưng đây chỉ là bước đầu cho con đường Chính trị của PG.

Để kết luận chương này, có lẽ ta trở về câu nói của Giáo sư Paul Mus : trong những thời kỳ khủng hoảng, bất trắc khi chính quyền trung ương rạn nứt và khi con người bị đẩy vào con đường tận, thì PG là cứu cánh cuối cùng cho một sự thay đổi (26) Vai trò mà Phật giáo đóng được đó cũng là nhờ ở giá trị nội tại, đó là những giá trị tinh thần khả kính mà ta sẽ nghiên cứu ở chương II. Chương này cũng sẽ bàn đến những giá trị tinh thần của Công giáo.

(26) Mus, Paul, Tradition et Revolution au Việt Nam p 68 Plon Paris 1968.

THIÊN HAI

TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA PHẬT GIÁO VÀ CÔNG GIÁO

Sứ mạng của Công giáo cũng như Phật giáo là phục vụ con người và xã hội. Để chu toàn sứ mạng này Tôn giáo, đã luôn tìm cách kiện toàn tổ chức Giáo hội. Vì sứ mạng là mục tiêu theo đuổi (Chương 1) thì phương tiện hoạt động là một tổ chức hoàn hảo (Chương 11)

CHƯƠNG II. GIÁ-TRỊ TINH-THẦN CỦA TÔN-GIAO

Sự hiện diện của Phật giáo và công giáo tại Việt Nam đã là một sự phản kháng lại những giá trị cổ truyền và trật tự thiết lập của hàng nhà gia. Phật giáo, với lý tưởng từ bi hy xả tham nhuân trong đời sống nhân gian, đã trở nên tiếng nói của lương tâm dân tộc trong khi công giáo đã kiện toàn và làm cho hoàn hảo hơn phạm giá của con người. Tiết I: PG, lương tâm dân tộc, Tiết II: Công giáo: giá trị của con người.

TIẾT I: GIÁ-TRỊ TINH-THẦN CỦA PG.

Đối với Phật giáo Việt-Nam, quyền lợi được bảo vệ là những giá trị tinh thần khả kính, Phật giáo văn tự hào là một tôn giáo dân tộc có liên hệ mật thiết với vận mạng quốc gia (27). Tư tưởng Phật giáo tham nhuân phong hoa nhân gian. Gặp những lúc quốc biến, quốc nạn, Phật giáo đã không ngần ngại cứu nguy dân tộc và đạo pháp. Phật giáo quả là lương tâm của dân tộc. Việc đại diện lương tâm dân tộc nay nhờ ở giá trị cổ truyền và giá trị phục hưng của PGVN.

ĐOẠN I : GIÁ-TRỊ CỔ-TRUYỀN CỦA PG.

Du nhập nước ta từ thế kỷ thứ hai, PG đã sớm trở nên PG dân tộc vì PG đã nhẹ nhàng thích ứng với tinh cảm tôn giáo cũng như lễ nghi dân chúng. Nhưng đức tính khoan dung, hiệu hóa, bao dung của PG đã sớm trở thành đức tính chung của dân Việt. Vì điểm nổi bật của PG (còn) là tính cách thích nghi với điều kiện lịch sử, xã hội, địa dư và đưa kết quả là PG đã phát triển và hạt động như một tôn giáo dân tộc hay địa phương (28) Một lại trạng sự nước nhà, PG đã cùng dân tộc góp công trong việc xây dựng quốc gia thời tự chủ dưới triều Đinh, Lê, Lý, Trần. Sự sacht cũng con truyền tụng những chính sách thượng dân, nhưng hành vi cao thượng của vua chúa là nhờ công lao PG: Lý thái Tông hạ thuế cho dân đến 2,3 năm trong những thời kỳ mất mùa hay gặp lúc chiến chinh, Lý thái Tông đã tha ten loan Nùng cao Trí cũng như Trần nhân Tôn đã tha cho những kẻ bỏ Ngai hàng giặc Mông (29) Gần 2 ngàn năm qua, Đạo Phật và dân tộc Việt Nam bao giờ cũng theo nhau như bóng với hình trong cuộc sinh hoạt toàn diện (30) Cho đến khi biến cố 1945 xảy đến, cùng với sự thay đổi lớn lao về chính trị, thì PG thay nhu cầu phục hưng cấp bách hơn bao giờ hết.

ĐOẠN II : GIÁ-TRỊ PHỤC HƯNG PG.

Ý hướng phục hưng PGVN được dựa trên sự mong ước tìm lại uy quyền tinh thần ngày xưa cũng xác nhận địa vị quan trọng của mình trên đời-sống CT, XH ngày nay. Sự thành công của những phong trào phục hưng PG tại

(27) : Đức, Trần Thạch, Phật giáo VN và hướng đi nhân bản đích thực, Lá Bối Sài Gòn 1967.

(28) : Hào, Hoàng xuân p.84 sách đã dẫn.

(29) : Chính, Nguyễn hui, sách đã dẫn p.197.

(30) : Hạnh, Nhất, sách đã dẫn p.78 trích Dã Thảo, ở tạp chí PG Việt-Nam

A-Châu đã cảm hứng việc khai thác giá trị Đạo Phật nơi các Phật tử, Tăng sĩ trí thức. Căn bản với sự thành lập các Phật học viện ở Trung, Nam, Bắc và gửi tăng sĩ đi du học thành tại tại Trung Hoa, Ấn Độ, Thái Lan, v.v. Các Phật tử hữu tâm đã đem lại làn hơi sinh khí cho tổ chức, chính đơn, tín ngưỡng, bài trừ mê tín, dị đoan. Sự thay đổi lon lảo về CT sau cách mạng mùa thu 1945, và sự bực đãi mà Phật giáo chịu đựng dưới chế độ đế I CH đã mang lại cho Phật tử niềm thao thức muốn biến đạo Phật thành một đường lối sinh hoạt của một xã hội đang muốn vươn tới cách mạng. Niềm thao thức của họ cũng là khai thác tiềm lực PG để mang đạo Phật đi vào trong cuộc đời ở mọi lãnh vực VH, KT, XH cũng như CT. Cuộc vận động thành công của PG năm 1963 đã chứng tỏ PG có đầy năng lực qui bầu và mở đường cho một loạt những hoạt động sôi nổi để hiện đại hóa đạo Phật: Tại Saigon, hai nhà xuất bản ra đời: Vạn Hạnh và Lá Bối, rồi các tuần san, tạp chí Hải Triều Âm, Vạn Hạnh, Tư tưởng, Đạo Tục, Từ Quang các nhật báo Chánh đạo, Đat to đều muốn phát huy sau rộng giá trị phục hưng đạo Phật khắp nơi, Một viện đại học Phật giáo trong đó có phân khoa Phật học đầu tiên tại Việt Nam được thành lập. Về đạo pháp, một giảng sư đoàn toàn quốc được thành lập để đáp ứng nhu cầu giáo lý và việc huấn luyện cán bộ được tiến hành liên tục để cung cấp tuyên truyền chủ các đoàn thể. Tiềm lực Phật giáo cũng được khai thác để thực hiện việc phát triển nông thôn qua việc đào tạo thanh niên Phật tử có chí hướng tại trường Thanh niên Phụng sự xã hội. Tuy nhiên, công cuộc hiện đại hóa Phật giáo không phải là không vấp phải những trở ngại. Đó là sự xóa nhòa biên cương giáo phái, cộng thêm những kẻ theo cơ hội chủ nghĩa lúc đầu đã đưa Phật giáo vấp vấp, khó khăn nội bộ một thời gian và cơ lực PG đi vào l con đường chính, trí nguy hiểm. Không thiếu những sự chống đối của những phần tử bảo thủ, thái độ cơ chấp. Vì vậy PG còn phải tiếp tục thực hiện cách mạng trong ban, thân mình (31). Nhưng trở ngại mà PG gặp phải cũng là những trở ngại của người công giáo.

TIẾT II: GIÁ-TRỊ TINH-THẦN CỦA CG.

Trong ngưỡng quốc gia Viễn đông, giáo hội CGVN đã trải qua một lịch sử bách đạo lâu dài nhất. Cũng như khắp nơi trên thế giới, sự bách đạo này phải được giải thích một cách khác hơn là quy vào những lỗi lầm của những bậc tiền nhân. Vì chính/bản tính của tôn giáo, CG đã mang lại những xác tín về con người cá nhân và xã hội, làm thay đổi từ căn bản những quan niệm truyền thống về mối tương giao giữa con người và Thượng đế (32). Nhận vị con người được đề cao, con người là chủ cảnh nơi tại nên con người đều bình đẳng, con người là hình ảnh Thiên Chúa, được tạo dựng cho một cùng lịch muôn đời nên con người là một lương tâm tự do trước mặt chính quyền (33) Chính Công giáo dù đem lại cho con người địa vị xứng-

(31) Hạnh, Nhật, sách đã dẫn p.87.

(32) Latreille, Andre, Les foies religieuses et la vie politique, Armand Colin 1950, Paris p.10.

(33) Latreille, Andre, sách đã dẫn.

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

đáng của mình. Giá trị CG là giá trị nhân bản. Nhưng giáo hội, tự xưng là tối thượng của loài người, còn cần phải canh tân để phục vụ hữu hiệu vì: có thể quả quyết rằng chúng ta phải biết con người nếu muốn biết Thiên - Chúa (34)

Đoạn 1 : Giá trị nhân bản của công giáo.

Đoạn 2 : Canh tân giáo hội.

ĐOẠN 1 : GIÁ TRỊ NHÂN BẢN CỦA CÔNG GIÁO.

Từ khi Công giáo được truyền sang Việt Nam, ảnh hưởng công giáo đã không ngừng phát triển, đây có những sự đàn áp hay ưu cao. Công giáo đã sửa đổi bộ mặt thế giới trở nên nhân đạo hơn và tiến bộ hơn, thời công giáo Việt Nam qua giá trị nhân bản mà GH luôn đề cao, đã có công canh tân những giá trị cơ truyền dân tộc hay tìm cách giải phóng con người, và giải phóng cả quan niệm tôn giáo thời xưa. Thực ra, không tôn giáo nào lại không tự nhận tôn giáo đầy nhân bản, không triết thuyết nào lại không muốn nâng cao nhân phẩm con người. Nhưng chỉ có công giáo là tôn giáo r. nhân bản nhất và có khả năng mang lại cho phạm gia con người địa vị đích thực của mình mà những nhân bản chủ nghĩa khác đều mang những y-nghĩa mơ hồ. Vậy giá trị của Công giáo là giá trị nhân bản.

Đối với Công giáo, nhân vị được đề cao, vì con người là hình ảnh của Thượng Đế, được kêu gọi hiệp thông vĩnh viễn vào sự sống bất diệt của Ngài, lệ luật mọi của Công giáo cũng là thương yêu nhau, nên con người đều bình đẳng giữa nam và nữ, CG không những đã giải thoát người phụ nữ, mà còn tìm cách giải thoát con người kinh tế, chính trị vì con người CG là con người tham gia vào thành quả của vận mệnh và cam tháy quyền sống đầy đủ. Công giáo đã đưa đến, trên thế giới cũng như tại Việt Nam, cho con người quyền thế mạnh mẽ, khi ý thức về quyền thế mình, con người mới xứng hợp với bản tính con người. Từ đây, đối với Thượng Đế, con người chỉ còn yêu thương hơn là sợ sệt; đối với con người, chỉ có sự bình đẳng, đối xã hội, con người có quyền sống, đối với một cuộc sống tốt đẹp hơn. Điều quan trọng hơn nữa là CGVN đã góp phần rất nhiều vào những công cuộc văn hóa, xã hội vì những công tác đó nhằm nâng cao phẩm giá con người.

x

x ::

Hiện tại, lưỡng song canh tân Giáo hội đang thổi vào Việt Nam. Nhu cầu đổi mới của GH đang được thảo luận. Giáo hội phải đổi mới để phục vụ thích hợp hơn cho con người, để giá trị con người được đề cao. Và sứ mạng Giáo hội là sứ mạng phục vụ con người.

(34) Thánh Công Đồng Chung Vaticano II Giáo Hoàng Học Viện xuất bản 1972 p.837.

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 331

THIÊN HAI

TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA PHẬT GIÁO VÀ CÔNG GIÁO

Sứ mạng của Công giáo cũng như Phật giáo là phục vụ con người và xã hội. Để chi toàn sứ mạng này Tôn giáo, đã luôn tìm cách kiện toàn tổ chức Giáo hội. Vì sứ mạng là mục tiêu theo đuổi (Chương 1) thì phương tiện hoạt động là một tổ chức hoàn hảo (Chương 11)

CHƯƠNG 1

SỨ MẠNG TÔN GIÁO

Con người mong đợi TG giải đáp về bí nhiệm tiềm ẩn trong thân phận con người, làm tâm hồn họ xao xuyến. Thỏa mãn được ước vọng con người, TG sẽ trở thành hạp đạn và lối kéo họ theo mình. Vậy sứ mạng của đoàn thể TG là 1 thành tố then chốt, vì nó bao hàm việc thực hiện mục tiêu chung mà việc an định chính là lý tưởng do thành lập đoàn thể để phân biệt với các tập thể khác (35). Đối với Công giáo, việc tìm hiểu sứ mệnh đích thực của Giáo hội rất dễ dàng vì sự phân biệt GH và chính quyền, với sứ mạng tôn giáo và chính trị rõ rệt, nhất là từ sau biến cố 1963. Trái lại, PG, mà sứ mệnh "bảo vệ đạo pháp và dân tộc" nói trong những hiến chương PG có thể khiến GH đi đến những hoạt động vừa tôn giáo vừa chính trị, khiến làn ranh giáo dân đôi lúc không còn biên giới. Để rõ hơn ta nói sứ mạng Phật giáo trong chương I và Công giáo trong chương II.

TIẾT 1: SỨ MẠNG PGVN.

Hiến chương GHPGVN đã qui định tóm tắt 2 sứ mạng của GH là :
 Tranh đấu cho tự do TG.
 Thực hiện lý tưởng TG.

Nếu công đồng PGVN đều đồng ý về sứ mạng bảo vệ tự do TG, chống độc tài trước 1963 thì không lâu sau thời gian đó, 2 phe Phật giáo An-Quang và Quốc tự lại không đồng ý về cách giải thích sứ mệnh này, nhất là sự bất đồng ý kiến của các nhà lãnh đạo PG hoặc có khuynh hướng CT hoặc khuynh hướng thuận tôn giáo.

ĐOẠN I : SỨ MẠNG TG.

Sứ mạng tôn giáo của GHPGVN là sứ mạng bảo vệ tự do TG và sứ mạng thống nhất non PG.

a/ BẢO VỆ TỰ DO TÔN GIÁO: Cuộc tranh đấu PG trong mùa Phật Đản 1963 dưới danh nghĩa bảo vệ tự do TG, chống kỳ thị, áp bức đã qui tụ và hợp nhất các tập đoàn PG để yêu cầu CQ đề I CH thỏa mãn 5 nguyên vọng:

- Yêu cầu CP thả ^{vinh viên}hội/cong điện triệt hạ giáo kỳ.
- PG phải được hưởng chế độ đặc biệt như hội truyền giáo Thiên Chúa.
- Chấm dứt tình trạng bất bợ, khủng bố tín đồ PG.
- PG được tự do truyền đạo và hành đạo.
- Chính phủ phải bồi thường cho gia đình các nạn nhân bị thảm sát tại Đai phát thanh.

(35) Hào, Hoàng xuân, sách đã dẫn, p.100 trích Meynaud Jean (đã dẫn) p.108

Cuộc vận động chấm dứt chính sách bất công trong tín ngưỡng, đã đoàn kết mọi phe phái trong nước và mao đầu cho ý chí thống nhất Phật giáo: đó cũng là một sự mạng của Phật giáo, có thể gọi đây là sự mạng trường cửu.

Người ta vẫn thường tự hỏi nếu việc tranh đấu cho tự do TG năm 1963 tỏ ra có những lý do chính đáng, thì tại sao từ 1964 trở đi, đầu các CG đều đưa vào hậu thuẫn của mình, PG vẫn cho là bị đàn áp. Tuy nhiên phải hiểu tự do tôn giáo của PG một cách đặc biệt. Phật giáo có tự do khi :

- Phật giáo hết tai nạn và sẽ được vinh quang khi hòa bình đã van hồi. Cái gì phi đạo pháp, phi dân tộc sẽ cuốn gọi theo ngai bang. Lúc ấy chỉ còn PG và dân tộc () và vì :

Hiện nay Phật tử không được đứng vào phe nào cả và GH không chấp nhận cả hai phe (36).

b/ SỰ MẠNG TRƯỜNG CỬU : Ngoài việc thực hiện một nền PG thống nhất GHPGVNEN còn phải phục vụ đạo pháp dân tộc, nhân loại bằng hồng c dương chánh pháp.

1/ SỰ MẠNG THỰC HIỆN NỀN PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT

Cư sĩ Mai Thọ Truyền cho rằng việc thống nhất PG rất dễ nếu vấn đề được đặt trên căn bản hoàn toàn tôn giáo, theo tinh thần vi đạo pháp và cũng rất khó nếu việc thống nhất bị ảnh hưởng CT chi phối. Quả vậy, đầu tiên chương của Quốc Tự và Ấn Quang có nhiều điểm tương đồng hơn đi biệt, đều hoài bão một nền Phật Giáo Thống nhất, nhưng sự giải thích thống nhất qua chủ trương điều hợp ghi trong hiến chương lại khác nhau:

Ấn Quang muốn có sự hòa tan trong một sự chỉ huy duy nhất dưới một quyền lực trung ương. Còn Quốc tự muốn duy trì sự tự trị hiệu theo nghĩa phân trị. Vì vậy việc thống nhất PG năm 1964 đã gặp ngay từ đầu lung củng. Sau khi họp đại hội PG 1964 tại chùa Xá Lợi đã lập chương trình hoạt động 20 năm, khối Phật học viện Việt Nam với chùa Xá Lợi đã rút ra trước hết, không phải là thống nhất PG. Vì hội trường Phật Học Viện Việt còn cho biết việc thống nhất PG là họp các đoàn thể lại để điều hòa ý chí và hành động, đừng để rời rạc như xưa nữa.

Trong cuộc phỏng vấn của giáo sư Hoàng Xuân Hào với Thượng Tọa Tâm Châu thì vì vậy cho biết chủ trương phân quyền tự trị mới phù hợp với truyền thống PG và khả dĩ kết hợp được mọi tập đoàn, giáo phái vào trong một tổ chức duy nhất. Hơn thế nữa, cả hai ban Hiến chương đều giải thích chủ trương điều hợp là kết hợp và tôn trọng tập quán của các tông phái.

Trái lại, Ấn Quang chủ trương thống nhất chặt chẽ tập quyền chứ không thể đặt trên sự đồng hợp lỏng lẻo của các hội đoàn cũng như là Giáo hội không thể làm một công trình gì hết vì phải luôn luôn đi tìm tòi thỏa hiệp.

(36) Hào, Hoàng Xuân, sách đã dẫn p.139 trích đạo từ Thượng Tọa Thiện Hoa, ngày

Đi tìm nguyên nhân bất đồng bất đồng quan điểm về thống nhất, ta kể hai nguyên nhân chính :

* **TÂM LÝ :** Ấn Quang có những lực lượng quan chúng hùng hậu để đi đến những hành động lan áp, Quốc Tự thì càng ngày càng thu mình về và sẵn mặc cảm bị chen ép. Các hội đoàn khác thì phần nhiều gồm những vị cao niên bảo thủ sơ bị lung đoạn bởi thiếu số có tham vọng CT. Ngay nào không khi nghi kỵ chưa được đánh tan thời thật khó để được các hội đoàn PG chấp nhận sự thống nhất.

* **NGUYÊN NHÂN CHÍNH TRỊ :** Ngoài ra còn bất đồng quan điểm CT giữa Thượng Toạ Tam Châu và Trí Quang, cũng là giữa Ấn Quang và Quốc Tự. Các nhà lãnh đạo trẻ của Ấn Quang với mong ước PG phục hưng vĩ đại và cách mạng đất nước đã muốn một GH mạnh mẽ. Quốc Tự lại chú ý đến truyền thống tự trị và xa lánh chính trị để làm công việc văn hóa xã hội. Sự cách biệt giữa Ấn Quang và Quốc Tự càng rõ rệt hơn khi đi tìm ý nghĩa cho sự mang trường cứu thứ 2 của GH là : phục vụ đạo pháp, dân tộc và nhân loại.

2/ PHỤC VỤ ĐẠO PHÁP, DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI.

Qua sự mang này, Hiến chương hai bên đã bắt đầu có những bất đồng biểu lộ một sự rút lui khỏi chính trường của Quốc Tự và dân thân chính trị của Ấn Quang. Hiến chương Quốc Tự xác định ngoài việc phục vụ dân tộc, hoàng dương hiến pháp, còn nói đến phục vụ đạo pháp, làm công tác xã hội, đề cao mục đích giác ngộ, giải thoát và hướng về những giá trị xuất thế độc đạo đạo Phật thì Hiến chương Ấn Quang, trong ý hướng dân thân, đã nêu lý tưởng hòa bình, đặt sự tồn tại mình nơi sự tồn tại nhân loại và dân tộc. Vì vậy PG còn phải có sự mang chính trị nữa.

ĐOẠN II : SỰ MANG CHÍNH TRỊ

Đạo pháp phải gắn liền vào dân tộc. GHPG đã lên án những kẻ chủ trương tu hành thuần túy, vì sự thuần túy đó có nghĩa là thủ tiêu tranh đấu, phó mặc cho sự thao túng ngoại bang. Vì vậy PG thay cơ phận sự hòa giải những thành phần xã hội, chính trị (phần đoạn 1) có sự mang này vì bảo vệ dân tộc tức bảo vệ đạo pháp (phần đoạn 2).

Phần đoạn I : SỰ MANG HÓA GIẢI.

Vì tuyên ngôn VN cũng là của GH là PG bao giờ cũng là sức mạnh hóa giải mọi xung đột đã có tại Việt Nam (37). Nhất là trong cuộc tranh chấp đẫm máu tại đây, PG phải có vai trò hòa giải để kiến tạo hòa bình cho đất nước. Để thực hiện mục tiêu hòa giải, Phật giáo đã tích cực hoạt động cho việc tạo lập thành phần thứ ba, vì người Phật tử, vì đa số quan chúng đã không đứng về 2 phe tranh chấp hiện nay. Phe chính phủ thì thối nát, phong đang và bất công, phe cộng sản thì chủ trương

(37) Khiết, Thích Tịnh, Thông điệp gửi đại hội QT Phật tử tại hải ngoại.

giai cấp đấu tranh (38), và các phe nhóm này đều là công cụ của thế lực võ minh quốc nội và quốc tế (39). Ông Trần Quang Thuận đã từng nói trước mặt Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu hỏi mặt trận nhân dân tranh thủ hòa bình và thực thi quyền dân tộc tự quyết được thành lập: "Thưa Tổng Thống, phải có 3 phe, sao không tạo phe đứng giữa để hòa giải hai phe kia. Và ông yêu cầu Tổng Thống để Ân Quang làm phe thứ ba đứng giữa (40). Thượng Toạ Trí Quang mà năm 1966 các kỹ giả ngoại quốc có tư tưởng chương trình mạch mạng của Thượng Toạ gồm việc định chiến để lập chính phủ trung lập miền đềm ở Trung, liên lạc các QG trung lập và Cộng sản (41) đã phê bình các phe tranh đấu tại Việt Nam:

- Tôi chống mặt trận giải phóng vì họ là công cụ đô hộ của cộng sản để áp đặt trên quê hương, chúng tôi chế độ độc tài và chống tôn giáo.
- Làm lời của Mỹ và Việt Nam cộng hòa là muốn giải quyết cuộc chiến này bằng quân sự thay vì đem lại một chính phủ nhân dân và đại diện nhân dân (42).

Mà vì vậy, Ân Quang luôn luôn cố vẽ một nền hòa bình cho dân tộc, những cuộc vận động rầm rộ năm 1970, 1971 được phát động tại quốc nội cũng như quốc ngoại. Ân Quang vẫn hằng tha thiết kêu gọi mọi phe tôn trong hiệp định Paris 1972. Trong đại lễ Phật đản 1974, Giáo hội đã chỉ thị: "Tất cả mọi hành động của Phật tử hãy hướng về Hòa bình dân tộc. Vì dân tộc và đạo pháp là một.

Phân đoạn 2 : BẢO VỆ ĐẠO PHÁP VÀ DÂN TỘC

Làm ngơ trước hoạn nạn của đất nước để chăm lo tu hành thuần túy, như vậy há chẳng phải đồng hóa ngoại bang, thao túng quê hương (43). Mà vì vậy, động cơ hành động của PG, Thượng Toạ viện trưởng viện Hóa đạo đã dứt khoát trả lời: "Dân tộc và đạo pháp". Từ xưa và nay, PG đã gắn liền vào dân tộc. Người Phật tử yêu nước vì yêu đạo, hay yêu đạo vì yêu nước, tinh thần yêu nước của Phật tử đã bị đồng hóa với tinh thần yêu đạo. Quả thật, không còn lẫn ranh giáo chánh, không còn sứ mạng chính trị hay tôn giáo mà chỉ có sứ mạng "Dân tộc và đạo pháp".

(38)

(39)

(40) Việt, Trần triệu, về thống nhất Phật giáo, chính luận số 2776 năm 1973

(41) Tài, Tạ văn : Chính trị học tại những QG đang phát triển, giảng văn cao học hành chánh.

(42) Gheddo Piero : sách đã dẫn p.362.

(43) Hào, Hoàng xuân : sách đã dẫn, p.117, trích Chính đạo 1968.

Đấu tranh cho đạo pháp thì phải có hậu thuẫn của Phật tử. Còn đấu tranh cho dân tộc thì cần tới sức mạnh nhân dân. Hào khí của những mùa Pháp nạn 1963, và 1966 còn đây chẳng hay vẫn là sự rã rời của một GH chia rẽ hiện tại. Nhận lãnh trách nhiệm đối với con người và xã hội, cũng là sứ mạng của GH CG VN.

TIẾT 2 II

SỨ MẠNG CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM

Vì mục đích cứu rỗi, Giáo hội Công giáo có sứ mạng rao truyền và mở mang giáo hội trong dân tộc. Ngoài sứ mạng siêu nhiên trên, Giáo hội Công giáo Việt Nam, vì muốn đồng tiến và cùng chia sẻ số phận trong đất nước, còn có sứ mạng đối với xã hội để cũng cố một xã hội tốt đẹp hơn. Sứ mạng GH CG VN được phân tích trong hai giai đoạn :

Đoạn 1 : Sứ mệnh siêu nhiên của GH CG VN.

Đoạn 2 : Sứ mệnh tự nhiên của GH CG VN.

ĐOẠN 1 : SỨ MỆNH SIÊU NHIÊN CỦA GHCGVN.

Sứ mạng của Giáo hội là cứu rỗi và cánh chung. Không những Giáo hội công giáo truyền thông sự sống đó cho một người, cho con người, mà là cho hết mọi người vì Thiên Chúa muốn cho hết mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý (44). Vậy sứ mạng siêu nhiên của GH là cứu rỗi con người và bành trướng Giáo Hội.

Phân đoạn 1 : SỨ MẠNG GIÁO HỘI ĐỐI VỚI CON NGƯỜI.

Vì phải truyền thông sự sống của Thiên Chúa cho con người, đang cùng đích của con người, giáo hội phải tỏ cho con người biết ý nghĩa cuộc đời con người, phải trở nên người hơn như Đức Chúa Kitô, đang hóa thân làm người và là con người hoàn hảo. Để được như vậy, sự hiện diện của giáo hội phải là một nhắc nhở con người tìm đến cùng đích qua

(44) 1 Timothée đoạn 2, câu 3-4, Bible de Jérusalem 1970 p.942.

việc giảng dạy cho con người biết mình và bảo vệ nhân phẩm, biết Thiên Chúa để trở nên hoàn hảo. Vì nếu con người không biết Thiên Chúa, con người làm sao hiểu biết sự thật thâm sâu về mình được. Không biết mình, con người không thể trả lời cho những vấn nạn căn bản về ý nghĩa cuộc sống, sinh hoạt về sự chết. Không biết Chúa Kitô, con người hoàn hảo, con người không trở nên đầy đủ. Khi nào tự biết mình và phạm giá đích thật của mình, con người mới có thể lên tiếng đòi cho mình các quyền lợi nhân bản một cách đầy đủ và hợp lý cũng như xứng hợp với đức tin (45). Vì chỉ có tinh thần Phúc-Âm, chỉ cá đức tin mới cứu rỗi được con người, mới làm cho con người hoàn hảo hơn, nên người hơn; nên giáo hội công giáo phải nhận lãnh sứ mạng siêu nhiên đối với mọi người bằng mọi phương cách : bằng lời giảng, bằng cầu nguyện, bằng sự thông cảm v.v... Tuy nhiên, giáo hội không những có mục đích cứu rỗi một người hay nhiều người mà là cả mọi người. Nên giáo hội có sứ mệnh truyền giáo.

Phân đoạn 2 : SỨ MẠNG TRUYỀN GIÁO

Việt Nam là nước truyền giáo, tức là được truyền giáo do các giáo sĩ Tây Phương và con phải tiếp tục truyền giáo nơi các người không công giáo trong nước. Nhu cầu truyền giáo còn cấp bách hơn khi ở Việt Nam số công giáo chỉ chiếm 10 o/o dân trong nước. Vì bản tính của giáo hội là lữ hành địa rạo truyền Phúc Âm, nên giáo hội Việt Nam là một giáo hội đã rất hăng say trong cuộc truyền đạo này. Các linh mục đã cố gắng hiện diện ở trong mọi tầng lớp xã hội. Việc truyền đạo đã có thời bị gán buộc là áp lực buộc theo công giáo, bắt theo đạo dưới thời đệ 1 cộng hòa. Con số 18.320 tan tòng tại Miền Trung thuộc giáo phận Huế của Tổng Giám mục Ngô đình Thục đã gây nghi ngờ nơi những người không công giáo là có sự ép buộc, hay áp lực chính quyền. Tuy nhiên sự tố cáo này tố ra không xác thực lắm nếu ta biết sau biến cố 1963 số người bỏ đạo công giáo nơi những tan tòng rất ít. Những số người xin nhập đạo công giáo sau 1963 lại rất ít. Điều này làm ta hiểu rằng : không có sự ép buộc để theo đạo công giáo nhưng ảnh hưởng của một chính quyền địa phương thân công giáo nhất là tại những vùng có tranh giành ảnh hưởng giữa cộng sản và quốc gia đã thúc đẩy dân quê tìm đến công giáo hầu mong nhận được sự che chở. Đây cũng là trường hợp Phật giáo sau biến cố 1963.

(45) Vaticano II : Hiến chế, sắc lệnh và tuyên ngôn, P.913 Giáo Hoàng Học Viện 1974 Đà Lạt.

Ngoài sứ mạng siêu nhiên, GH CG, vì cùng sống và cùng chia sẻ số phận trần thế, còn có sứ mạng tự nhiên nữa.

ĐOẠN II : SỨ MẠNG TỰ NHIÊN CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM.

Mục đích của giáo hội không thuộc phạm vi chính trị, kinh tế, xã hội, nhưng là tôn giáo. Nhưng chính sứ mạng tôn giáo đó lại phát sinh ra những bổn phận buộc giáo hội phục vụ mọi người, và xã hội. Cũng vì sứ mệnh và bản chất của giáo hội, giáo hội công giáo đã không muốn bị đồng hóa vào một lực lượng chính trị hay một chính quyền nào. Trong thực tế, tại các quốc gia Châu Mỹ La Tinh, Giáo hội đã cho phép một số linh mục, Giám mục hoạt động chính trị, nhưng tại Việt Nam, thái độ giáo hội lấy lý do là hoàn cảnh không cho phép, không muốn một ai được độc quyền đánh lay tham quyền GH để biện minh cho lập trường riêng. Hàng giáo phẩm Việt Nam đồng thanh xác định :

* Không cho phép một đảng phái nào lấy tên công giáo để xuất hiện như đảng của Giáo hội công giáo tại Việt Nam.

* Tuy nhiên, hết mọi người công giáo, với tư cách là công dân, đều có thể tự do ghi tên để gia nhập đảng này hay đảng khác. Ghi tên vào đảng phái như thế, đồng bào CG không cam kết với giáo hội, nhưng chỉ cam kết với cá nhân mình.

Vậy, lập trường giáo hội CG Việt Nam rõ ràng là giáo hội không trực tiếp hoạt động chính trị; nhưng để phục vụ mọi người, GH đã chọn con đường khác. Đó là các hoạt động xã hội, văn hóa. Nếu có đôi lần GH CG VN nói về chính trị thì chỉ là dựa trên nhận định luân lý. Giáo hội đã nhận định về Hòa giải, Hòa bình, nhưng chưa bao giờ GH đề ra một giải pháp Hòa giải, Hòa bình. Đây cũng là điều đang được thảo luận hiện nay giữa Hàng giám mục Việt Nam và các linh mục cấp tiến. Đối với các vị sau này, lập luận của họ là thời giờ đã đến để GH CG hoạt động chính trị, để đem hòa bình, Hòa giải cho dân tộc. Theo họ, không thể có công bằng được nếu đem chia một khúc bánh mì nhỏ cho nhiều người. Không làm tròn sứ mạng được giao phó, nếu đem phân phát bố thí cho người nghèo để họ chỉ no được một ngày, nếu dạy cho con người biết suy nghĩ mà không dám nói, nếu cứu sống được một người trong khi hàng trăm người khác đang chết. Giáo hội CG VN có thể dân thân chính trị không? Tiếng kêu của hơn 300 linh mục, cuộc tiếp xúc của linh mục Hoàng Quỳnh với Thượng Tọa Trí Quang để chống tham nhũng có thể là bước đầu và cũng có thể là bước cuối cho con đường dân thân chính trị của Công giáo.

Phân tích sứ mạng 2 tôn giáo trên đây, ta thấy họ đều đồng ý để phục vụ con người, dân tộc, nhân loại và tôn giáo. Nhưng quá thực đã có ngập ngừng và cách biệt khi đến ngang lần mức giáo chánh; tôn giáo và chính trị. Quần chúng Việt Nam hẳn là tin tưởng vào tôn giáo hơn một lực lượng chính trị nào khác, nhưng dần dần vào đời đến quên đạo, đầu dây hấp dẫn nhưng trở thành nguy hiểm, thái độ ngược lại cũng thế. Mà vì vậy tôn giáo Việt Nam phải tìm phương cách thực hiện sứ mạng mình một cách đích thực và tốt đẹp hơn nữa. Điều kiện tổ chức còn là một phương tiện để thực hiện sứ mạng này.

CHƯƠNG II : TỔ CHỨC GIÁO HỘI

Để thực hiện sứ mạng tôn giáo, Giáo hội phải có tổ chức, có phương tiện. Công giáo đã biết tổ chức rất sớm và phát triển phương tiện của mình trong khi Phật giáo đang cố gắng kiện toàn tổ chức thành một giáo hội tân tiến.

- Tiết 1 : Tổ chức, nhân sự và tài nguyên của GH PG VN.
- Tiết 2 : Tổ chức GH CG.

TIẾT 1 : TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ TÀI NGUYÊN VẬT CHẤT CỦA GH PG VN TN.

Với tiềm năng nhân sự lớn lao, PG luôn luôn tìm cách kiện toàn tổ chức Giáo hội. Mô thức của một tổ chức PG hoàn hảo để có thể hội nhập nhân sự vào GH và phát triển tài năng vật chất là cả một vấn đề đầy khúc khần cho Phật giáo.

Đoạn 1 : TÌNH TRẠNG TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA GHPGVN TN.

Tổ chức của GH Phật giáo Việt Nam đánh dấu quan trọng vào ngày 4/1/1964 với các tập đoàn Phật giáo hợp tại Chùa Xá Lợi và biểu quyết một hiến chương đầu tiên thống nhất 2 Tông phái tại Việt Nam. Chính cách mạng 1963 đã là nguyên cảm hứng cho sự kết hợp mọi tập đoàn PG vào Giáo hội PG VN TN.

a/ Lược sử tình trạng tổ chức PGVN trước 1963 :

Trong vòng 50 năm sau này, PGVN cũng như Phật giáo tại các nước Á Châu khác, mới đi vào con đường phục hưng. Tuy nhiên phong trào phục hưng Phật giáo thế giới cũng ghi lại những dấu vết rất sớm. Đó là

năm 1891, Hội Maha Bôhdi được thành lập ở Colombo và sẽ trở nên liên hiệp thế giới Phật tử (World Federation of Buddhists 1950). Mãi đến 1920, luồng gió phục hưng thổi sang Việt Nam, từ căn bản bằng những công cuộc khảo cứu đạo Phật, trích dịch kinh sách và tổ chức PG ở cấp miền và toàn quốc. Năm 1931, các tổ chức học viện, Phật học viện được thành lập ở Saigon, Huế và Hà Nội, mục đích đào tạo một tầng lớp sĩ có học thức và trung thành giáo lý Đức Phật. Ngày 6/5/1951 một đại hội toàn quốc quy tụ khoảng 50 đại biểu trên khắp Việt Nam để thành lập Tổng hội PGVN và có những quyết định quan trọng liên quan đến nội quy, giáo dục, phát triển v.v... Điều quan trọng nhất của đại hội là việc phê chuẩn sự gia nhập Tổng hội PGVN vào liên hiệp PG thế giới (W.F.B) lần đầu tiên trong lịch sử PGVN có những tiếp xúc với phong trào PG bên ngoài và với tổ chức PG thế giới.

Tổng hội có chi nhánh khắp nơi trong nước và gây dựng được một lực lượng đoàn viên quan trọng, cũng như khuyến khích tăng sĩ du học ngoài quốc và chính lớp nhân sự này đã hoạt động tích cực trong cuộc tranh đấu 1963 và về sau đã đưa PG vào trong đời chính trị Quốc gia.

Trở về năm 1963 với vụ hạ cờ tại Huế, các tập đoàn PG đã đoàn kết trong một mặt trận tranh đấu thống nhất mệnh danh là ủy ban liên phái bảo vệ PG. Ủy ban LP.BV.PG. là tiền thân của GHPGVN.

b/ Tình trạng tổ chức sau cách mạng 1963 ?

Trở ngại lớn nhất cho sự xác định PG cũng như tư tưởng đạo Phật trên bình diện QG là sự chia rẽ và vô tổ chức của GH. Vì vậy ngay sau ngày lật đổ chế độ Ngô đình Diên, một tập đoàn PG đã hội họp tại chùa Xá Lợi từ 31/12/1963 đến 3/1/1964 và biểu quyết một hiến chương PG đầu tiên quy định và tổ chức và điều hành GH, được sắc luật 158SLu/CT ban hành ngày 14/5/1964. Lần đầu tiên trên thế giới, Hiến chương tổ chức thống nhất 2 Tổng phái Nam Bắc và lấy tên là GHPGVNTN với giao kỳ là cơ Phật giáo thế giới. Nhưng sự thống nhất đó chưa hẳn là sự thống nhất hoàn toàn, hình thức chỉ là sự liên minh của nhiều tổ chức PG do nhu cầu chính trị, vì vậy mới có những Hiến chương cải tổ về sau. Hiến chương HC 4/1/1964 cải tổ lần thứ nhất hiện vẫn được BHPG An Quang áp dụng, Hiến chương cải tổ lần thứ hai được gọi là của phe Quốc Tự.

1/ Tổ chức và điều hành GHPGVNTN qua HC 4/1/1964 :

Theo HC 1964 của GHPGVNTN được sắc luật số 158/SLu/CT ngày 14/5/1964 ban hành, Giáo hội có trọn vẹn tư cách pháp nhân và tổ chức ở Trung ương và địa phương như sau :

- a/ Ở trung ương có 2 viện : Viện Tăng thống
Viện Hóa Đạo.
và Đại hội GHPGVNTN toàn quốc.

* VIỆN TĂNG THỐNG : gồm 8 cao tăng, có nhiệm vụ cố vấn về đạo pháp, trình lên Đức Tăng Thống phê chuẩn và ban hành HC.GHPG, phê

chuan và ban hành quy chế Tăng ni, chuyên trách giới luật Tăng ni. Đứng đầu Viện Tăng Thống là Đức Tăng Thống, lãnh đạo tối cao của GH nhưng ít thực quyền. Giúp việc Đức Tăng Thống là một phó Tăng Thống được suy tôn trong hàng trưởng lão của Viện và một Văn phòng gồm một chánh thư ký, một phó thư ký được đề cử trong các vị Thượng tọa Viện Tăng Thống.

* VIÊN HÓA ĐẠO : Gồm một viện trưởng, 3 phó viện trưởng, 6 Tổng vụ trưởng điều khiển 23 Ủy viên thuộc các ngành. Viện Hóa Đạo nắm thực quyền và lãnh đạo mọi ngành hoạt động của GH.

* ĐẠI HỘI GHPGVN TN TOÀN QUỐC : Là cơ quan quyết nghị của Giáo hội gồm 2 loại :

- Đại hội định kỳ : Hai năm họp một lần để bầu viện Hóa Đạo với thành phần tham dự gồm 5 đại biểu mỗi tỉnh. Ngoài ra còn có đại hội thụ hạp để kiểm điểm Phật sự được triệu tập một năm một kỳ.
- Đại hội bất thường : Do Đức Tăng Thống triệu tập, nhưng HC không nói rõ lý do.

b/ Tại Địa Phương :

Ở địa phương có tổ chức Miền, Tỉnh, Thị xã hay Quận thủ đô, Xã hay Phường thủ đô.

* Trên toàn quốc : Tổ chức GH được chia ra 7 miền mang tên 7 danh Tăng, có ranh giới lớn hơn tỉnh.

- Miền Vạn Hạnh (Bắc Trung nguyên Trung phần)
- Miền Liễu Quán (Tân TNL)
- Khuông Việt (Cao nguyên TP)
- Khánh Hòa (Miền Đông NP)
- Hệ Quang (Miền Tây NP)
- Vĩnh Nghiêm (Phật tử Bắc di cư)
- Quang Đức (Thủ đô Saigon)

Miền có nhiệm vụ theo dõi hoạt động ở tỉnh và Ban Đại diện Miền do Viện Hóa Đạo đề cử.

Tại mỗi tỉnh, thị xã hay Quận thủ đô, xã hay Phường thủ đô có một ban đại diện điều khiển, thành phần gồm Tăng sĩ lan cư sĩ. Tổ chức xã/đơn vị hành chánh căn bản của GH và là đơn vị xuất hiện lâu đời nhất gồm một Chua để tín hữu đến đi lễ. Tín hữu ở xã được họp lại thành tổ chức gọi là Khuông hội.

2/ Những cải cách về sau :

* Cuộc cải tổ lần thứ I được thực hiện do HC 14/2/1965 được 9 tập đoàn PG biểu quyết và chính quyền ban hành bằng SLu 005/66 ngày 26/2/1966. Hiến chương này vẫn được phe An quang áp dụng. Hiến chương 1965 đã tăng cường quyền hành cho Viện Tăng thống qua việc làm cho viện này trở thành cơ quan quyết nghị tối cao của Giáo Hội, phụ trách việc quản trị tinh thần, giáo lý, giáo chế của tín đồ.

Ngoài ra, Hiến chương còn sáng lập thêm một Hội đồng Giáo hội Trung ương gồm các vị trưởng lão và Thượng Tôn. Số lượng từ 60 vị trở lên chia đồng đều cho 2 Tông phái, do Viện Hóa Đạo đề cử và được Tăng thống duyệt y.

Viện Hóa đạo bị giảm bớt quyền hành, trở thành cơ quan chấp hành của Giáo hội, có nhiệm vụ điều hành các ngành hoạt động.

Về đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, có sự thay đổi danh xưng thành :

Đại hội đồng Giáo hội trung ương gồm toàn tăng sĩ được triệu tập trước và căn ngày với Đại hội Đại biểu. Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất thành phần gồm cả tăng sĩ lẫn cư sĩ.

* Cuộc cải tổ lần thứ hai được thi hành do Hiến chương 14/3/1967, được 8 tập đoàn Giáo hội biểu quyết ngày 14/3/1967 và chính quy quyền ban hành do SLu 23/67 ngày 18/7/1967. Hiến chương này vẫn được xem là của phe Quốc tự. Hiến chương này đã đem trở lại quyền hành cho Viện Hóa đạo, có vai trò lãnh đạo và điều hành mọi ngành hoạt động. Trong khi Viện Tăng thống trở thành Hội đồng viện Tăng thống, với Đức Tăng thống giữ vai trò một ủy viên chấp hành mà quyền hành cơ tính cách nghi lễ. Tuy nhiên, tại Viện Hóa đạo, thành phần được mở rộng cho sự tham dự tích cực và rộng rãi của ban cư sĩ, cũng như Tăng sĩ, biểu lộ rõ rệt khinh hướng tư trị của các tập đoàn Phật giáo.

Cũng vì khinh hướng tư trị trên nên Hiến chương đã quy định tỉ mỉ các Đại hội được gọi là Hội họp trung ương và địa phương. Điểm quan trọng là dành cho địa phương nhiều quyền hạn trong việc này.

NHẬN XÉT : Tập thể chỉ đạo được sức mạnh khi đoàn viên có ý thức hợp tác và ý chí gắn bó chặt chẽ với tập thể. Ý thức và ý chí này sẽ có cơ hội phát sinh nếu tập thể được tổ chức một cách hữu hiệu (46). Sự thiếu sót cũng như mâu thuẫn về quyền hạn giữa Viện Hóa đạo và Viện Tăng thống của Hiến chương 1964 quả đã không đủ báo đảm để đem lại cho giáo hội 1 phương tiện thực hiện sứ mạng mình còn làm phân hoá ngay từ đầu trong

(46) Hào, Hoàng xuân, sách đã dẫn p.160.

nội bộ Phật giáo. Đặc điểm của Hiến chương 2 là khuynh hướng tập quyền, muốn xóa bỏ thực thể riêng biệt qua các giáo phái, tập đoàn Phật giáo (47) nhưng quên rằng sự thống nhất 1963 chỉ là sự liên minh qua nhiều tổ chức Phật giáo để đem lại cho Giáo hội sức mạnh. Trong tổ chức đó, còn có nhiều sắc thái không thuận nhất như yêu tố của khuynh hướng Phật giáo miền Nam có một sự khác biệt sâu xa với Phật giáo miền Bắc. Khuynh hướng tranh đấu khác khuynh hướng ôn hòa, rồi có cấu trúc khác biệt như Phật giáo Bắc Trung Nam.

Đến Hiến chương thứ 3, dấu phản ảnh được tính thần cũng như truyền thống đạo Phật, nhưng lại ra đời vào một thời kỳ đặc biệt nên không thu hút được Phật tử. An quang van thường coi Hiến chương này là sản phẩm của Quốc tự và của bọn "giáo gian" làm tay sai cho chính quyền.

Hiện nay, dấu Quốc tự có căn bản pháp lý và được chính quyền hỗ trợ nhưng thế lực hai khối An quang và Quốc tự rất khác biệt. Trong khi Quốc tự chỉ thủ hợp hoạt động vào miền Vĩnh Nghiêm thì An quang lại hoạt động như một Giáo hội với tín đồ đông đảo, có cơ sở tại mọi địa phương. Hạnh diện vì khối nhân lực và tài nguyên vật chất này, An quang đã nhiều lần bác khước và si nhục đề nghị hòa giải của Quốc tự cho rằng Phật giáo không chia rẽ mà chỉ có những tay sai chính quyền, chia rẽ Phật giáo. Chỉ có thể hiểu được lập luận đó, cũng như hiểu được vấn đề Phật giáo ngày nay nếu chúng ta đi sâu vào đề tài Nhân sự và tài nguyên vật chất của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất.

ĐOẠN II : NHÂN SỰ VÀ TÀI NGUYÊN VẬT CHẤT CỦA GHPGVNTN.

Nếu tài nguyên vật chất của Giáo hội không quan trọng lắm thì ngược lại nhân sự Phật giáo là một thành tố thế lực đáng kể mà chỉ cần được cam hùng và lãnh đạo cũng đem lại cho Phật giáo một sức mạnh chính trị vượt bậc rồi. Vì tính cạnh tranh trong của vấn đề nhân sự, nên ta chia ra làm 2 phần đoạn nói về Tăng sĩ Phật giáo và Phật tử thường trong khi phần đoạn ba bàn về tài nguyên vật chất của Giáo hội.

Phần đoạn 1 : TĂNG SĨ PHẬT GIÁO

Tăng sĩ là căn bệ truyền giáo (48). Hiến chương 1966 định nghĩa : "Được coi là Tăng sĩ, các Tăng ni Việt Nam đã chính thức chịu kỷ luật giới. Tài liệu về tổng số tăng sĩ Phật Giáo đều được giữ bí mật hoặc không một giáo hội nào nắm vững từ khi có sự chia rẽ An Quang, Quốc Tự. Tài liệu do An Quang hay Quốc Tự phổ biến đều qua lạc quan. Cuộc điều tra của kỹ gia Kenneth W. Morgan năm 1964 nói đến con số tu sĩ là hai mươi lăm ngàn tăng (25.000) và bốn ngàn Ni (4.000). Điều đích xác nhất là các tăng sĩ đã liên hệ mật thiết đến sự tồn vong của Phật Giáo. Thực vậy, từ sau phong trào phục hưng Phật Giáo, các tăng sĩ mà vai trò bí lu mờ hàng mấy thế kỷ, đã chân chính hàng ngũ, đã đưa Phật Giáo trở lại địa vị xung đáng ngày xưa. Tập thể tăng sĩ là lực lượng nòng cốt

(48) Tài, Ta văn, giảng tập năm I ban Đốc Sự, các vấn đề chính trị Việt Nam, 1972.

đem đạo Phật đi vào cuộc đời, là lãnh tụ của phong trào tranh đấu cho chính nghĩa 1963. Tuy nhiên trong những năm gần đây, đã có một số tu sĩ không xứng đáng làm mất uy tín một phần nào nơi các Phật tử. Nguyên do là vì bản chất tự do của đạo Phật, dễ dãi, chấp nhận mọi phản tử, và thiếu kỷ luật huấn luyện. Trong những thời kỳ sôi động sau cách mạng, Giáo hội đã thừa nhận mọi khuyến khích chính trị, kể cả những phản tử xu thời, theo cơ hội chủ nghĩa (49) để rồi bị những phản tử này lợi dụng. Khuyết điểm đó đã được Giáo hội lưu ý và đang có những biện pháp cần thiết hầu làm tăng thêm phẩm chất cho hàng ngũ này. Mới đến hàng Tăng sĩ ta phải lưu ý đặc biệt các vị tăng sĩ lãnh đạo. Đó là những người đã trưởng thành cùng lúc với phong trào giải phóng quốc gia, cùng là bạn đồng môn ngày xưa trong các Phật học Viện nổi danh tại Huế hay là học trò của vị danh Tăng (Tổ Liên) tại Phật học Viện Sư quán Hà Nội. Cùng gặp gỡ trong cuộc vận động 1963, cùng tranh đấu cho uy tín Phật giáo nhưng đã chia rẽ năm 1966 nhất là giữa các tăng sĩ lãnh đạo về hoạt động chính trị. Riêng đối với các tăng sĩ lãnh đạo về văn hóa, muốn đứng ngoài mọi tranh chấp chính trị (50) uy tín của họ lại lên cao vút nhất là từ khi cuộc tranh đấu chính trị của Phật giáo bị thất bại (1966).

a/ Danh sách tăng sĩ lãnh đạo về hoạt động về chính trị điển hình :

1/ Thượng Tọa Thích Trí Quang : Sinh tại Quảng Bình, tu học từ thuở nhỏ. Hoạt động Phật sự từ năm 1946. Lãnh đạo cuộc tranh đấu Phật giáo 1963. Trong thời kỳ đầu sôi lửa bỏng tại miền Trung. Ký giả Pháp gọi Thượng Tọa là người làm rung chuyển nước Mỹ. Thất bại trong những cuộc tranh đấu chính trị tại miền Trung 1966, và tại Saigon 1967. Vắng mặt trên chính trường cho đến ngày hôm nay. Những cuộc tranh đấu rầm rộ, cũng như sự im lìm kéo dài đã làm cho Thượng tọa trở thành một huyền thoại.

Bên cạnh Thượng tọa Trí Quang thuộc khối Ấn Quang còn gọi là "phe Phật giáo tranh đấu" còn có Thượng Tọa Thích Thiện Hoa và Thượng tọa Thích thiện Minh. Các vị này đều là bạn đồng môn tại Phật học viện Huế. Nhân vật đối đầu với Thượng tọa Trí Quang và cũng là người lãnh

(49) Hạnh, Nhất, sách đã dẫn p.81

(50) Hào, Hoàng xuân, sách đã dẫn p.210, trích cuộc phỏng vấn với Thượng tọa Thích Tâm Châu ngày 12/6/1969.

đạo khối Quốc Tự là Thượng Tọa Thích Tâm Châu.

2/ Thượng tọa Thích Tâm Châu : Người làng Ninh Bình, học trò danh Tăng Tô Liên ở Hà Nội. Hoạt động chống cộng từ năm 1946, di cư vào Nam 1954. Chủ tịch Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo 1963, Viện trưởng nhiều nhiệm kỳ Viện Hóa Đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất. Kể từ khi Phật giáo bị chia rẽ, Thượng Tọa Tâm Châu chỉ chỉ còn giữ những chức vụ của tổ chức Phật giáo thế giới. Hiện nay Thượng tọa vẫn còn ảnh hưởng nhiều đến Phật giáo thế giới nhưng lại suy giảm uy tín tại quốc nội.

Nhân vật có uy tín trong quốc nội và khi làm viện trưởng Viện Hóa Đạo Quốc tự có những hành động cụ thể để hàn gắn chia rẽ Phật giáo là Thượng tọa Thích Tâm Giác. Nhưng Thượng tọa đã chết.

b/ Các Tăng sĩ lãnh đạo không hoạt động chính trị :

Sự chia rẽ cùng phá hoại uy tín giữa các Tăng sĩ lãnh đạo chính trị của 2 phe đã ảnh hưởng không tốt đến các Phật tử, nên các tín hữu đã có khuynh hướng tin tưởng hơn vào các vị tăng sĩ lãnh đạo về hoạt động thuần tôn giáo hay văn hóa, xã hội. Đây là lý do làm cho uy tín các vị này lên cao từ sau khi có sự phân hóa nội bộ Phật giáo. Số lượng hàng tăng sĩ trí thức này không nhiều nhưng có vài vị rất nổi danh như Thượng tọa Thích tâm Châu, Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, Thượng Tọa Nhất Hạnh.

Bên cạnh các Tăng sĩ, các tín đồ Phật giáo cũng có thể có một vai trò quan trọng ngay trong hàng ngũ lãnh đạo Giáo hội, nhất là các cư sĩ.

Phan đoạn 2 : **PHẬT TỬ THẾ TỤC** .

Được định nghĩa là mọi người không phân biệt giai cấp, tuổi tác, nghề nghiệp, chủng tộc đã thọ quy giới hoặc có đức tin Phật giáo và song theo đức tin ấy, thì được gọi là tín đồ trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (Hiến chương 1964). Giáo hội chưa có thống kê chính xác về con số tín đồ. Cho rằng Phật giáo chiếm 80% dân số, có lẽ

hơn nhiều. Con số 50% của Giáo sư Hoàng xuân Hào có vẻ xác thực hơn (51) gồm 2.500.000 thuộc Nam tông và 6.500.000 thuộc Bắc tông. Quan trọng hơn hết là thành phần cư sĩ và thanh niên Phật tử.

a/ Cư sĩ : Là những người thân cận các Tăng sĩ, hoạt động tích cực cho Phật sự. Đây là những thân hào nhân sĩ, trí thức Phật tử có uy tín. Tên tuổi họ vẫn còn lưu lại trong lịch sử Phật giáo nhất là trong giai đoạn phục hưng và cả sau này nữa. Từ sau biến cố 1963, vai trò của họ có phần bị lu mờ trước các tên tuổi của các Thượng tọa nổi danh nhưng đến 1966 vai trò họ lại được đề cao sau khi có sự thất bại chính trị của các Tăng sĩ.

Vào những năm 1965, 1967, 1970 trong những kỳ bầu cử, hàng ngũ cư sĩ đã ghi lại những chiến thắng vẻ vang. Có lẽ đây là vai trò thích hợp nhất cho họ tức đóng vai trò đại diện Phật giáo trên chính trường.

Hiện nay, tầng lớp Tăng sĩ Phật giáo hiện còn thiếu thốn, hàng cư sĩ còn cần thiết ở trong hàng ngũ lãnh đạo Giáo hội nữa. Giáo hội cũng kỳ vọng nhiều vào một hàng ngũ khác, đó là thanh niên Phật tử.

b/ Thanh niên Phật tử : Vì bản tính tự do đạo Phật, trình độ hội nhập của của Phật tử thường đối với Giáo hội trung ương hay còn yếu kém (52). Tương lai của Giáo hội và cũng là sự kỳ vọng của Giáo hội vẫn là ở lớp thanh niên. Mấy năm gần đây, với ảnh hưởng phục hưng Phật giáo, các thanh niên, sinh viên, học sinh đã tham nhuan đạo lý hơn. Cộng thêm lòng hăng say nên đã hoạt động tích cực cho Phật giáo: trong những phong trào tranh đấu, trong việc phát huy đạo pháp hay cho việc củng cố giáo hội tại địa phương và trung ương. Nhận thấy sức mạnh và vai trò tiên phong của lực lượng này, Giáo hội đã tổ chức họ vào trong những đoàn thể như :

Gia đình Phật tử : Là tổ chức lâu đời nhất và qui tụ đông đảo tín đồ nhất. Đây là tổ chức giáo dục thanh thiếu niên đi vào con đường hiện đại của đạo Phật.

- Tổ chức sinh viên Phật tử.

- Tổ chức gia đình học sinh Phật tử trong hệ thống trường Bồ

Đề.

(51) Hào, Hoàng xuân, sách đã dẫn p.214.

(52) Hào, Hoàng xuân, sách đã dẫn p.222

Ta cũng nên kể thêm Nha Tuyên Úy Phật giáo trong quân đội, đảm trách việc tinh thần cho binh sĩ Phật tử. Nhìn sơ qua các tổ chức này, trừ tổ chức Nha Tuyên Úy Phật giáo, ta thấy, giống như Công giáo, các đoàn thể đang lan hơi tan vỡ hay ở trong tình trạng thoi thóp. Lý do là vì các tổ chức này chưa được cải tiến nhiều để thích nghi với những nhu cầu thay đổi của thanh thiếu niên hiện thời. Lý do khác là thiếu người chỉ huy giỏi cũng như các huynh trưởng có khả năng. Số thiếu thốn này cũng bởi họ phải đi lính. Đây không phải là sự thiếu thốn duy nhất của Phật giáo, Phật giáo còn rất nghèo về phương diện tài nguyên vật chất.

Phân đoạn 3 : TÀI NGUYÊN VẬT CHẤT CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT 2

Phật giáo rất yếu kém về phương diện tài chánh, giáo hội không có cơ sở kinh tài riêng mà chỉ trông cậy vào sự giúp đỡ và hiến cúng từ bên ngoài. Lẽ dĩ nhiên khó biết đích xác tài chánh của Giáo hội trừ phi Giáo hội tự công bố. Các dữ kiện trong tờ "Tổng hội Phật giáo Việt Nam" năm 1962 nêu lên con số 9 triệu đồng được chính phủ đệ I Cộng hòa cho để xây dựng Chùa chiền và Tổng Thống Ngô đình Diệm ở dâng cúng một số tiền lớn trong việc xây Chùa Xá Lợi. Sau biến cố 1963 Thượng Tọa Tâm Châu có ghi những số tiền vài chục triệu được các chính phủ sau cách mạng giúp đỡ Giáo hội để xây cất cơ sở phụng tự hay xã hội. Robert Shaplen còn nói đến việc Tướng Khánh trao riêng cho Thượng tọa Trí Quang và Tâm Châu 22 triệu đồng (53).

Đối với những bất động sản như cơ sở phụng tự, văn hóa, xã hội.v.v... sự nghèo nàn còn thấy rõ rệt hơn khi so với khối 9 triệu tấn đô hay so với Công giáo. Từ 1956 - 1962 tạp chí Tổng hội Phật giáo Việt Nam nói đến con số 4.766 ngôi Chùa, trong đó có 1275 đã được xây trước 1954 và 1295 được sửa chữa sau ngày này. Cuộc kiểm tra của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất và Bộ Nội Vụ năm 1964 -1965 kết luận rằng có 4000 Chùa thuộc Bắc Tông và 671 chùa thuộc Nam Tông (54). Cơ sở xã hội Phật giáo ít quan trọng, chỉ hoạt động khiêm tốn trong các

(53) Shaplen, Robert, sách đã dẫn, p.29

(54) Hào, Hoàng xuân, sách đã dẫn p.236, trích lại thống kê của GHPGVNTN.

vực cứu tế xã hội, cô nhi, phát thuốc.

Đặc biệt và triển vọng hơn hết là các cơ sở giáo dục Phật giáo. Các Tăng sĩ Phật giáo vẫn hằng kỳ vọng nền giáo dục Phật giáo sẽ giúp xây dựng con người Việt Nam đích thực, một con người "Vạn Hạnh" ở đối đầu lại với sự tàn phá khủng khiếp của nền văn minh vật chất, với những hậu quả của chiến tranh (55). Vì vậy Phật giáo đã sớm xây dựng một hệ thống giáo dục phong phú. Ta phải kể :

- VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH : Được thành lập tại Saigon 1964, tổ chức theo khuôn mẫu Tây Phương, gồm nhiều phân khoa, đặc biệt là phân khoa Phật học.

- TRƯỜNG TRUNG VÀ TIỂU HỌC BỒ ĐỀ : gồm :
- 55 trường trung học
 - 52 trường tiểu học
 - 9 mẫu giáo kiểu mẫu.

.. PHẬT HỌC VIỆN : Có một quy chế chung từ ngày 21/1/1969, theo đó Phật Học Viện là nơi đào tạo tăng ni sinh về đạo đức và văn hóa. Chương trình chia làm 3 cấp :

- . Trung đẳng I : Tương đương trung học độ I cấp.
- . Trung đẳng II : Tương đương trung học độ II cấp.
- . Cao đẳng : Tương đương đại học.

Hiện nay có 3 Phật học Viện thuộc cấp Trung đẳng II và 11 Phật Học Viện thuộc Trung đẳng I. Cao đẳng chưa có, hiện thời tạm nhờ Viện Đại Học Vạn Hạnh thay thế. Công cuộc đào tạo tăng tại ở ngoài quốc cũng được giáo hội lưu ý đầu tư gặp nhiều khó khăn về tài chánh.

Tài nguyên vật chất là phương tiện hoạt động hữu hiệu của Giáo hội. Nhưng bản chất của Phật giáo đã làm cho giáo hội gặp khó khăn trong việc kinh tài để tạo dựng cơ sở và huấn luyện nhân sự. Đầu sao chiều hướng và mục tiêu của Phật giáo phục hưng vẫn là một tổ chức giáo hội hoàn hảo. Trong việc này, Phật giáo vẫn hằng muốn thấy một tổ chức có hiệu quả như tổ chức của Giáo hội Công giáo.

(55) Châu, Thích minh, Vạn Hạnh Bulletin, 1973, p.57

TIẾT II : TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ TÀI NGUYÊN VẬT CHẤT CỦA CÔNG GIÁO

Công giáo, dầu nhân sự ít ỏi, nhưng đã biết kiện toàn tổ chức giáo hội, sớm hội nhập tâm hồn và phát triển phương tiện vật chất của mình. Tổ chức hoàn hảo của Công giáo đã mang lại cho Giáo hội một thế lực được mọi người khâm phục.

ĐOẠN I : TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM.

Lịch sử Công giáo Việt Nam từ bước đầu đã gặp ngay sự bất bớ, cấm đoán. Vì vậy Giáo hội đã sớm được tổ chức để sống còn. Cho đến năm 1933, Giáo hội vẫn còn nhờ đến sự giúp đỡ của những nhà truyền giáo Tây Phương : Đây là giai đoạn cứu mạng Giáo hội, từ 1933 Giáo hội mới bắt đầu trưởng thành.

Phần đoạn 1 : GIẢI ĐOẠN CỨU MẠNG :

Du nhập Việt Nam vào khoảng thế kỷ 16, Công giáo đã trải qua nhiều thời kỳ bị bách hại. Bị đánh đuổi, bị bắt bớ, các nhà truyền giáo Tây Phương đã tìm cách thiết lập rất sớm một hàng giáo phẩm địa phương để hoạt động dễ dàng hơn tại địa phương mình. Chính các linh mục bản xứ và thầy giảng này là cốt tủy của một Giáo hội có tổ chức kín đáo và dễ lưu động. Nhờ vậy, Giáo hội mới thoát khỏi cơn bách hại bạo tợn để sống còn mãi mãi. Cho đến khi Pháp đến xâm lăng Việt Nam, đã có 708.000 giáo dân và 398 linh mục Việt Nam (56). Được tự do tôn giáo, Giáo hội Công giáo bắt đầu công khai thiết lập cơ sở tổ chức. Các địa phận được thành lập: Địa phận Nam (Vinh), Địa phận Bắc (Huế), Địa phận Đông (Qui Nhơn), Địa phận Tây (Saigon). Năm 1932 có thêm 3 Địa phận mới được ra đời: Địa phận Đoài (Hưng Hóa), Địa phận Thanh (Phát Diệm) và Địa phận Thanh Hóa.

(56) Louvet, C.E mission catholiques au 19^e siècle, Oeuvre de la Propagation de la foi, Lyon 1894, p.212.

Phải đợi một năm sau 1933, với sự tán phong cho Cha Jean Bapstiste Nguyễn bá Tông, giám mục tiên khởi Việt Nam, Giáo hội Việt Nam mới được coi là trưởng thành. Cơ cấu Giáo hội công giáo Việt Nam được hoàn bị qua 2 biến cố quan trọng: vào ngày 24/11/1960, kỷ niệm 300 năm truyền giáo tại Việt Nam, Đức Giáo Hoàng Jean XXIII ban hành sắc chỉ thiết lập phẩm trật Giáo hội và ngày 24/2/1967 nội quy Hội đồng Giám mục Việt Nam được Tòa Thánh phê chuẩn.

Phần đoạn 2 : TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH GHCGVN.

Tổ chức và điều hành Giáo hội ở trung ương và địa phương được quy định như sau :

a/ Tại trung ương :

Có Hội đồng Giám mục Việt Nam, thành phần gồm các vị lãnh đạo Giáo hội trong Quốc gia. Vậy Hội đồng Giám mục Việt Nam gồm 16 vị Giám mục trong đó có 14 vị Giám mục chánh tòa của 14 địa phận, 1 vị đặc trách liên lạc các dòng tu và 1 vị phụ tá Địa phận Saigon.

Nhiệm vụ và quyền hạn:

Hội đồng Giám mục Việt Nam là cơ quan cao cấp nhất của Giáo hội, liên đới thi hành nhiệm vụ mục vụ, đem lợi ích Giáo hội và công hiến cho con người được phát triển. Vì vậy, Hội đồng Giám mục Việt Nam là tiếng nói chính thức của Công Giáo về mọi vấn đề trong quốc gia. Các quyết định của Hội đồng được biểu quyết hợp pháp nếu hội đủ 2/3 hai phần ba tổng số phiếu các thành viên và được Tòa Thánh công nhận. Hội đồng Giám mục Việt Nam được điều hành bởi 3 cơ quan, quan trọng nhất là:

- 1/ Ban thường vụ : với nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động do Hội đồng Giám mục biểu quyết, Ban thường vụ gồm:
 - . 1 chủ tịch
 - . 1 phó chủ tịch kiêm thủ quỹ.
 - . 1 tổng thư ký.

Các chức vụ trên được bầu cử nhiệm kỳ 3 năm. Hiện nay, chức chủ tịch do Tổng Giám mục Nguyễn văn Bình giữ.

- 2/ Văn phòng thường trực : Dưới sự đặc trách của 2 linh mục được Hội đồng Giám mục bổ nhiệm, lo về các vấn đề liên lạc thông tin.

3/ Các ủy ban Giám mục : Đứng đầu là một Giám mục, gồm:

- Ủy ban phụng vụ và truyền thông xã hội
- Ủy ban truyền bá phúc âm
- Ủy ban giáo dục
- Ủy ban phát triển

Hội đồng Giám mục Việt Nam là tiếng nói chính thức của Giáo hội, nhưng xét về quyền hạn tại mỗi địa phương thì lại do vị Giám mục cai quản tại đó nắm giữ và chỉ chịu trách nhiệm đối với Đức Giáo Hoàng và Tòa Thánh Vatican thôi. Để rõ hơn, ta nghiên cứu cơ cấu tổ chức địa phương.

b/ Tại địa phương :

Tổ chức Giáo hội tại địa phương được phân chia theo thứ tự từ nhỏ đến lớn : Giáo xứ, giáo hạt, giáo phận, giáo tỉnh và giáo miền.

1/ Giáo miền : Có 4 giáo miền tại Việt Nam, sự phân chia dựa vào nhu cầu của mỗi miền :

- Miền trung duyên hải (Huế, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang) do ủy ban phát triển phụ trách.
- Miền trung cao nguyên (Kon Tum, Dalat, Ban Mê Thuột) do ủy ban giáo dục.
- Miền Sài Gòn : Ủy ban truyền thông xã hội và Phụng vụ.
- Miền Cửu Long (Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Long Xuyên) được ủy ban truyền bá Phúc âm chăm sóc đặc biệt.

2/ Giáo tỉnh : Sự phân chia này không quan trọng, chỉ dựa theo ranh giới. Có 3 giáo tỉnh tại Việt Nam :

- Giáo tỉnh Hà Nội
- Giáo tỉnh Huế
- Giáo tỉnh Saigon.

3/ Giáo phận : Được coi như mẫu giáo hội riêng biệt hay địa phương, đứng đầu là một vị Giám mục được Đức Giáo Hoàng ủy thác coi sóc. Có 14 Giáo phận ở Việt Nam, ranh giới lớn hơn tỉnh, nhưng lấy tên tỉnh mà Tòa Giám Mục đặt ở đó.

Để cố vấn và đề nghị mọi vấn đề liên quan đến nhiệm vụ cai trị của Đức Giám Mục, có 3 cơ cấu phụ thuộc :

- Hội đồng linh mục : Đại diện tất cả linh mục giáo phận.
- Hội đồng mục vụ : Đại diện giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân.
- Hội đồng giáo dân : Đại diện giáo dân trong giáo phận.

4/ Giáo xứ : Tất cả linh mục trong giáo phận là công sứ viên thân cận của Giám mục và được ủy thác nhiệm vụ mục vụ hay hoạt động tông đồ ở giáo xứ gọi linh mục chánh xứ hoặc/liên xứ (giáo hạt), hội là linh mục Hạt trưởng. Giáo xứ là khu vực nhất định trong giáo phận, ranh giới lớn hơn xã. Tại mọi giáo xứ có một Thanh đường cho việc thờ phượng của giáo dân. Hợp tác với linh mục chánh xứ là một hội đồng giáo xứ quy tụ một số giáo dân ưu tuyển. Đây là tổ chức hành chánh của Giáo hội. Sự giáo dục công giáo, huấn luyện thanh thiếu niên hay tổ chức đoàn thể đều bắt nguồn từ đây. Linh mục chánh xứ có vai trò một lãnh tụ tôn giáo và đôi lúc chính trị (Hồ Nai, Bùi Chu.v.v...) Chính tổ chức căn bản này đã hun đúc cho giáo dân từ lâu thời một tinh thần kỷ luật và đức tin rất cao.

Sau khi phát họa sơ qua về tổ chức Giáo hội Công giáo Việt Nam, ta thấy ưu thế của một tổ chức tập quyền dựa theo phẩm trật. Nếu tổ chức này đã giúp người công giáo nhiều trong vấn đề tôn giáo hay chính trị thì chính nó đã làm cho người Công giáo thành một khối cách biệt với anh em khác Công giáo, đóng kín với mọi sự dò hỏi thích nghi. Một Giáo hội như vậy sẽ không còn là dấu hiệu hiện diện Thiên Chúa giữa con người. Mà vì vậy Giáo hội Công giáo đang cố gắng áp dụng tinh thần Vaticanô II để đổi mới và canh tân. Nhưng những người Công giáo cho rằng con đường đi còn nhiều trắc trở. Lý do chính vẫn là vấn đề nhân sự. Người ta chê trách hàng Giáo Phẩm chậm chạp, cần giáo dân lại chưa đủ trưởng thành để đóng vai trò tích cực hơn. Sự quan trọng của vấn đề nhân sự được ta xét ở đoạn sau.

ĐOẠN II : VẤN ĐỀ NHÂN SỰ VÀ TÀI NGUYÊN VẬT CHẤT GHOGVN.

Thế lực Công giáo được nê nang không những vì Công giáo có tổ chức hữu hiệu mà còn vì nhân sự, mặc dầu không nhiều, nhưng có tinh thần và kỷ luật. Ngoài 2 ưu điểm trên Công giáo còn có tài nguyên vật chất phong phú vượt hẳn mọi tôn giáo khác. Công giáo đã biết phối hợp 3 ưu điểm đó để gây ảnh hưởng rộng lớn trong xã hội:

Phân đoạn 1 : Nhân sự Giáo hội Công giáo Việt Nam

Phân đoạn 2 : Tài nguyên vật chất.

Phân đoạn 1 : NHÂN SỰ GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM

Giáo hội là một mẫu nhiệm thực sự xuất hiện trên trái đất dưới hình thức cụ thể và hiển nhiên (57). Giáo hội than linh ấy, như một xã hội được thiết lập quy củ trên trần gian, do Đấng kế vị Phêrô và các vị Giám mục hiệp thông với Ngài điều khiển. Được điều khiển do Đấng tự nhận kế vị Phêrô, Giáo hội không thể có dân chủ được. Đó cũng là lý do giải thích sự thiết lập tôn tri phân trật trong Giáo Hội. Chính mẫu nhiệm bí tích phân biệt hàng giáo sĩ và giáo dân.

a/ GIÁO SĨ :

Giáo sĩ Công giáo gồm các vị Giám mục, linh mục và phó tế. Được gọi là giáo sĩ chỉ những người được tuyển chọn và chịu bí tích truyền chức. Trong việc điều khiển Giáo hội Việt Nam, Đức giám mục có vai trò lãnh đạo và các linh mục là cộng sự viên.

1/ Giám mục : Giáo luật khoản 329 định nghĩa Giám mục là những vị kế nghiệp các Tông đồ do Thiên Chúa thiết lập để quản trị các địa phận với quyền hành thông thường của Đấng Giáo Hoàng. Hiện nay tại Việt Nam có 16 vị Giám mục. Vì điều kiện bổ nhiệm khó khăn, đòi hỏi một trình độ văn hóa và đạo đức cao, nên các vị này được mọi giáo dân kính phục và nể sợ. Họ là những kẻ chính thức lãnh đạo giáo hội và thực sự cai trị cộng đoàn giáo dân. Nhưng quyền bính Giám mục không để thống trị (58) mà là để phục vụ, và phục vụ tất cả mọi người nên tiếng nói của họ rất mạnh mẽ trong những vấn đề bảo vệ nhân phẩm con người, bảo vệ luân lý (chống dự luật kế hoạch hóa gia đình) và can thiệp vào mọi vấn đề kinh tế, xã hội, giáo dục. Riêng đối với vấn đề chính

(57) Giáo hoàng Học Viện Pio X, sách đã dẫn P.171.

(58) Giáo Hoàng Học Viện Pio X, sách đã dẫn p.223.

trị, các Giám mục Việt Nam bằng mọi cách đã không muốn bị đồng hóa, cấu kết hay liên lụy với bất cứ hệ thống chính trị nào: tuy nhiên giữa sự chống đối và cộng tác lành mạnh, họ đã lựa chọn sự cộng tác lành mạnh với chính quyền hiện tại. Thái độ chính trị này nhiều khi bị những người đối lập chỉ trích đau các Giám mục Việt Nam muốn cho thấy rằng, dựa vào thực tại chính trị và sự lợi dụng của ngoại bang, con đường chính trị này mới phục vụ lợi ích cho con người một cách hữu hiệu hơn. Để thi hành đường lối các Giám mục là các vị linh mục.

2/ LINH MỤC : Là những cộng sự viên của Giám mục, được giám mục ủy thác việc săn sóc các linh hồn trong những khu vực, mỗi trường riêng rẽ. Họ là những người sống gần gũi bên cạnh giáo dân, sinh hoạt cùng với mọi người tại mọi môi trường để làm chứng cho Thiên Chúa. Vì vậy không thiếu bóng dáng họ tại giới thượng lưu trí thức hay hạ tầng cùng của xã hội. Trong những thời kỳ sôi động, họ còn đóng vai trò lãnh tụ chính trị để tranh đấu cho uy thế Công giáo. Đây là lớp người ưu tú, được huấn luyện rất kỹ về đạo đức, văn hóa (7 năm tại Tiểu chủng viện, 7 năm tại Đại chủng viện, 2 năm thực tập = 16 năm huấn luyện) Theo thống kê thông tin Công Giáo 12/1971, có 1.610 linh mục triều và 367 linh mục dòng trên toàn quốc. Hiện nay trong hàng Linh mục Việt Nam, ta còn nghe nói đến một số linh mục trí thức cấp tiến. Họ là những người muốn canh tân Giáo Hội, họ nói : Tư tưởng căn bản của chúng tôi đều bắt nguồn từ Công đồng Vaticanô II, chúng tôi muốn kéo người Công giáo ra khỏi nếp sống tù túng, cách biệt và mở đường cho một cuộc hợp tác với các lực lượng Tôn giáo, xã hội khác. Chúng tôi còn nói đến những vấn đề xã hội của đất nước, những vấn đề nghiệp đoàn, vấn đề Hòa bình. Chính chúng tôi là những người đầu tiên tiếp xúc với Phật giáo (59). Điểm nổi bật nhất của chủ trương họ là sự chống đối thái độ chính trị của Hàng Giáo Phẩm Việt Nam. Trong chiều hướng đó họ được đa số thanh niên trí thức hưởng ứng nhưng đã không thiếu những sự dị nghị và nghi ngờ của tín hữu và linh mục vì tư tưởng họ quá cách mạng và sự phê bình vô trách nhiệm đã làm tổn thương đến Giáo hội.

(59) Gheddo, Piero : sách đã dẫn p. 278.

Đầu thuộc khuyh hướng nào, điều kiện đời sống và hoạt động của hàng giáo sĩ cũng là dân chúng. Con người là đối tượng đối thoại của hàng giáo sĩ về ch cấu rỗi.(60)

b/ GIÁO DÂN :

Là những người đã chịu phép Thánh Tẩy. Đây là lực lượng quan trọng không phải vì số lượng mà vì tinh thần đoàn kết và kỷ luật rất cao. Thống kê Trung tâm Công giáo nói đến con số 1.826.581 giáo dân vào năm 1972, tức chiếm khoảng hơn 10% dân số trong nước. Số lượng tín hữu không cao, nhưng tinh thần hội nhập vào giáo hội rất cao, luôn luôn tỏ ra sẵn sàng hành động để bảo vệ tôn giáo (61). Sự quan trọng của tín đồ Công giáo trong hoạt động chính trị tại Việt Nam ngày nay rõ rệt hơn khi họ chiếm đến 33% trong quân đội và 60% trong hàng sĩ quan (62). Ưu thế của từng lớp nhân sự này còn nhờ ở chính sách giáo dục của Giáo hội tìm cách đào tạo một tầng lớp lãnh đạo ưu tú hoạt động trong mọi lãnh vực. Cho đến ngày nay người Công giáo đã không vắng mặt tại nơi trường hay tại một hoạt động nào cả. Và ở đâu, họ cũng tỏ ra có một lập trường vững chãi vì được tham nhuan đức tin và được huấn luyện ngay từ ấu thời trong những tổ chức Công giáo. Đại để, ta có thể kể :

* Tổ chức Công giáo Tiến hành :

Tổ chức lâu đời nhất và ảnh hưởng vào tất cả mọi giáo phận trên toàn quốc. Thành phần hội viên gồm đủ mọi tín hữu muốn thực hành đời sống đạo giữa đời.

Còn có những tổ chức chuyên biệt cho một hạng người như :

* Thanh lao công (J.O.C) :

Dành cho giai cấp lao động, là nơi đào tạo người công dân sống tinh thần Phúc Âm giữa anh em mình. Rất nhiều đoàn viên Thanh lao công trở nên lãnh tụ nghiệp đoàn.

(60) Pio, Giáo Hoàn, Học Viện, sách đã dẫn p.380.

(61) Chinh, Nguyễn hữu, sách đã dẫn p.592

(62) Chinh, Nguyễn hữu, sách đã dẫn p.593, trích lại tạp chí Minute, số 316, tháng 4/68 p.8

Ta cũng có thể kể thêm phong trào Pax Romana cho trí thức Công giáo, Thanh sinh công cho các thanh niên, sinh viên; Hiệp hội hội các nhà giáo dục Công giáo.

Hiện nay, phong trào Focolare danh được giới thiệu tại Việt Nam. Phong trào không nệ vào việc tổ chức mà chỉ nhằm đề ra một thái độ, sống, sống thật giản dị, dễ dàng, đó là sống đạo giữa đời mà chứng tích và sức mạnh là tình yêu. "Bạn sẽ hưởng được tình yêu khi bạn có yêu" (63).

Ta đã nói nhiều đến ưu điểm của nhân sự Công giáo. Bài toán hiện nay cho Giáo hội là phá vỡ bức tường cách biệt giữa hàng giáo sĩ và giáo dân, thay thế sự chỉ huy cai trị bằng sự hợp tác. Vậy trước hết phải thay đổi nào trạng mới mong canh tân Giáo hội. Canh tân giáo hội còn có nghĩa là Giáo hội phải đi vào con đường nghèo khổ. Người ta van háng tránh Giáo hội Công giáo Việt Nam có bộ mặt nhà giàu. Câu trả lời sẽ là đối tượng của phần đoạn 2.

Phần đoạn 2 : TÀI NGUYÊN VẬT CHẤT CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM.

Nếu Giáo hội là dấu chỉ của Thiên Chúa, một Thiên Chúa nghèo khổ vì "Ta tự nhận làm thân phận nghèo khổ" (64), thế mà Giáo hội Công giáo Việt Nam lại có bộ mặt giàu có ?

Nếu so sánh với Phật giáo, thì sự phồn phú của Giáo hội rõ rệt hơn nữa. Công giáo đã tổ chức một hệ thống kinh tài riêng gồm Nhà Ngân hàng, nhà phố, trường xá. Tài nguyên hay gây nhiều dị nghị hơn hết là số ruộng đất Giáo hội sở hữu. Cuộc nghiên cứu của linh mục O'Connor năm 1967 đã cho thấy Giáo hội Công giáo hiện có 5.579 mẫu ruộng tức khoảng 1% tổng số ruộng tại Việt Nam (65). Gần đây trong một văn-

(63) Tòa Giám Mục Nha Trang : Tiếng nói của Thế hệ H vọng, Nha Trang 1974, P.13

(64) Thanh, Trần hữu, : Tân Ước, Nha Tuyên Ủy CG phát hành 1969, p.676 đoạn 2 câu 6

(65) O'Connor, Sunday Examiner (HongKong) 12/7/1968

thứ chính thức, Giáo hội tỏ ý sẵn sàng cấp phát số ruộng này lại cho nông dân theo chính sách "Người cày có ruộng" của chính phủ. Một số linh mục cấp tiến thường chỉ trích trên các báo Đối diện, Đất nước những hành vi làm giàu của những linh mục trong những dịch vụ với người Mỹ. Được hỏi về vấn đề này, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình có nói :

Họ chê trách hàng giáo sĩ. Nhưng họ đã nói dối khi nói rằng linh mục là những bọn trường giả sống bên lề dân chúng. Tôi xin những người nói dối như vậy hãy cố đi để nhìn rõ tận mắt.

Linh Mục Piero Gheddo, chủ bút tờ Observatore Romano đã thăm nhiều nơi tại Việt Nam có kể lại rằng : Tại những vùng giới tuyến Đông Hà, Cam Lộ, Gio Linh hay trên miền Cao nguyên, chỉ còn có những linh mục Công giáo sống cùng dân để giúp đỡ họ, mở trường học, bệnh xá cho họ. Linh mục nói tiếp: Bất cứ ai đến thăm Giáo hội Việt Nam, trong thành phố hay ngoài thôn dã đều đồng ý là hàng giáo sĩ Việt Nam có nếp sống nghèo khó (66).

Sự giàu có của Giáo hội, mà ai cũng đồng ý, chung qui là một sự phục vụ và một sự phục vụ hữu hiệu. Tiền bạc của Giáo hội đã được dùng để xây dựng một hệ thống cơ sở tôn giáo, văn hóa và xã hội vượt bậc.

- Các cơ sở phục vụ : gồm 884 nhà thờ.
- Các cơ sở GD, XH : phụ trách đến 30% công tác GD, XH của quốc gia.
- Cơ sở giáo dục các tu sĩ: là các chủng viện gồm :
 - 10 Tiểu chủng viện (7 năm huấn luyện, tương đương trung học đệ II cấp).
 - 3 Đại chủng viện với :
 - 3 năm triết học (tương đương cử nhân Triết)
 - 4 năm Thần học (cử nhân thần học)
 - 2 năm giúp xứ.

Đây là những trường đào tạo những linh mục tương lai của Giáo hội. Đặc biệt nhất là Giáo Hoàng Học Viện Pio X, tổ chức theo khuôn mẫu quốc tế nổi tiếng nhờ phân khoa thần học. Mỗi năm trường nhận 2 chủng sinh ưu tú của mọi Giáo phận.

(66) Gheddo, Piero : sách đã dẫn p.272

Bảng thống kê sau đây cho ta một ý niệm tổng quát về sự quan trọng của những đóng góp Công giáo vào vấn đề Giáo dục và xã hội của Công giáo (67):

<u>Trường học</u> :	:	<u>số trường</u> :	<u>số học sinh</u> :	<u>Tỷ lệ với quốc gia.</u>
- Tiểu học	:	1,406	: 311.000	: 1/5
- Trung học	:	138	: 112.000	: 1/4
- Đại học	:	2	:	:

Bệnh viện : 6 số giường : 6567 Tỷ lệ với QG: 1/4

Viện dục anh : 79

Nhà dưỡng lão: 28

Trại cùi số người : 2.900 Tỷ lệ 100%

Ngoài ra, Công giáo còn đóng góp vào sự phát triển kinh tế quốc gia bằng những kỹ thuật đặc biệt như: Phổ biến những phương pháp canh tác mới, mở những trại gia súc kiểu mẫu. Bên cạnh đó, Công giáo còn thiết lập những cơ quan hỗ trợ cho những chương trình, chính sách của chính phủ như Caritas, Corev (vấn đề ty nạn, huấn luyện chuyên nghiệp, khẩn hoang lập ấp).

KẾT LUẬN PHẦN I :

Phân tích thế lực hai tôn giáo, ta thấy những biến chuyển và thay đổi giữa thế lực hai tôn giáo đã đem lại một sự quân bình trong nền chính trị Quốc gia. Nếu thời cơ tranh đấu của Phật giáo là ở những giai đoạn bế tắc chính trị, là sự phản kháng bạo quyền, thì Công giáo là tiếng nói xây dựng và hợp tác để tìm đến một chế độ tốt đẹp hơn.

(67) O'Connor : Sunday Examiner (HongKong) 12/7/1968

Chỉ có thể có xây dựng nếu hai tôn giáo này biết hợp tác nhau, biết phá vỡ bất công nhưng cũng để xây dựng công bằng và Hòa bình cho đất nước. Tương quan Công giáo Phật giáo hình như chưa trở thành điều ta mơ ước, nhất là trong diễn trình tham gia chính trị của 2 tôn giáo này từ 1963 đến nay.

PHẦN THỨ II

SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA CÔNG-GIÁO VÀ PHẬT-GIÁO

Trong khoảng trống chính trị sau 1963 tại Việt Nam, với sự rã rời các đảng phái chính trị, Tôn giáo đóng vai trò tiên quân trong việc tham gia tích cực vào chính trường. Tuy nhiên, cũng là điều bất hạnh cho đất nước, sự tranh chấp lúc đầu của Công giáo và Phật giáo chỉ làm lu mờ thêm viễn ảnh một cuộc cách mạng quốc gia thực sự. Nhưng, trong diễn trình tham gia chính trị của tôn giáo cho đến ngày nay, họ thấy sự hợp tác cần thiết và ích lợi hơn sự chia rẽ và đang có những tiếp xúc đi đến việc đoàn kết tôn giáo. Phần II này sẽ được ta nghiên cứu dưới hai thiên :

Thiên I : KỸ-THUẬT THAM GIA CHÍNH TRỊ

Thiên II: DIỄN TRÌNH THAM GIA CHÍNH TRỊ

THIÊN I : KỸ THUẬT THAM GIA CHÍNH TRỊ :

Trong công cuộc vận động và tranh đấu để đạt mục tiêu của chính trị, Công giáo và Phật giáo đã dùng đến những kỹ thuật hành động đặc biệt. Phật giáo đã áp dụng những kỹ thuật tranh đấu tan kỳ và có khuynh hướng tiến đến những hành động bạo động thì Công giáo, trừ vài trường hợp biểu tình biểu dương lực lượng, lại sở trường về những kỹ thuật hành động ôn hòa và hợp pháp. Nói như vậy không có nghĩa là Công giáo và Phật giáo đều duy nhất áp dụng một loại hành động ôn hòa hoặc mạnh bạo. Tùy tình thế, Công giáo và Phật giáo hoặc sẽ phối hợp 2 loại kỹ thuật vừa ôn hòa vừa mạnh bạo; hoặc áp dụng riêng rẽ kỹ thuật này, kỹ thuật kia. Một sự hệ thống hóa hai loại kỹ thuật chỉ để làm sự đề cập càng sự nghiên cứu của ta thôi.

Chương I : Kỹ thuật hành động ôn hòa.

Chương II : Kỹ thuật hành động mạnh.

x

x x

CHƯƠNG I : NHỮNG KỸ THUẬT HÀNH ĐỘNG ÔN HÒA

Gọi là kỹ thuật ôn hòa vì việc vận dụng chúng để thỏa mãn yêu sách của đoàn thể áp lực không có hậu quả gây xáo trộn trật tự chung (68). Trong kỹ thuật này, Công giáo, vì muốn duy trì sự cộng tác lành mạnh giữa Giáo hội và chính quyền, đã ưa áp dụng nó. Phật giáo cũng tích cực sử dụng kỹ thuật này từ khi chấp nhận khung cảnh pháp lý nền chế độ II Cộng hòa vào năm 1970. Việc tiếp xúc, truyền thông và can thiệp trong các cuộc bầu cử được coi như là những kỹ thuật hành động ôn hòa.

(68) Hào, Hoàng xuân, sách đã dẫn p.253

ĐOẠN I : T I Ế P X Ứ C :

Các lãnh tụ Công giáo và Phật giáo thường hay tiếp xúc với những nhà lãnh đạo hành pháp, vì khác với các nước dân chủ tiến & tiến, cơ quan này hầu như là trung tâm quyền lực duy nhất. Riêng giới lập pháp và tư pháp, Tôn giáo ít nghĩ đến việc tiếp xúc với họ cho bằng họ tìm đến tôn giáo để kiếm hậu thuẫn.

Trong hai hình thức tiếp xúc mật và công khai, hình thức đầu quan trọng hơn và được các nhà lãnh đạo Tôn giáo thường xuyên áp dụng để đi đến những dàn xếp quan trọng.

a/ Hình thức tiếp xúc công khai được coi như hợp thức hóa một vấn đề đã được giải quyết : như ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo tiếp xúc chính quyền để đi đến thông cáo chung ngày 16/6/1963 giải quyết 5 nguyện vọng Phật giáo. Tổng giám mục Nguyễn văn Bình tiếp xúc với Đại Tướng Dương văn Minh ngày 13/11/1963 như một thái độ muốn cộng tác với chính phủ cách mạng. Hình thức tiếp xúc này còn được thể hiện qua việc trao đổi thư từ : Hàng loạt văn thư trao đổi giữa UBLPBVPG và Ủy ban Liên bộ (69) trong năm 1963. Phía Công giáo còn dùng hình thức thư luận lưu, trong đó vừa nhắc nhở bốn phạm tội hữu, vừa nói lên nhận định luân lý về các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội. Quan trọng nhất là bức thư luận lưu ngày 16/6/1963 của Tổng Giám mục Nguyễn văn Bình qui định sự phân lập giữa Giáo hội và chính quyền, Thư luận lưu Hội Đồng Giám mục Việt Nam 1974 kêu gọi hòa giải.

b/ Hình thức thứ hai là các cuộc tiếp xúc mật. Dĩ nhiên, một sự tiết lộ ra ngoài rất hiếm hoi có thể làm trở ngại cho việc dàn xếp. Robert Shaplen có kể lại cuộc tiếp xúc mật giữa Tướng Khánh với các Thượng Tọa. Trí Quang, Tam Châu, Thiện Minh đêm 24/8/1964 (70).

(69) Giác, Tuệ : Phật giáo tranh đấu sử 1964 p.108

(70) Shaplen Robert : sách đã dẫn p.24.

Nhằm giải quyết vấn đề thanh toán cán lao, hủy bỏ Hiến chương Vũng Tàu tổ chức bầu cử. Báo Chính Luận thân 5/1974 đăng tin một nghị sĩ đã tuyên bố Tổng Thống Thiệu đồng ý với Tổng Giám mục Nguyễn văn Bình để xếp lại dự luật kế hoạch hóa gia đình.

Để hỗ trợ cho những cuộc tiếp xúc này và để cho tín hữu có một lập trường vững chắc về yêu sách chính đáng của đoàn thể, Tôn giáo còn dùng phương tiện truyền thông tới đại chúng ngõ hầu lôi cuốn họ hỗ trợ mình.

ĐOÀN II : PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI

Để hướng dẫn công luận thuận lợi cho lập sách mình, Tôn giáo đã áp dụng những kỹ thuật truyền thông liên lạc tinh xảo dưới nhiều hình thức đặc biệt. Nếu công luận quốc tế chỉ được hướng dẫn qua hệ thống truyền thanh và báo chí thì công luận quốc nội lại biết nhiều những hình thức hết sức đặc biệt.

a/ Đối công luận quốc tế, là công luận vượt khỏi biên giới Quốc gia và liên kết các phần tử thuộc các Quốc gia khác nhau trong một sự đồng tâm về một vấn đề quốc tế (71) thời chỉ có Phật giáo có khả năng thu hút trọn vẹn cảm tình trong cuộc tranh đấu 1963. Từ đó đến nay, loại công luận này thường ít chú ý đến vấn đề tôn giáo Việt Nam nữa vì chiến tranh Việt Nam trong một thời gian dài đã chiếm hàng đầu trong thời sự quốc tế. Trong công luận quốc tế, quan trọng nhất là công luận quần chúng Hoa Kỳ. Loại công luận này là động lực nhiệt thành của Phật giáo khi các nhà báo Mỹ đã đưa lên hệ thống truyền thanh, truyền hình và báo chí những hình ảnh tranh đấu bị thống trị và độ cao chính nghĩa Phật giáo. Nhưng không lâu sau biến cố 1963, mối liên lạc này tẻ nhạt dần. Đối với Công giáo, công luận quốc tế thường không may khi can thiệp, tuy nhiên công luận quốc nội lại đôi lúc hướng ướng mục tiêu tranh đấu của Công giáo.

(71) Hùng, Nguyễn Mạnh. : Bang giao quốc tế, Hội nghiên cứu HC 1971, p.291.

b/ Để kéo lôi sự hưởng ứng của công luận quốc nội, Tôn giáo cố gắng dùng mọi kỹ thuật truyền thông, mở rộng thông đạt cho đến tận cùng khối quần chúng. Ta có thể kể những hình thức :

1/ Thuyết pháp :

Hành động đặc thù của Phật giáo, bề ngoài có vẻ tôn giáo, nhưng nội dung mang màu sắc chính trị. Người nghe có cảm tưởng là những điều chân lý Phật dạy được thể hiện ra ngoài bằng quan điểm chính trị của vị tăng sĩ trình bày. Vậy kết quả rất khả quan (72)a

2/ Tuyên truyền rí tai :

Đối với loại quần chúng thấp kém và dễ tin, việc rí tai cho nhau nghe từ người này qua người khác, từ tổ chức này qua tổ chức khác sẽ đem lại kết quả hoặc gây niềm tin như tin đồn Phật Bà hiện ra, Tổng Thống Ngô đình Diệm còn sống, hay tạo bất mãn căn thù : Tin đồn Tăng ni bị chôn sống tại tư gia Ngô đình-Cần đã lôi kéo hàng vạn người tới đây đập phá. Dĩ nhiên nội dung tin đồn với dụng ý tuyên truyền, không bao giờ chính xác được. Máy lúc gần đây, hình thức rí tai tuyên truyền cũng tỏ ra hữu hiệu trong các cuộc bầu cử.

Đối với những phương tiện truyền thông chính thức và hợp pháp như ấn loát phẩm, báo chí, truyền thanh, truyền hình thời n ngoài trừ giai đoạn phồn thịnh từ 1963 - 1965 mà có lúc Phật giáo đã kiểm soát Đài phát thanh Huế, Phật giáo tỏ ra yếu kém và thiếu thốn. Báo chí Phật giáo không nhiều trong khi tổ chức ấn loát và báo chí Công giáo phát triển mạnh mẽ. Báo chí Công giáo hay có khuynh hướng Công giáo lại được rất nhiều người hưởng ứng. Giới sinh viên trí thức ngoài Công giáo vẫn thường xem tạp chí Đối Diện, Đất Nước, những bản tường trình, những cuộc hội thảo hàng tháng tại phong trào trí thức Công Giáo Pax Romana.

(72) Tài, Tạ văn, sách đã dẫn.

Cảm tình quan chúng là thước đo uy tín của tôn giáo. Uy tín Tôn giáo còn được thử thách trong những cuộc bầu cử nữa.

ĐOẠN III : NHỮNG CUỘC TUYỂN CỬ

Lá phiếu bầu là hình thức biểu lộ ý chí dân chúng. Nếu bầu cử là hình thức diễn tả công luận (73) thì ta sẽ thấy công luận quan chúng sẽ biến đổi nhiều lần qua sự can thiệp của Phật giáo và Công giáo trong những cuộc bầu cử từ năm 1965 đến nay.

a/ Cuộc bầu cử hội đồng Đô thành, Tỉnh, Thị xã ngày 30/5/1965. Trong cuộc bầu cử này, Phật giáo đã thành công vẻ vang. Số ghế Phật giáo chiếm được tại các tỉnh miền Trung lên đến 70%. Kết quả huy hoàng này sẽ thúc đẩy Phật giáo đi đến khuynh hướng muốn không chế chính trường về sau. Điều này thấy rõ ngay sau khi được thỏa mãn về nguyện vọng một Quốc hội lập hiến bầu cử trong tương lai, Phật giáo liền tẩy chay vì cho rằng cần phải có một chính phủ dân sự chuyên tiếp để bảo đảm hữu hiệu cho một cuộc bầu cử dân chủ và công bằng chống lại mọi âm mưu không chế của giới quân nhân (74). Dưới mắt nhà lãnh đạo Phật giáo, chánh phủ dân sự đoàn kết này sẽ là đa số Phật tử. Sự lo sợ về điều kiện dân chủ và công bằng của Phật giáo tỏ ra không xác thực. Một người Mỹ chống chính sách Mỹ tại Việt Nam có nói: Cuộc tuyển cử 1966 và 1967 là dân chủ nhất có thể có được tại một nước chiến tranh như Việt Nam. Có 4.900.000 người đi bầu (80%) mọi sự kiểm duyệt đã bị bãi bỏ 3 tháng trước (75). Kết quả kỳ bầu cử Quốc hội lập hiến 1966 lần này trái hẳn lần trước : 35 Công giáo và 34 Phật tử trên 117 dân biểu lập hiến.

b/ Những cuộc tuyển cử 1966 và về sau :

Năm 1967, có 3 cuộc tuyển cử quan trọng là: Bầu cử Tổng Thống, Thượng Nghị Viện ngày 3/9/1967 và Hạ Nghị Viện 22/10/1967

(73) Hào, Hoàng xuan : sách đã dẫn, p.322.

(74) Hào, Hoàng xuan : sách đã dẫn p.29.

(75) Gheddo Piero, sách đã dẫn p.305, phỏng vấn một nhân vật đáng tin cậy người Mỹ.

Kết quả cho thấy Công giáo được sự ủng hộ mạnh mẽ : 27 trên 60 Nghị sĩ là Công giáo tại Thượng nghị Viện, tại Hạ nghị Viện ta đem được 35 dân biểu Công giáo so với 45 dân biểu Phật giáo. Sự chống đối của Phật giáo trước và sau những cuộc tuyên cử này đã xảy ra dưới con mắt thờ ơ của quần chúng mỗi một vì hơn 3 năm xáo trộn vừa qua. Nội bộ Phật giáo thì lại phân hóa thành hai phe Ấn Quang và Quốc tự. Vấn đề suy yếu, vì vậy những đòi hỏi hay những cuộc tranh đấu tham lam của Phật giáo chỉ làm dễ dàng thêm cho giới quân nhân cầm quyền tìm cội bớp nghệt. Sự thành công trên con đường xây dựng dân chủ lại như một sự thực, trong khi Phật giáo lan hơi nhận ra vẻ bề thế trong những cuộc tranh đấu bất hợp pháp vô vọng của mình. Họ đã thay đổi chiến thuật vào năm 1970, bằng lòng chấp nhận khung cảnh pháp lý của nền đệ nhị Cộng hòa và kiện toàn lại tổ chức để đưa người vào tòa nhà lập pháp. Phật giáo đã tham gia tích cực vào những cuộc bầu cử Hội đồng Đô, Tỉnh, Thị xã ngày 28/6/1970 và thu đạt khoản 32% số ghế. Thành công vẻ vang nhất là đưa liên danh Hoa Sen về nhất trong cuộc bầu cử Thượng nghị viện ngày 30/8/1970. Tuy nhiên bên cạnh kết quả đó, còn có sự đắc cử của Liên danh Bông Huệ của Công giáo và một liên danh thân chánh có người thụ ủy là Công giáo.

NHÂN XÉT : Phải nhìn nhận rằng Công giáo đã thành công lớn trong kỹ thuật tranh đấu hợp pháp này. Rất nhiều người đã đưa ra lý do giải thích sự thành công đó. Tựu trung ta có thể nói đến 3 ưu điểm của Công giáo, cũng là 3 khuyết điểm của Phật giáo, trong kỹ thuật can thiệp các cuộc tuyên cử :

- Hệ thống hóa giáo dục Công giáo tỏ ra hữu hiệu để đào tạo t trong trường kỳ một thành phần ưu tú có khả năng hoạt động trong mọi lãnh vực Quốc gia.
- Mức độ hội nhập và Giáo hội của Công giáo rất cao, người Công giáo đã bỏ phiếu chỉ cho người đồng đạo.
- Nguy cơ tức thời của đất nước là hiểm họa Cộng sản, mà trong việc chống cộng, quần chúng tin tưởng ở người Công giáo hơn bất cứ một tập thể nào khác.

Những hình thức hành động bất bạo động vừa kể trên không phải là luôn luôn đem lại những kết quả làm vừa lòng tôn giáo. Gặp một chính quyền ngoan cố, mà sự ôn hòa không thể đem lại kết quả, tôn giáo còn dùng đến cả những kỹ thuật có tính cách bạo động nữa.

CHƯƠNG II : NHỮNG KỸ THUẬT HÀNH ĐỘNG MẠNH

Ta đã nói là Công giáo chỉ sở trường trong những kỹ thuật hành động ôn hòa, rất ít khi tìm bạo động trừ một vài lan biểu tình, biểu dương lực lượng. Thì Phật giáo đã biết sử dụng những kỹ thuật hành động mạnh một cách đặc biệt và thường xuyên. Nhưng những kỹ thuật này là con dao 2 lưỡi, vì vậy Phật giáo đã thành công cũng nhờ nó nhưng cũng vì nó mà Phật giáo thất bại. Ta sẽ phân tích những hình thức kỹ thuật hành động mạnh tùy mức độ nhẹ đến nặng như sau:

ĐOẠN I : BÃI KHÓA, BÃI THỊ, BÌNH CÔNG :

Sau lúc hăm dọa, thị uy qua văn thư chính thức hay qua những cuộc thuyết pháp mà chưa đạt kết quả, Phật giáo sẽ kêu gọi sự yểm trợ tích cực của học sinh, sinh viên, thợ thuyền lao động đình chỉ sự học, công việc hầu gây xáo trộn đời sống quốc gia. Mục đích là lưu ý chính quyền phải giải quyết ngay nguyện vọng của mình nếu không muốn có thêm xáo trộn. Kỹ thuật này rất hiệu nghiệm lúc đầu ở miền Trung, khi Phật giáo còn mạnh và được quan chúng ủng hộ. Tuy nhiên lợi dụng quá lạm kỹ thuật này sẽ gây bất mãn nơi quan chúng, vì vậy Phật giáo mất đi hậu thuẫn, sự hưởng ứng can thiệp của quan chúng. Đó là trường hợp năm 1966, khi quan chúng không muốn thay xáo trộn do Phật giáo gây ra.

ĐOẠN II : TUYỆT THỰC, ĐEM BÀN THỜ XƯỚNG ĐƯỜNG, TỰ THIÊU.

Nếu tuyệt thực là phương thế tranh đấu trường cứu của Phật giáo (76) thì hai phương thức sau là để tài tranh luận về sự

chính đáng giữa nhiều nhà lãnh đạo Phật giáo.

a/ Tuyệt thực :

Tuyệt thực nhằm làm cho tập thể bị kích thích và dễ có những hành động mạnh hơn tranh đấu cho Phật giáo. Cuộc thực tập thể đầu tiên của Phật giáo Việt Nam xảy ra ngày 30/5/1963 và đã gây xúc động mạnh mẽ lương tâm quan chúng, nhưng phương pháp này dần mất hiệu lực vì bị xử dụng quá nhiều và đôi lúc câu thả.

Đối chiếu cuộc tuyệt thực này với tuyệt thực của Thánh Cam Địa ở Ấn Độ, ta thấy có một điểm khác biệt căn bản sau đây là khi Thánh Cam Địa tuyệt thực, tất cả đoàn thể, quần chúng mọi giới đều đình công, bãi thị để ủng hộ, làm ngưng trệ mọi hoạt động kinh tế, xã hội, gây thiệt hại cho nhà cầm quyền. Anh rất nhiều (77).

b/ Dem bàn thờ xuống đường :

Trở về Việt Nam, cũng để làm ngưng trệ hoạt động trong nước và nhất là chặn bước tiến quân đội, Thượng Tọa Trí Quang, trong cuộc tuyệt thực 100 ngày, còn có thêm sáng kiến kêu gọi Phật tử đem bàn thờ xuống đường. Kỹ thuật này được Phật tử hưởng ứng nhiều nhất tại miền Trung để chặn đường quân đội trung ương đang sửa soạn tái chiếm thành phố Đà Nẵng và Huế bị lực lượng Nhân dân tranh thủ Cách Mạng kiêm soát. Nhưng đây là một hình thức tranh đấu đáng dị nghị vì việc thờ phụng đã được đem làm phương tiện cho mục tiêu chính trị tỏ ra quá mạo hiểm. Dầu sao chính quyền đã dọn dẹp các bàn thờ này để đường.

c/ Tự thiêu :

Một hình thức phản kháng độc đáo khác của Phật giáo Việt Nam là tự thiêu. Đây là sự tự hủy bằng lửa để nói lên một ý chí cương quyết tuyệt đối tranh đấu cho lập trường mình. Quần chúng sẽ cảm thông sâu xa đối với sự hy sinh bi thảm của vị lãnh tụ và dễ bị kích động để tranh đấu mạnh hơn nữa. Cuộc tự thiêu đầu tiên do Hòa

Thượng Quan Đức thực hiện ngày 11/6/1963 tại Saigon đã xúc động thực sự lương tâm nhân loại. Và tại Việt Nam, ánh lửa thiêu đốt Hòa Thượng Quảng Đức đã thắp sáng một trận phong ba phản nộ trong giới quần chúng Phật tử. Cuộc tự thiêu 1963 đã báo động cho công luận biết sự phản uất đến cùng cực của một đoàn thể đối với chế độ hà khắc (78) thì những vụ tự thiêu sau (5 vụ trong 3 ngày : 29 đến 31/5/1966) đã diễn ra trong sự lãnh đạm của quan chúng. Thật vậy, công luận chỉ xúc động đối với hành vi cùng cực và cuối cùng của người có thể để phản kháng bạo quyền chứ không đứng về phe của kẻ đi tìm ảnh hưởng chính trị đầu cái chết có bi hùng đi mây.

Bên cạnh hậu quả của tự thiêu, giới lãnh đạo Phật giáo vẫn còn tranh luận về khía cạnh tôn giáo của hình thức bạo động này:

* Thượng Toạ Nhất Hạnh cho rằng : Diễn tả ý chí của mình bằng tự thiêu không có nghĩa là phạm một hành vi phá hoại mà chính là thực hiện một hành động xây dựng, nghĩa là chịu đau khổ và chịu chết cho dân tộc mình. Tăng sĩ khi tự thiêu, không tin rằng mình tự hủy; nhưng tin rằng sự hy sinh này có thể cứu vớt những kẻ khác (79) Nhưng quả thực khó để đồng ý với Thượng Toạ Nhất Hạnh khi sự tôn trọng đời sống nơi người Phật tử còn tuyệt đối hơn nơi người Công giáo. Học giả M. Percheron có viết :

Phật giáo là một thái độ khôn ngoan, dựa trên căn bản tôn trọng đời sống và ý kiến kẻ khác. Bất bạo động là cốt tủy của tinh thần đạo Phật. Sự tự hủy trước công chúng của vị Tăng sĩ chống đời hoàn toàn xa lạ với Phật giáo vì sự tôn trọng sự sống còn phải được kể cho chính mình nữa (80).

Tất cả những kỹ thuật hành động đặc biệt trên đây đều được Phật giáo áp dụng, trong khi Công giáo chỉ duy nhất sử dụng một hình thức tranh đấu có điển cố tính cách mạnh bạo để phản kháng chính phủ, đó là biểu tình và biểu dương lực lượng.

(78) Hào, Hoàng xuân : sách đã dẫn p.337

(79) Hạnh, Nhất : Việt Nam, Paix interdite, Vallecchi, Florence 1967, p.144-145.

(80) Gheddo, Piero : sách đã dẫn p.225 trích dẫn do M. Percheron : La Croix 14/5/1963.

ĐOẠN III : BIỂU TÌNH - BIỂU DƯƠNG LỰC LƯỢNG

Hình thức rõ rệt nhất của sự tham gia chính trị của Công giáo là những cuộc biểu tình, và các cuộc biểu tình này đều có tính cách phản ứng tiêu cực, tự vệ chứ không tích cực tìm kiếm một ảnh hưởng chính trị. Mục tiêu trước hết chính là bảo vệ tôn giáo như những cuộc biểu tình vĩ đại của Công giáo ngày :

- 7/6/1964 : biểu dương lực lượng công giáo
- 8/1964 :: chống đàn áp Công giáo
- 6/1965 : chống chính phủ Phan huy Quát thân Phật giáo.
- 24/4/1966 và 12/6/1966 : chống đàn áp công giáo

Có thể nói rằng Công giáo có lợi thế trong chiến thuật này vì người Công giáo sống đông đảo trong những thành phố lớn và các đô thị, mức độ hội nhập vào tổ chức rất cao. Nên những cuộc biểu tình Công giáo quy tụ rất đông đảo tín hữu mà những cuộc xung đột qua Phật giáo ít khi có. Nhưng qua khích hơn, Phật giáo thường đi đến việc xách động quan chức vũ trang chống đối nhà cầm quyền trung ương và bất tuân luật lệ quốc gia năm 1966. Hành vi mạnh bạo nhất của Phật giáo năm 1966 suy thành một cuộc nổi dậy khi phong trào tranh đấu Phật giáo dưới danh nghĩa lực lượng nhân dân tranh thủ cách mạng đã kiểm soát được thành phố Đà-Nẵng, Huế. Vì sử dụng bạo lực, bị chính quyền trung ương dẹp tan với bạo lực mạnh hơn, Phật giáo đã thất bại nặng nề và phân rã từ ngày đó.

x

x x

Bi thất bại cay đắng vì bạo lực năm 1966, Phật giáo kể từ 1969 muốn bước vào con đường chính trị bằng những kỹ thuật hành động hợp pháp. Đây cũng là kinh nghiệm của Công giáo trong việc dùng đến bạo lực chống chính quyền Cộng sản miền Bắc, là bạo lực chỉ đưa đến bạo lực. Nhưng việc dùng đến bạo lực luôn luôn là một cam đo cho các đoàn thể, lực lượng chính trị trong việc đi tìm thỏa mãn những yêu sách mình trên chính trường. Đó là trung hợp Công giáo và Phật giáo Việt Nam trong diễn trình tham gia chính trị từ 1963 đến nay.

THIÊN II : **DIỄN TRÌNH SỰ THAM GIA CHÍNH TRỊ**
của TÔN GIÁO

Kể từ biến cố 1963, Công giáo và Phật giáo đã tham dự tích cực vào hoạt động chính trị. Giáo hội đã đem tất cả thế lực để khóa lấp những khoảng trống chính trị sau sự sụp đổ của một chế độ độc tài và còn tìm cách làm áp lực vào diễn tiến của các quyết định chính trị. Sự thăng thế của Phật giáo trong khoảng thời gian 1963 đến 1966 đã không còn nữa từ sau thất bại chính trị 1966 với hậu quả là Giáo hội bị phân hóa. Trong khi Công giáo, mà địa vị suy tàn sau cái chết của Tổng Thống Ngô đình Diệm, bó buộc phải hành động trên chính trường để tìm đường sống. Sự can thiệp trực tiếp vào chính trường của Hai Giáo hội đã tạo ra nhiều biến cố, cũng như phản ứng các lực lượng khác. Vậy ta sẽ xét các giai đoạn tham gia chính trị của Công giáo và Phật giáo và sự tham gia đó đem lại những phản ứng gì nơi các lực lượng chính trị khác.

Chương I : Các giai đoạn tham gia chính trị.

Chương II : Tương quan giữa tôn giáo và các lực lượng chính trị.

CHƯƠNG I : CÁC GIAI ĐOẠN THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA
CÔNG GIÁO VÀ PHẬT GIÁO

Ta có thể phân biệt 2 giai đoạn chính : giai đoạn chuyển tiếp bắt đầu từ 1/1/1963 đến ngày nhậm chức của Tổng Thống đầu tiên của nền đệ II Cộng Hòa (31/10/1967), giai đoạn hai được kể từ ngày đó đến nay. Trong cả 2 giai đoạn, chính quyền chỉ chuyển được giới quân nhân nắm giữ, trong khi đời sống chính trị lại biến chuyển theo sự can thiệp của Tôn giáo. Tuy nhiên, nếu giai đoạn đầu được đánh dấu bằng ưu thế chính trị của Phật giáo thì giai đoạn sau Công giáo lại thay thế địa vị này.

Tiết I : Giai đoạn chuyển tiếp (1/11/1963 - 31/10/1967) :
Ưu thế chính trị của Phật giáo và phản ứng tự vệ của Công giáo.

Tiết II : Giai đoạn ổn định. (từ đệ II cộng hòa)

TIẾT I : GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP : Phật giáo : địa vị ưu thế
(1963 - 1967)
Công giáo : phản ứng tự vệ

Sau biến cố 1963, Phật giáo đã dùng địa vị ưu thế của mình để can thiệp vào mọi diễn trình quyết định của chính quyền. Sự can thiệp mạnh bạo đó đã gặp phản ứng nơi Công giáo. Thực vậy, trong khi Phật giáo tranh đấu để đi tìm quyền bình thì Công giáo cũng tranh đấu lại để tự vệ. Những chính phủ được Phật giáo ủng hộ thì bị Công giáo đã đảo và ngược lại. Tựu trung ta chia tiết này thành 2 đoạn :

Đoạn 1 : Những chính phủ được Phật giáo ủng hộ và bị Công giáo đảo đảo : (Dương Văn Minh, Phan Huy Quát)

Đoạn 2 : Những chính phủ bị Phật giáo khuyến đảo : (Nguyễn Khanh, Trần Văn Hương, Nguyễn Cao Kỳ)

x

x x

Đoạn 1 : CÁC CHÍNH PHỦ DƯƠNG-VĂN-MINH VÀ PHAN-HUY-QUÁT
(Phật giáo: ủng hộ / Công giáo: đảo đảo)

Phật giáo được coi là có công đầu trong việc tranh đấu để đưa các tướng lãnh thực hiện âm mưu đảo chánh 1963. Nhưng công vọng chính trị tham lam của Phật giáo đã sớm xuất hiện và bị Công giáo nghi kỵ. Đầu sào 2 chính phủ Dương Văn Minh và Phan Huy Quát đã đem lại cho Phật giáo một cơ hội gần nhất với ước vọng mình.

Phân đoạn 1 : MỤC TIÊU CHÍNH TRỊ CỦA PHẬT GIÁO

Tham vọng của Phật giáo sau cuộc vận động thành công năm 1963, là một nạn Phật giáo đang được tôn kính và trọng vọng tại Quốc gia. Thượng Tọa Thích Trí Quang đã viết trong khoảng 1964 trong tạp san Hải Triều Âm rằng : Phật giáo đã nhiều thế kỷ là quốc giáo tại Việt Nam, đã đem lại sự thống nhất đất nước, cũng như đã chống Đệ quốc Pháp. Phật giáo còn chiếm 80% dân chúng và biểu hiệu hoan hảo tinh thần dân tộc, là phản ảnh và lý tưởng của những đức tính cao quý giống noi. Vì vậy Thượng Tọa đã kết luận : Phải tạo một tinh

thần Quốc gia Phật giáo để đối đầu với ý thức hệ ngoại bang. Phật giáo phải có một địa vị quốc gia như trong những thời kỳ vàng son của lịch sử dân tộc (81). Để thể hiện nguyện vọng đó, các nhà lãnh đạo Phật giáo, mà 2 vị sáng chói nhất bây giờ là Thượng Tọa Trí Quang và Thượng tọa Tam Châu, không những nghĩ đến việc dắt người của mình vào guồng máy cai trị mà còn đòi hỏi chính phủ thực thi một chính sách phù hợp quyền lợi quốc gia. Chính phủ cách mạng lâm thời gồm hầu hết các nhân vật Phật giáo trừ một người Công giáo bị Tướng Đờ Mậu thay thế một tháng sau. Sự loại trừ người Công giáo được thi hành trên một qui mô rộng rãi hơn nữa: Ngày 22/11/1963, chính quyền cho giải ngũ 30 sĩ quan cao cấp, phần đông là Công giáo, nhưng nhà chỉ huy trong hành chính và quân đội bị thay thế. Qua thực tiễn không phải là những hành động nhằm vào sự trả thù cá nhân mà là cả một chính sách cơ hệ thống để thanh toán người Công giáo như phong trào thanh toán Cán lão. Ông Cao huy Thuận có viết: Nhưng người lãnh đạo trong đảng Cán lão là Công giáo, đó là nguyên nhân đưa đến sự đối nghịch giữa Công giáo và Phật giáo (82). Nhưng chính phủ cách mạng sớm bị hạn chế trong một cuộc chỉnh lý, và cũng từ đây Phật giáo nhất quyết kiểm soát mọi chính quyền, nếu không tức thì tìm cách lật đổ (83). Chính phủ Nguyễn Khoa Khanh, Trần văn Hương vì vậy không được may mắn ngồi lâu. Duy đến chính phủ Phan Huy Quát lại được Phật giáo chính thức ủng hộ. Việc đầu tiên là Thủ Tướng Quát mời 15 nhân vật Phật giáo vào nội các của mình và 4 vị Bộ trưởng Công giáo, nhưng lại không được coi như thành phần tiêu biểu của công đồng Công giáo, đâu sao, một vài tháng sau (5/65) vị Bộ trưởng Công giáo về kinh tế cũng bị buộc từ chức với những lý do mơ hồ. Trong khi đó, trong quân đội, Tướng Nguyễn Chánh Thi được danh những quyền hành rộng rãi ở Quân đoàn I; về phía quan chung, Phật giáo đã thành lập nhiều tổ chức, mở những phong trào tranh thủ cách mạng, thanh toán thanh phần che đậy cũ, cho sẵn Diệm, Nhu. Quan trọng hơn là chính sách nhuộm màu kỳ thi của Thủ Tướng Quát: Chính phủ quyết định thanh lọc hàng ngũ cán bộ công chức và quân đội qua thông cáo ngày 23/5/1965, mở cuộc kiểm kê tài sản gia đình Ngô đình Diệm ban đầu gia, mở những cuộc bầu cử Hội đồng Tỉnh, Thị xã, Đô thành với đa số về vàng về phía Phật giáo. Chính phủ còn đi đến việc bắt giam ngay 20/5/1965 những sĩ quan, đa số là Công giáo vì bị tố cáo dính dáng đến âm mưu đảo chánh tuy rằng các nhà quan sát cho đó chỉ là sản phẩm của Chính quyền (84).

Những biện pháp dồn dập của Chính phủ đã làm sự chống đối của Công giáo nổ tung vào cuối tháng 5/1965 và cho rằng chính phủ Quát chỉ còn là công cụ của Phật giáo và Thủ Tướng Quát cũng đã từ chức nội tháng đó. Đây không phải là phản ứng lần đầu và duy nhất của Công giáo, họ đã phản ứng nhiều lần.

(81) Lacouture, Jean: Việt Nam: between Two Truces, Random House, N.Y. 1966 p. 217

(82) Chính, Nguyễn hân: sách đã dẫn p. 562

(83) Shaplen, Robert: sách đã dẫn p. 319

(84) Shaplen, Robert: sách đã dẫn p. 344

Phân đoạn 2 : **PHẢN ỨNG TỰ VỆ CÔNG GIÁO**

Động cơ thúc đẩy Công giáo hoạt động chính trị sau biến cố 1963 là phản ứng tự vệ. Ngày 2/9/1964 Linh mục Hoàng Quỳnh có ra một bản tuyên ngôn nhân mạnh: Người Công giáo trước đe dọa sinh mạng và tài sản, họ có quyền bảo vệ lấy mình và người khác mà không sợ bị vu cáo là đi tìm đối đầu với Phật giáo. Nhưng cuộc biểu tình của Công giáo đã trùng hợp với thời gian mà áp lực Phật giáo từ trên chính phủ trở nên mạnh mẽ (85).

Những chính sách và biện pháp của chính phủ sau cách mạng đã sớm bị Công giáo cho là ngược đãi mình: như ban hành một qui chế ưu đãi cho Phật giáo và những chính sách thanh trừng cán bộ cũ người Công giáo. Tại miền Trung, không thiếu những hành động đối nghịch của Phật giáo nhằm vào họ. Phong trào nhân dân tranh đấu mở chiến dịch can quét bọn Công giáo cần lao, tại Đà Nẵng, sinh viên học sinh Công giáo tranh đấu bắt giữ một vị Trung úy quản trưởng người Công giáo, phong trào này còn lập những tòa án bất can bộ chế độ cũ, thu tội công khai, tại Thanh Bô, Đức Lợi người Công giáo bị tham sát (3/9/1964). Người Công giáo đã vùng dậy, với 400.000 người, trong cuộc biểu dương lực lượng ngày 7/6/1964 và khắp nơi trên toàn quốc, những cuộc xuống đường rầm rộ của người Công giáo đã xảy ra. Dẫu sao những cuộc tranh đấu này cũng giúp cho Công giáo tìm lại một phần nào uy thế, khiến những chính phủ chuyển tiếp về sau có một chính sách trung lập với vấn đề Tôn giáo hơn. Nhưng các chính phủ này bị Phật giáo tìm cách khuynh đảo.

ĐOẠN II : Chính phủ NGUYỄN KHÁNH, TRẦN VĂN HƯƠNG, NGUYỄN CAO KỶ

PHẬT GIÁO: KHUYNH ĐẢO / CÔNG GIÁO: CÔNG TÁC

Tất cả các chính phủ chuyển tiếp, vốn yếu kém, đều tìm hầu thuẫn nơi Phật giáo. Nhưng trừ chính phủ Dương Văn Minh, Phan Huy Quát, những chính phủ khác đều bị Phật giáo chống đối cùng với những lời lẽ mà những năm trước họ đã tố cáo chế độ Ngô Đình Diệm.

(85) Chính, Nguyễn Hữu : sách đã dẫn p.589

Dưới các chính phủ này, trừ chính phủ Nguyễn Khánh, Công giáo có vẻ có cảm tình hơn với các chính phủ khác.

Phân đoạn 1 : CHÍNH PHỦ NGUYỄN KHÁNH

Ngay từ khi nắm quyền, Trương Khánh đã muốn đi theo Phật giáo như ban hành 1 qui chế ưu đãi cho Giáo hội, xúc tiến việc thanh toán các thành phần chế độ cũ, đa số Công giáo. Nhưng khi thay mục tiêu tham lam của các nhà lãnh đạo Phật giáo có thể đưa quốc gia đi vào một cơn đường phiêu lưu, Trương Khánh xa dân Phật giáo từ tháng 8/1966. Biện cố tàu Maddox và Turner Joy tại vịnh Bắc Việt cũng như việc thả bom miền Bắc (5/8/1964) đã cho tướng Khánh một cơ hội tăng cường uy quyền mình. Ông ban bố tình trạng khẩn trương trên toàn quốc ngày 7/7/1964 và ban hành Hiến chương Vũng Tàu ngày 16/8/1964 sẽ đem về cho ông toàn quyền quân sự và dân sự (86). Nhưng ông đã không ngờ phản ứng của Phật giáo. Hàng loạt cuộc thuyết pháp, biểu tình tuyệt thực nhằm đến ông. Sinh viên Phật tử kéo đến đình Th. Tướng ở Huế, Hội đồng nhân dân cứu quốc còn đi đến những hành vi bạo động. Đêm 24/8 ba vị lãnh tụ Phật giáo là Thượng tọa Trí Quang, Tam Châu, Thiện Minh đưa kiến nghị đòi thanh toán Cán Lạc, hủy bỏ Hiến chương, thành lập chính phủ trong sạch. Sự nhượng bộ của Trương Khánh qua việc thâu hồi Hiến chương Vũng Tàu ngày 27/8 không làm cho ông khỏi phải từ chức. Thay thế Hiến chương Vũng Tàu là Hiến chương lâm thời 20/10/1964 thành lập Thượng Hội đồng Quốc gia. Thượng hội đồng tuyên nhiệm Phan Khắc Sửu làm quốc trưởng và Trần văn Hương làm Thủ Tướng.

Phân đoạn 2 : CHÍNH PHỦ TRẦN VĂN HƯƠNG

Hai tháng trước lúc chính phủ Trần văn Hương lên cầm quyền là giai đoạn đen tối nhất lịch sử Việt Nam hiện đại (87). Tại Saigon, quyền hành nằm trong tay những kẻ xuống đường. Ngay 31/10/67 Thủ tướng Trần văn Hương quyết định tái lập uy quyền quốc gia và đưa chính trị ra khỏi tôn giáo.

(86) Bain (Chester A.) Vietnam, the roots of conflict, New Jersey, Prentice-Hall, Inc. 1967 p.134

(87) Chính, Nguyễn hữu : sách đã dẫn p.570-571.

"Chùa chiến và nơi thờ tự là chốn thiêng liêng mà chính trị có thể làm như bàn. Không thể để chính trị vay nợ Tôn giáo được" Thanh phan nói các chính phủ Trần Văn Hương biểu lộ ý định này. Không có đại biểu tôn giáo trong chính phủ. Nhưng Phật giáo khổ tha thứ một chính phủ không muốn biết đến Phật giáo, nhất là ý định rõ ràng của Thủ tướng muốn tách rời Tôn giáo khỏi chính trị. Phật giáo bắt đầu bao động và phản ứng dữ dội. Nhưng quả thật khó biết đích xác mục tiêu của Phật giáo. Jean Lacouture đã ủng hộ cuộc tranh đấu Phật giáo 1963 có viết :

Người ta tự hỏi mục tiêu thực sự của Phật giáo là gì và không biết Phật giáo đang muốn gì : Tự do, hòa bình hay một phần quyền hành hay tất cả quyền hành. Lời tuyên bố của Thủ tướng Hương muốn tách rời chính trị khỏi tôn giáo đã làm phẫn nộ hàng tăng sĩ nhất là Thượng tọa Tam Châu trong lúc đó may tháng này, phát ngôn viên của Thượng tọa không ngớt minh định những mục tiêu của công đoàn Phật giáo đều tuân tụy tôn giáo (88)

Quả vậy, thật khó biện minh cho cuộc tranh đấu Phật giáo chống chính phủ Trần Văn Hương. Vì vậy đã bắt đầu có những mầm mống chia rẽ trong nội bộ Phật giáo : Tổng hội Phật giáo, đa số tín hữu miền Nam và Hội liên trưng đều ủng hộ Thủ tướng. Thủ tướng Trần Văn Hương sẽ không từ chức nếu Phật giáo không có một đồng minh đặc biệt, mà ngay xưa là đối thủ Phật giáo : Nguyễn Khánh. Ông đã thuyết phục hội đồng quan lục ra tuyên cáo 27/1/1965 bắt tín nhiệm Thủ tướng Hương và bổ nhiệm Phan huy Quát làm Thủ tướng. Nhưng chính phủ dần sự không lâu sau bị quân đội thay thế.

Phân đoạn 3 : CHÁNH PHỦ NGUYỄN CAO KỶ (6/1965 - 10/1967)

Ngày 11/6/1965, vì có cuộc khủng hoảng chính trị giữa quốc trưởng Phan khắc Sửu và Thủ tướng Phan huy Quát, nên Thủ tướng Quát yêu cầu các tướng lãnh đứng ra làm trung gian giải quyết, nhưng các tướng này không muốn thực sự nắm quyền. Ngày 19/6/1965 Quốc trưởng và Thủ tướng đồng từ chức để giao quyền lại cho quân đội với tướng Nguyễn Văn Thiệu làm Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia. Tướng Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương.

(88) Gheddo, Piero, sách đã dẫn p.315 trích lại Jean Lacouture : Le monde 12/1964.

Cuộc tranh đấu Phật giáo lần này được giải thích bởi rất nhiều lý do, tui trung ta có thể kể : Sự cam quyền của Quan đội thay chính phủ dân sự được xem như sự lợi dụng và phản bội. Lại nữa, ngay khi nắm quyền, Tướng Kỳ lại còn có những hành vi đặc biệt làm mất lòng Phật giáo. Trong khi hành động đã tiến của Tướng Khanh khi lên cầm quyền là lên Chùa Xa Lộ niệm Phật, hay của Phó thủ tướng Nguyễn Xuân Cảnh là tự xưng Phật tử từ lúc mới sinh (89) thì Tướng Kỳ, đáp câu hỏi có phải là Phật tử không, đã trả lời :

Trừ Công giáo ra, ít người Việt Nam biết mình theo đạo gì. Cha mẹ tôi cũng đôi lúc lên Chùa.

Về hành vi "Bác tiến", Tướng Kỳ xác nhận một vài hành động đã xảy ra rồi (90). Tướng Kỳ còn gọi Nội các của ông là Nội các Chiến Tranh và cuối 1965 đã có 200.000 người Mỹ bỏ Việt Nam.

Vì vậy chỉ cần một lý do là việc cách chức Tướng Nguyễn Chánh Thi, tư lệnh quân đoàn I, là vi Tướng thân Phật giáo, cũng đủ làm cho phong trào tranh đấu Phật giáo nổ tung. Từ việc đòi trả lại chức vụ cho Tướng Thi, Phật giáo đã mau mắn đi đến những mục tiêu khác như đòi thành lập một chính phủ đoàn kết, trả lại cho quan đội các Tướng có công với cách mạng, đòi chính phủ đoàn kết quốc gia. Phật giáo còn đi đến những sự bạo động suốt đến nội chiến : Tại Huế và Đà Nẵng, Quân Công Cảnh Phật tử ly khai chính phủ trung ương và chiếm đóng thành phố, ban thờ Phật được đem xuống đường chặn bước tiến quân đội. Tuy nhiên, Tướng Kỳ đã gọi quân đội tại chi chiếm đóng Đà Nẵng (24/4/1965) và Huế. Thượng Tọa Trí Quang bị đem về Sài Gòn và Phật giáo coi như thất bại.

Phân tích sự thất bại này ta có thể kể :

- * Cuộc tranh đấu Phật giáo lần này không được đa số quần chúng ủng hộ nữa vì đã mệt mỏi với những xác trộn trong những năm qua. Trong lục Miền Trung sôi động thì Sài Gòn hầu như im lìm đầu vài ngàn người biểu tình vào tháng 4/1966.
- * Sự chia rẽ chiến thuật chính trị giữa Thượng tọa Tâm Châu và Thượng tọa Trí Quang có những hậu quả tai hại cho cuộc tranh

(89) Chính, Nguyễn Hữu : sách đã dẫn p.576 trích Cao Huy Thuần p.118
(90) La couture, Jean : sách đã dẫn p.141.

đầu. Thượng Tọa Tâm Châu đã không ngừng kêu gọi trên Đài phát thanh là ngưng ngay các cuộc biểu tình chống chính phủ và còn tố cáo phong trào tranh đấu của Thượng tọa Trí Quang nữa.

Thứ ba là Phật giáo coi thường sức mạnh Tướng Kỳ đã sẵn sàng dùng hình thức bạo động mạnh hơn đôi lại phản ứng bạo động của Phật giáo.

Đầu Phật giáo thất bại nhưng cũng nhờ cuộc tranh đấu Phật giáo 1966 mà các định chế chính trị dân chủ được thiết lập mau hơn.

x

x x

Giai đoạn chuyển tiếp được chấm dứt với sự thiết lập nền đệ II. Cộng Hòa Việt Nam. Ngày 31/10/1967, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên thệ nhậm chức, nền Đệ II Cộng hòa chính thức được thiết lập.

TIẾT II : TÔN GIÁO VÀ NỀN ĐỆ II CỘNG HÒA

Phật Giáo được coi là có công đầu trong việc khuyến khích các Tướng lãnh thực hiện âm mưu đảo chánh 1963, Phật giáo cùng cp công trạng thực đây nhà cầm quyền thiết lập các định chế dân chủ và thành lập nền đệ II cộng hòa. Nhưng giai đoạn đầu danh dấu bằng ưu thế chính trị PG, thì giai đoạn sau, tức dưới nền đệ nhị cộng hòa, PG thấy sức mạnh của mình nhỏ dần và cảm chịu số phận thiếu số trong chính trường Việt Nam. Trái hẳn Phật giáo, uy thế Công giáo lại lên dần, để trở thành lực lượng nòng cốt của chế độ. Vậy việc tham gia chính trị của Công giáo và Phật giáo dưới nền đệ II Cộng hòa có những đặc điểm :

Đoạn 1 : Phật giáo: vai trò thiểu số.

Đoạn 2 : Công giáo: vai trò đa số.

ĐOẠN I : PHẬT GIÁO: VAI TRÒ THIỂU SỐ.

Cuộc thất bại chính trị 1966 có hậu quả làm cho Giáo hội phân hóa và suy yếu. Điều này giải thích được Phật giáo đó không còn sức mạnh không chế chính trường và cũng không còn ảnh hưởng sâu đậm vào chính sách nhà cầm quyền nữa; vai trò chính trị khiêm nhường của Phật giáo hiện nay là đối lập với chính quyền và đóng vai thiểu số ở Thượng và Hạ nghị viện .

Thật ra trên danh nghĩa, PG là tôn giáo đa số: đa số trong quần chúng, đa số ở cơ cấu chính quyền, đa số trong những cơ quan lập pháp. Nhưng chính sự chia rẽ của Giáo hội đã làm cho Phật giáo không thể có vai trò đa số trong việc tranh đấu chính trị. Vì vậy con đường Hòa bình và Hòa giải, mục tiêu dân tộc và đạo pháp vẫn hay còn xa vời. Cho đến năm 1969, sau những thất bại chính trị, đổi huy bố các cuộc bầu cử 1967 cũng như chế độ Thiệu Kỳ, thấy thua thiệt trong đường lối tranh đấu bất hợp pháp, PG đi dần vào trung tâm quyền lực Quốc gia bằng cách chấp nhận khung cảnh pháp lý nền đệ II Cộng hòa VN. Sự thắng lợi vẻ vang của liên danh Hoa Sen vào tòa nhà Lập pháp và trình trạng bế tắc hiện nay cho thấy là mục tiêu "Hòa bình, Hòa giải" của PG vẫn là cái gì đang mơ tưởng. Chia sẻ với mục tiêu trên, là Công giáo.

ĐOẠN II : CÔNG GIÁO: VAI TRÒ ĐA SỐ.

Công giáo vẫn thường kêu gọi đến Hòa bình, Hòa giải nhưng việc giải quyết Hòa bình, Hòa giải dựa trên những nguyên tắc gắn liền với Chính quyền VNCH hơn. Vì vậy Công giáo còn là lực lượng nòng cốt của ch

độ do tinh thần chống cộng của họ . Vai trò của Công giáo trong guồng máy Quốc gia còn quan trọng hơn nữa: chức vụ số 1 của quốc gia là 1 người Công giáo, số lượng người Công giáo rất quan trọng tại tòa nhà Lập pháp, trong chức vụ chỉ huy Hành chính cũng như Quân đội . Vậy có thể nói Công giáo là tôn giáo thiểu số, nhưng hiện có vai trò chính trị đa số tại Việt Nam Cộng Hòa.

X

X

IX

Diễn trình tham gia CT của PG vào chính trường đã tạo ra nhiều biến cố và đem lại những tương quan mới mẽ với các lực lượng CT . Các lực lượng này phản ứng ra sao đối với việc tham gia chính trị của PG và PG là 1 bài toán nghiên cứu của Chương II .

CHƯƠNG II : TƯƠNG QUAN GIỮA TG VÀ CÁC LỰC LƯỢNG CHÍNH TRỊ

Sự can thiệp vào CT của tôn giáo đã đem lại những chuyển động trong tương quan giữa các lực lượng chính trị và tôn giáo. Vì biến chuyển Chính trị được phát xuất do sự thúc đẩy của 3 nguồn gốc : Nhà nước , các đoàn thể trung gian và hệ thống chính trị Quốc tế (92) Vậy sự tham gia CT của Công giáo và Phật giáo còn gặp phải những phản ứng của các lực lượng bên trong Quốc gia (Đoạn 1) và của lực lượng CT bên ngoài (Đoạn 2) .

Đoạn 1 : Tương quan Tôn giáo và các lực lượng tại VNCH.

Sự thắng thế cũng như tham vọng CT của Phật giáo sau biến cố 1963 đã đem lại những phản ứng cũng như xích mích nơi các Tôn giáo khác và các chính đảng chính trị tại VN. Những phản ứng này sẽ đưa đến một thế quân bình cần thiết cho tương quan giữa các lực lượng CT tại đây.

Phân đoạn 1: Công giáo , Cao đài, Hòa hảo với Phật giáo.

Giáo hội Cao đài và Hòa hảo đầu tỏ ra thiện cảm với phong trào tranh đấu PG 1963 cũng như sự thành công của công cuộc vận động này , nhưng muốn giữ một vị thế trung lập cho các tranh chấp sau này giữa Công giáo - Phật giáo và Chính quyền. Họ đã sớm từ chối sự mời mọc liên kết vào một Giáo hội Phật giáo đầy uy thế sau 1963 . Hơn thế nữa, đôi lúc tỏ ra bất bình với những cuộc tranh đấu đầy tham vọng của Phật giáo. Và vì thế họ có những hành động có vẻ xích lại gần Công giáo hơn. Vào tháng 1/1965 Họ tổ cao phong trào tranh đấu PG chống CP Trần văn Hương vì đã phản kháng quyền thành lập nội các mà không để cho CP này thời gian làm thứ (93) quan trọng hơn, họ đã liên kết với Công giáo chống chính phủ thân Phật giáo Phan huy Quát vào tháng 5/1965. Hành động tiêu biểu của họ là mau mắn gia nhập 'Hội đồng tôn giáo' năm 1964, do sang kiến các vị lãnh đạo Công giáo hầu tranh tranh chấp tương tã giữa tín đồ các Tôn giáo, như tạo niềm tin thống cam và hợp tác nhau. Hội đồng này cũng đã can thiệp để Quốc hội ghi vào tuyên ngôn 10-4-1967 căn bản hữu thần, tôn trọng tự do tín

(92) Hào, hoàng Xuân, sách đã dẫn p355, trích lại Almond, Gabriel. A and powell, Jr. G. Bingham: comparative politics : A developmental approach p.193. little, Brown and. CO, 1966

(93) Chính, Nguyễn hữu , sách đã dẫn p.586 trích Halberstan . Đ p.303

ngưỡng và chống lại chủ trương vô thần của Quốc gia. Nhưng câu này bị xóa bỏ trước đó trong phần mở đầu của Hiến pháp 1/4/1967 dưới áp lực của Phật giáo.

Trường hợp tương quan giữa PG và Cao đài. Hòa hảo cũng giống như trường hợp PG với các chính đảng CT.

Phân đoạn 2: Tương quan Tôn giáo và chính đảng.

Tôn giáo với các chính đảng đã liên kết chặt chẽ với nhau trong công cuộc tranh đấu giành độc lập, chống thực dân. Nhưng mối tương quan này sớm tan tã khi cộng sản cố gắng thanh toán mọi phần tử Quốc gia. Tại miền Bắc Việt Minh sát hại các lãnh tụ đảng Việt Nam Quốc Dân Đảng, tại miền Nam thì tìm cách thanh toán các giáo phái Cao đài và Hòa hảo. Cho đến khi hiệp định Geneve phân ly đất nước, thì tại Việt Nam Cộng Hòa, các đảng phái chính trị vốn đã ở trong tình trạng rã rời, lại bị một chế độ độc tài dòm ngó nên càng suy vi hơn. Chỉ có chính đảng cũ cần lao, đảng ưu thế của chính quyền là hoạt động mạnh mẽ. Nhưng các lãnh tụ cần lao lại là người Công giáo. Tương quan Công giáo và các chính đảng khác nhuốm đầy nghi kỵ. Sau năm 1963, làn không khí chính trị tự do cho phép các chính đảng hoạt động công khai. Cơ hội này xảy đến cũng là nhờ công lao Phật giáo nên có một số đảng đã tỏ ra thiện cảm với Phật giáo. Về sau này, sự can thiệp mạnh mẽ của Phật giáo vào chính trường đã gặp lại sự chống đối các chính đảng. Nhất là tại miền Trung, những phong trào tranh đấu PG đã một thời cạnh tranh ráo riết với chính đảng và đi đến những cuộc xô xát trong cuộc tranh đấu 1966. Tuy nhiên, tương quan giữa Tôn giáo và chính đảng sớm trở nên bình thường. Vì tại Việt Nam, chỉ có tôn giáo là một lực lượng có thực lực, có tổ chức quân chủng mà chính đảng muốn tìm kiếm thiện cảm hơn là sự xích mích. Ngay những lực lượng chính trị bên ngoài, như Hoa Kỳ và Mặt trận giải phóng miền Nam qua những hành động của họ, cũng muốn thân thiện với TG trong ý đồ can thiệp vào chính trị VNCH.

ĐOẠN 2 : Tôn giáo và các lực lượng chính trị bên ngoài.

VN Cộng hòa trở thành chiến trường tranh chấp giữa phe Tư bản và phe Cộng sản. Vị quyền lợi của họ, Hoa Kỳ, đại diện phe tư bản và Mặt trận giải phóng miền Nam, cộng cụ của cộng sản đã không ngần ngại làm đồng minh với tôn giáo. Vậy ta sẽ xem chiếu bài "giúp đỡ" của Hoa Kỳ và "Giải phóng" của mặt trận để can thiệp vào VNCH để gặp phản ứng gì nơi Công giáo và Phật giáo.

Phân đề an 1: Tôn giáo và Hoa Kỳ.

Ngay từ đầu, sự giúp đỡ của Hoa kỳ cho chính phủ đệ I CH về quân sự và kinh tế không đặt ra một vấn đề nào trong tương quan giữa tôn giáo và Hoa kỳ. Sự cố gắng của Hoa kỳ giúp VNCH ổn định làn sóng người di cư lập nghiệp tại miền Nam, cũng như lời cam kết cộng tác với VNCH về việc xây dựng một Quốc gia độc lập, chóng chóng đã đem lại cam tình của nhiều người. Tuy nhiên ý đồ can thiệp vào nội bộ miền Nam càng ngày càng lộ rõ. Sự bất đồng về việc xây dựng dân chủ và chỉ đạo chiến tranh giữa VNCH và Hoa kỳ ngày thêm sâu đậm. Cuộc khủng hoảng PG E963 đã cho Hoa kỳ cơ hội họ mong đợi. Lợi dụng cuộc tranh đấu này họ làm áp lực với chế độ đệ I CH để sửa đổi lại chính sách phù hợp với quyền lợi nước Mỹ. Tổng thống và Đại sứ Hoa kỳ tại VN cố gắng thuyết phục áp lực bằng cách cắt đứt một phần của chương trình viện trợ, không quân sự, và của những dự án nhập cảng thương mại (94) Nhưng Tổng thống Diệm đã không nghe. Hoa kỳ bồng nhưng thành đồng minh của Phật giáo, đã tích cực ủng hộ cuộc tranh đấu 1963 cũng như có những biện pháp muốn đối đầu rõ rệt với Chính phủ Ngô Đình Diệm. Họ đã không ngần ngại chấp thuận cho Thượng Tọa Trí Quang tự nạn chính trị, đóng ý ghi vào nghị trình của Khoa hợp Hội đồng LHQ về vấn đề vi phạm nhân quyền tại VN. Tình cảm này kéo dài cho đến cuộc đảo chánh thành công 1963 mà Hoa kỳ nhúng tay vào. Nhưng không lâu mới giao hảo này tan vỡ. Không những việc chống đối sự hiện diện Hoa kỳ tại VN, bị PG tố cáo mà bị cả Công giáo nữa. Tuy nhiên sự gây đó giữa tương quan PG và Hoa kỳ trở nên sâu đậm vì mục tiêu Hoa kỳ là chiến tranh, cộng vào đó là cả một sự đối trừ xã hội, văn hóa do sự hiện diện của lính Mỹ. Mục tiêu đó khác xa những đòi hỏi Hòa bình, độc lập của PG. Thái độ CG lại phức tạp hơn, họ nhận thấy hiểm họa của chính sách can thiệp của người Mỹ vào VN, với tất cả đau thương, tang tóc và uất hận nhưng lại thấy giá trị của sự hiện diện này hầu giúp họ chống lại tham vọng nhuộm đỏ miền Nam của cộng sản sự đối kháng mãnh liệt của PG, cũng như âm thầm của Công giáo đối Hoa kỳ lần lần tan biến với chính sách giải kết của người Mỹ tại VN. Nhưng sự e dè Mỹ của TG vẫn còn lại vì người Mỹ vẫn còn ảnh hưởng mạnh mẽ tại VNCH. Trong chiều hướng chính trị, hiện nay, liệu còn có một cam tình sâu đậm giữa TG và Hoa kỳ như năm 1963 chăng ?

(94) Trayer, Frank. N. Why VN, Frederick A. Trayer, NY 1967 p 178

Phân đoạn 2 : Tôn giáo với mặt trận giải phóng miền Nam .

Trở về bối cảnh lịch sử của những năm đầu nền đệ I Cộng Hòa, Tổng thống Ngô Đình Diệm, sau khi dẹp yên nội loạn và tái lập uy quyền trong Quốc gia, đã mau mắn khước từ cuộc tổng tuyển cử thống nhất đất nước do Hiệp định Geneva qui định, Điều 7 của tuyên ngôn Hội nghị Geneva dự trù : Cuộc tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào tháng 7 năm 1956 dưới sự kiểm soát của ủy ban Quốc Tế gồm đại diện những quốc gia Hội viên của ủy hội Quốc Tế. Từ chối cuộc tổng tuyển cử, Tổng thống Diệm tuyên bố ngày 9/8/1955 : Không thể làm được điều gì xây dựng khi nhà cầm quyền miền Bắc không cho phép mỗi một công dân Việt Nam hưởng tự do dân chủ và quyền cầm quyền của con người. Quyết định của ông đầu sao cũng đã giúp Việt Nam Cộng Hòa khởi rơi vào nanh vuốt 1 chế độ Cộng sản độc tài. Nhưng, Tổng thống Diệm không phải là một chiến sĩ của nền dân chủ, ông đi vào con đường độc tài, không chấp nhận đối thoại tại miền Nam và cả với miền Bắc. Chính sách đó chỉ đem lại những sự đối nghịch tương tàn Năm 1960, Hà nội tổ chức mặt trận giải phóng miền Nam, 1 năm sau, đang cách mạng Nhân dân được thành lập (95) tại miền Nam. Từ đây mở đầu cho một cuộc chiến giữa VNCH và công cụ của Bắc việt : Mặt trận giải phóng miền Nam. Sau hơn 10 năm chiến đấu, 4 phe tham dự Hội đàm Ba Lê (Hoa kỳ, Việt Nam Cộng Hòa, Mặt trận giải phóng miền Nam, VN Dân chủ Cộng Hòa) đặt bút ký vào 1 văn kiện " lập lại Hòa bình tại Việt Nam " ngày 27/1/1973. Về tương quan giữa Mặt trận và Việt Nam Cộng Hòa, tuy hiệp định qui định 2 phe ở Nam Việt Nam phải giải quyết mọi tranh chấp trong bầu không khí hòa giải và hòa hợp, nhưng 2 phe chưa sẵn sàng thừa nhận nhau (96). Về tương quan giữa Công giáo và Phật giáo với mặt trận giải phóng miền Nam, vấn đề đang được bàn cãi.

a/ TƯƠNG QUAN CÔNG GIÁO VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM .

Công giáo và mặt trận giải phóng miền Nam không có một sự giao dịch nào, người Công giáo được coi là những kẻ chống cộng, Giao hội Công giáo lại muốn có vẻ hợp tác và đối thoại với Chính Phủ VNCH hơn là với Mặt trận giải phóng miền Nam. Chống lại mục tiêu tranh đấu của Mặt trận, Giao hội nhiều lần lên tiếng phê bình những yêu sách lạm lợi cho Mặt trận. Bức thư chung của Giám Mục VN ngày 29/1/1966 nói về Hòa bình: Không thể có Hòa bình với bất cứ giá nào. Không thể có

(95) Bain, A. Chester : sách đã dẫn p 125

(96) Sở Thông tin Hoa kỳ Saigon : lập lại Hòa bình tại VN, chú giải của tiến sĩ Henry. A. Kissinger p, 17, 1973 .

hòa bình trong nô lệ, trong bất công, trong sự đàn áp, trong hận thù và cũng không thể có được Hòa bình giữa những kẻ thắng và người thua. Một nền Hòa bình lý tưởng của Công giáo qua thực là một nền Hòa bình không công. Có một số người, ác ý và ngay cả Công sản, vẫn thường giải thích lập trường của Giáo hội như một sự muốn kéo dài chiến tranh. Nhưng hiểu được thái độ Công giáo đối với công sản nói chung và Mặt trận giải phóng miền Nam nói riêng nếu ta nhớ người Công giáo còn in sâu nhưng chúng tích lịch sử của sự tàn sát và cam đoan ngoài Bắc, của làn sóng di cư trốn thoát chế độ bạo tàn, của sự phân biệt công sản trong 1 chính phủ liên hiệp, Sự sợ hãi hiện họ một nền độc tài công sản đã đưa Công giáo đến chỗ chống công qua khích, để chỉ con sự phân biệt một bên là công sản, một bên chống công sản tại VNCH. Nhưng cũng thật là ao tuông để hy vọng giết đến người công sản cuối cùng (97) mà vì vậy những Linh mục cấp tiến trong giáo hội đã chỉ trích sự sai lầm của người Công giáo và luôn kêu gọi đi vào con đường hòa giải, công tác đấu với Công sản để tránh một cuộc chiến tranh diệt chủng. Đây cũng là tham vọng của Phật giáo để giải quyết vấn đề Công sản tại Việt Nam Cộng hòa.

b/ TUONG QUAN PHẬT GIÁO VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

Giữa Phật giáo và Mặt trận giải Phóng Miền Nam, chưa thấy có một sự giao dịch trực tiếp nào, ngoại trừ những văn thư gọi sang Hòa đàm Paris (98). Tuy nhiên, rất nhiều người muốn hiểu lầm hay có ý hiểu lầm Phật giáo than công để thỏa mãn tham vọng của mình. Trong tạp chí : Young East, Japanese Buddhist Quarterly 1965, họ đi đến vì ệc gây chia rẽ giữa Công giáo và Phật giáo như nói : " Sự áp bức tại Á Châu do Công giáo và bọn da trắng, trong khi còn đường giải thoát phải ở Phật giáo liên kết với Công sản, vì cả hai bỏ tức cho nhau, có cùng một lý tưởng và một mục tiêu; giữa Phật giáo và Công sản, sự kết hợp mạnh hơn sự chia rẽ (99) và họ vội đi đến kết luận : Người ta không còn gì nghi ngờ về việc Công sản xâm nhập vào hàng ngũ Phật tử tại Việt Nam vì Phật giáo và Công sản đoàn kết cho một mục tiêu chung. Những người chống công Miền Nam còn cho rằng Phật giáo trở nên thiên vị khi không đặt vấn đề gì với Công sản cả về những yêu sách

-
- (97) Lan, Nguyễn ngọc,
(98) Tài, Tạ văn, Giảng văn Ds.19, đã dan, 1972
(99) Young East Japanese Buddhist Quarterly (Tokyo/1965 No.56 p.19-20).

"đòi Hòa bình, chống Mỹ" của Phật giáo đã làm lợi cho Cộng sản. Phan tích kỹ hơn, họ cho rằng những kỹ thuật tranh đấu của Phật giáo nhuộm màu sắc Cộng sản, hoặc đã được Cộng sản xanh động?

Các vị lãnh đạo Phật giáo vẫn luôn luôn chối bỏ mọi tương quan này. Thượng tọa Trija Quang đã trả lời: "Thật là một sự tượng tượng và chúng tôi không cần để ý đến" cho câu hỏi có Cộng sản ở trong hàng ngũ Phật giáo (100). Đối với việc tại sao Phật giáo không đặc vấn đề gì với Cộng sản, Thượng tọa nói: "Tại Miền Nam Việt Nam, mọi người đều chống Cộng. Nhưng sự chống Cộng chính thức của nhà cầm quyền Việt Nam chỉ dùng để che đậy những quyền lợi mở an mà chúng tôi không thể ủng hộ bằng cách tuyên bố mình chống cộng (101). Thượng tọa còn thêm: "Trên phương diện tôn giáo và triết lý, thái độ của tôi đối với Cộng sản không khác gì với Giáo hội Công giáo. Vì Cộng sản đàn áp mọi tôn giáo. Thực vậy, Philippe Deviliers cũng đồng ý với lời tuyên bố của Thượng Tọa, ông đã viết: Thượng tọa đề nghị một cuộc chiến với Cộng sản bằng những phương tiện hữu hiệu hơn và nhân đạo hơn (102). Đây là cuộc chiến cho hòa bình, cho hòa giải dân tộc vì không thể biện minh được cho cuộc chiến này và vì không thể có một chiến thắng quan sự."

Võ Văn Ái, tổng thư ký Hội Phật Kiêu Hải ngoại đã nói: "Tôi tin tưởng vào những lực lượng tôn giáo mà tôi gọi là thành phần thứ ba là những lực lượng mới đem lại một giải pháp thực sự thế. Thành phần này chấp nhận nói chuyện với Cộng sản nhưng không chấp nhận chỉ một mình họ lãnh đạo Việt Nam, cũng như sự loại trừ các lực lượng chống Cộng khác không đồng ý với chính thể Hà Nội... Các hệ thống truyền thanh truyền hình và báo chí thường nội dung hai lực lượng đối nghịch: đó là Cộng sản và chống Cộng mà ở đây, họ chỉ là thiểu số. Chỉ có thành phần thứ ba mới qui tụ đa số quan chúng, mới có khả năng đem đất nước đến hòa bình bởi vì đó là một lực lượng đem đến sự hòa giải giữa mọi người (103). Thực vậy, chỉ có sự hợp tác giữa Tôn giáo và giữa người Việt Nam mới đem đến hòa bình và xây dựng Quốc gia. Ngày nào, còn có sự chia rẽ thì không một ai, một lực lượng nào khác có thể thay thế vai trò này được."

-
- (100) Gheddo, Piero : sách đã dẫn p.231, trích lại Life International 2/5/1916.
(101) Gheddo, Piero: sách đã dẫn p.362, trích lại L'Italie, Milan, 25/1/1968.
(102) Gheddo, Piero, p.362, trích lại Deviliers Philippe: Monde diplomatique 5/1966 p.6, Paris.
(103) Gheddo, Piero, p.293 trích Ái, Võ Văn, Gioventu, Rome, 3/1968 p.25-27.

TÔNG LUẬN

TỔNG KẾT LUẬN

Tại Việt Nam Cộng Hòa, Tôn giáo có một vai trò chính trị rất lớn. Quan chúng tín tưởng vào các nhà lãnh tụ Tôn giáo hơn là nơi các lãnh tụ chính trị. Không những thế, tình cảm tôn giáo được biểu lộ mạnh mẽ và chi phối toàn thể đời sống, hoặc man mác trong mọi hành vi hằng ngày từ quận trọng đến tâm thường (104) có thể nói những lực lượng có ảnh hưởng thực sự vào hiện tình đất nước gồm một bên đảng Cộng sản và bên kia là Quân Đội Việt Nam Cộng hòa và tôn giáo (105).

Trở về quá khứ, vai trò tôn giáo càng quan trọng hơn. Một ngàn năm với địa vị vị vọng của Khổng giáo và Năm trăm năm ảnh hưởng Phật giáo trên chính trường Việt Nam. Cho đến khi Pháp xâm lăng nước ta, đời sống chính trị và tôn giáo Việt Nam bước qua một giai đoạn mới. Dầu có vô vàn đề ra nguyên tắc phân lập giáo chánh, người Pháp lại dành mọi sự đề dãi cho Công giáo trong việc truyền đạo tại đây. Vấn đề tôn giáo lại trở nên nguồn gốc của sự xâu xé và phân ly trong đất nước. Trước nhu cầu tiến bộ của quốc gia ta phải giải quyết thách thức vấn đề phân lập Giáo hội và chính trị : như thế nào và quan niệm sự hợp tác giữa các tôn giáo tại Việt Nam ra sao ?

A/ VẤN ĐỀ PHÂN LẬP GIÁO CHÁNH :

Trong các quốc gia tự do tiến bộ ngày nay, tất cả đều đồng ý phân lập giáo chánh. Để tìm phương thức giải quyết vấn đề phân lập giáo chánh tại Việt Nam, phải có sự cố gắng về phía chính quyền cũng như tôn giáo.

1/ VỀ PHÍA CHÍNH QUYỀN :

Hiến pháp 1/4/1967 của Việt Nam Cộng Hòa, có qui định trong điều 09 quyền tự do tín ngưỡng, tự do truyền giáo và hành đạo. Tự do này có giới hạn là :

- Không xâm phạm đến quyền lợi Quốc gia.
- Không phương hại an ninh, trật tự cộng đồng.
- Không trái thuần phong mỹ tục.

(104) Cadière, Léopold, croyances et pratiques religieuses des Annamites, Imprimerie d'Extrême Orient, 1955 p.1

(105) Chính, Nguyễn hữu, sách đã dẫn, p.615.

Sự qui định tỉ mỉ tự do tôn giáo của Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa 1967 có mục đích muốn đạt một làn ranh phân lập Giáo Hội và chính trị mà kinh nghiệm của những năm trước (1964, 1965, 1966) khi biên cương giao chánh bị xóa phòa trong những cuộc đấu tranh chính trị của Tôn giáo suốt đũa Quốc gia đến nội loạn chính trị và cả tôn giáo. Tuy nhiên nếu xét tình trạng xã hội, chính trị Việt Nam ngày nay, khi các đảng phái chính trị thì ra rồi Quốc gia thì không đủ sức gánh vác hết mọi công tác giáo dục, xã hội; Quốc gia còn phải cần đến sự hợp tác của Tôn giáo. Vậy sự phân lập giao chánh phải là một sự phân lập tương đối, nhưng quốc gia vẫn phải giữ tính chất thế tục của mình. Tính chất thế tục của quốc gia không ngăn cản trách nhiệm của Quốc gia trong việc ban hành những biện pháp pháp lý nhằm bảo vệ quyền tự do tôn giáo. Trong những biện pháp này, các chính quyền đều tỏ ra thiếu sót, chính quyền Nhật Cộng Hòa thì có chấp trong việc ưu tiên danh cho tôn giáo. Qui chế an định bởi sắc lệnh 16/1/1939, các chính quyền sau cách mạng lại có tìm hậu thuẫn nơi các tôn giáo qua việc ban hành những qui chế tạm thời và va va vuu :

- Sắc luật 158 - SLu/CT ngày 14/5/1964, thay thế bởi sắc luật 005/SLu/CT ngày 26/2/1966 và 23/67 ngày 18/3/1967 cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.
- Sắc luật 002/65 ngày 12/7/1965 cho Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo.
- Sắc luật 003/65 ngày 12/7/1965 cho Giáo Hội Cao Đài.

Vì vậy, một tình trạng phi lý và bất bình đẳng giữa các tôn giáo vẫn còn tồn tại. Chính quyền nên ban hành một qui chế pháp lý duy nhất cho mọi Giáo hội, trong đó, phải đề dưng công nhận tư cách pháp nhân và thủ tục thành lập Giáo Hội, nhưng chỉ dành hoàn toàn tự do đối phạm vi các hoạt động về văn hóa, xã hội, tôn giáo của Giáo hội. Có như vậy sự bất mãn của tôn giáo với chính quyền không còn lý do tồn tại và sự phân lập giao chánh mới trở nên lạnh nhạt. Ngược lại, về phía tôn giáo, cần phải có sự thay đổi về nào trạng.

2/ VỀ PHIA TÔN GIÁO :

Vai trò tôn giáo vẫn còn tồn trọng trong diễn trình chính trị của quốc gia. Vì vậy, nay ta đồng ý về sự phân lập Quốc gia và Giáo hội tương đối giữa quốc gia và Giáo hội, về sự hợp tác trong những lãnh vực tôn giáo, văn hóa, xã hội, miễn là quốc gia vẫn giữ được tính cách thế tục của mình, thời trai lại, tôn giáo phải biết đứng ở một giới hạn thích hợp.

Kinh nghiệm của bài học lịch sử 1963, hay 1966 cho thấy rằng sự lợi dụng tôn giáo vào chính trị hay ngược lại chỉ đem đến đến hoặc sự sụp đổ một chính thể hoặc hủy hoại một Giáo hội. Phục an và Phật pháp không những đề ra cho Giáo Hội sự mạnh siêu nhiên, nhưng còn thúc đẩy Giáo hội tranh đấu cho công bằng và dân thân vào sự hoàn thiện xã hội. Không thể có tiêu chuẩn đích xác cho biên cương giao chạnh nhưng tiêu tích xác là nếu quốc gia biết đứng lại ở giới hạn thế tục của mình thì ngược lại Giáo hội phải tranh lợi dụng ĐẠO vào ĐỒI nhưng là phục vụ ĐẠO cho ĐỒI.

Để phục vụ hiệu triệu trong việc góp phần xây dựng đất nước, các tôn giáo phải biết hợp tác với nhau.

B/ SỰ HỢP TÁC CÁC TÔN GIÁO :

Sự hợp tác các tôn giáo quả thực là con đường hy vọng cuối cùng cho đất nước. Tôn giáo tại Việt Nam Cộng Hòa có một sức mạnh và ảnh hưởng rộng lớn trong quần chúng mà không một lực lượng, đảng phái chính trị nào so kịp. Nay thành tam ngôi lại và tích cực chung vai sát cánh trong việc đòi hỏi hòa bình và xây dựng quốc gia, thời tôn giáo sẽ là một lực lượng quan trọng nhất để thành công trong việc mang lại hòa bình và đòi hỏi một chính phủ dân chủ thực sự có hậu thuẫn quần chúng. Tuy nhiên thực tế tôn giáo chưa bao giờ tỏ ra tươi sáng. Các tôn giáo thích ngoảnh mặt, xích mích với nhau, và đòi hỏi thụ hạn nhau. Con đường hợp tác của tôn giáo đã có lúc được khơi xướng nhưng chỉ đứng lại ở bước đầu. Sự gặp gỡ các lãnh tụ tôn giáo trong Hội Đồng Tôn Giáo hoặc chùa chiền, hoặc chỉ là một hình thức ngoạn mục có tính cách tượng trưng không

hơn không kém.

Sự chia rẽ sâu xa nhất vẫn là giữa Phật giáo An
Giang và các tôn giáo khác về vấn đề hòa bình. Mà vấn đề hòa bình
dân tộc luôn luôn là một nhu cầu khẩn thiết nhất cho đất nước. N
Công giáo đã đòi lan gay to ước mong hòa bình, thời họ còn phải can
lạm đi tìm sự hợp tác chân thực với Phật giáo mà tư tưởng hòa bình
vẫn được coi mục tiêu trọng kỳ của Giáo hội. Sự xích lại của các
tôn giáo hiện vẫn còn là một mơ ước cũng như sự ước mơ cho hòa bình
của nước Việt Nam thân yêu.

THƯ MỤC:

- BÔNG, Nguyễn văn: Luật Hiến pháp và Chính trị học, Sài gòn, 1967
- BUTTINGER, Joseph: Small dragon, a political history of VN, Praeger, NY, 1958
- BAIN, Chester, A: VN: the roots of conflict, NJ, Prentice hall, Inc, 1967
- BOUSCAREN, A, Trawck: Diêm of VN, Duquesne University press, Pittsburgh, 1965
- CHINH, Nguyễn hũu: Les croyances religieuses et la vie politique au VN,
Thèse de doctorat, Université de Paris, 1970
- GADIÈRE, Léopold: Les croyances et pratiques religieuses des Annamites
Imprimerie d'Extreme Orient, 1955
- GIÁC, Tuệ: Phật giáo tranh đấu sử, Sài gòn, 1964
- FALL, Bernard: Le Việt minh, Colin Paris, 1960
- GHEDDO, Piero: Catholiques et bouddhistes au VN, Groupe des Éditions,
Paris, 1970
- HẢO, Hoàng xuân: Phật giáo và Chính trị VN ngày nay, Luận án Tiến sĩ, Đại
học Sài gòn, 1972
- HẠNH, Nhất: VN, la paix interdite, Vallecchi, Florence, 1967
: Hoa sen trong biển lửa, Việt kiều hải ngoại Paris, 1966
- LACOUTURE, Jean: VN between two truces, Random house, NY, 1967
- LATREILLE, André: Les forces religieuses et la vie politique, Armand
Colin, Paris, 1950
- HÙNG, Nguyễn mạnh: Bang giao quốc tế, Nghiên cứu HC, Sài gòn, 1971
- NEIL, Sheehan and HEDRICH, Smith: Pentagon's papers, Bantam book , Inc, NY, 1971
- LOUVET, C, E: Missions catholiques au 19^e siècle, Lyon, 1894
- SCIGLIANO, R: South VN, nation under stress, Houghton, Boston, 1964
- TIẾT, Trần minh: Histoire des persécutions au VN, Imprimerie de Notre dame
de Paris, Elois, 1955

- TRẦN, Trần thị hoài: Các lực lượng CT, Chính đảng, Sài gòn, 1972
- THÊM, Đoàn: Những ngày chưa quên, Phạm quang Khải xuất bản, Sài gòn, 1969
- TRAGER, Frank, N: Why VN, New-York, 1967
- TÀI, Tạ văn: Chính trị học tại các Quốc gia đang phát triển, giảng văn Cao học HC, 1972
- CÁC Vấn đề Chính trị VN, Giảng văn Ban Đốc sự, 1971
- VIÊN, Nguyễn khắc: Tradition et révolution au VN, un groupe d'auteurs, 1968

CÁC TẠP CHÍ

Đất nước, Đối diện, Đức mẹ hằng cứu giúp, Tinh thần
 Hải triều âm, đất tổ, Vạn hạnh-tư tưởng.
 Missi, les études, Information catholique internationale,
 Bách khoa, Chính luận, Đại dân tộc

CÁC VĂN KIỆN

Hiến pháp Việt nam cộng hòa, bộ dân vận và chiêu hồi, 1974
 Hiệp định Paris, chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình tại VN, Thông
 in Hoa kỳ, 1973
 Thư luân lưu của Hội đồng giám mục VN: 1963, 1974
 Thông điệp Đức Tăng thống, 1970